

## **ĐẶT VẤN ĐỀ**

Đất đai là tài nguyên thiên nhiên vô cùng quý giá, là tư liệu sản xuất đặc biệt, là thành phần quan trọng của môi trường sống. Vì vậy đất đai phải được quản lý, sử dụng hợp lý và khai thác có hiệu quả.

Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 quy định tại Khoản 1 Điều 54 “Đất đai là tài nguyên đặc biệt của quốc gia, nguồn lực quan trọng phát triển đất nước, được quản lý theo pháp luật.”

Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 29/11/2013 Chính phủ về thi hành Luật Đất đai và Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/06/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Các văn bản pháp quy đã ban hành trên là cơ sở thuận lợi cho việc tăng cường công tác quản lý đất đai trong tình hình mới hiện nay của đất nước.

Tại Chương 2, Điều 14, Luật Đất đai năm 2013 tại quy định "Nhà nước quyết định mục đích sử dụng đất thông qua quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất" và tại Chương 4 Điều 45 Khoản 3 quy định "Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của cấp huyện".

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2011 - 2015) huyện Mường Nhé được phê duyệt tại Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2014 của UBND tỉnh Điện Biên, đã thực hiện việc phân bổ đất đai cho các thành phần kinh tế, cũng như quá trình ổn định dân cư, đảm bảo công tác chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, đấu giá quyền sử dụng đất ... đáp ứng kịp thời cho các công trình, dự án xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn trong thời kỳ 2011-2015.

## **PHẦN I**

### **SỰ CẦN THIẾT ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT**

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2011-2015) huyện Mường Nhé được phê duyệt tại Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2014 của UBND tỉnh Điện Biên, là cơ sở pháp lý cho các cấp, các ngành của địa phương quản lý sử dụng đất, xây dựng kế hoạch sử dụng đất đai. Trong quá trình thực hiện quy hoạch sử dụng đất đã đạt được một số thành tựu nhất định. Tuy nhiên phương án quy hoạch cũng chịu tác động của nhiều yếu tố khách quan cũng như chủ quan nằm ngoài khả năng dự báo, nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực luôn biến động, quá trình quản lý nhà nước về sử dụng đất đai đã đảm bảo các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Bên cạnh những thành tựu đáng ghi nhận, thì kết quả thực hiện quy hoạch cũng đã xuất hiện một số bất cập và những hạn chế nhất định cần được nghiên cứu xem xét điều chỉnh cho phù hợp. Một số vấn đề tồn tại cần được nêu, đó là:

- Việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất chưa theo quy hoạch, sử dụng đất sai mục đích, sự khác nhau giữa quy hoạch của các ngành và quy hoạch sử dụng đất chưa có sự gắn kết.

- Một số chỉ tiêu của kỳ đầu kế hoạch sử dụng đất 5 năm không đạt theo chỉ tiêu đề ra, một số vượt chỉ tiêu đề ra. Song bên cạnh đó là các văn bản điều chỉnh bổ sung quy hoạch chi tiết trong các vùng quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt .v.v...

- Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT đã xác lập một hệ thống chỉ tiêu sử dụng đất mới so với quy hoạch trước đây đòi hỏi phải thực hiện điều chỉnh lại quy hoạch sử dụng đất theo các chỉ tiêu mới cho phù hợp.

- Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất tỉnh Điện Biên đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối 2016-2020 đang triển khai thực hiện đã có những điều chỉnh lại một số định hướng, cơ cấu sử dụng đất trên địa bàn toàn tỉnh.

- Trong quá trình thực hiện quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt, đến nay đã có một số chương trình, dự án mới phát sinh đòi hỏi phải được điều chỉnh, bổ sung quỹ đất trong quy hoạch.

- Một số dự án định hướng mới có tác động lớn đến việc sử dụng đất trên địa bàn huyện đó là Đề án 79/QĐ-TTg ngày 12/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt sắp xếp ổn định dân cư 31 điểm bản; Chương trình mục tiêu quốc gia về nông thôn mới và các dự án thành phần được UBND tỉnh Điện Biên phê duyệt đi vào triển khai thực hiện ...

Từ thực tế trên cho thấy những chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2010 - 2020 không còn phù hợp, cần được điều chỉnh quy hoạch nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện từ nay đến năm 2020.

## **I. CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT**

### **1.1. Căn cứ lập điều chỉnh quy hoạch**

Cơ sở pháp lý lập quy hoạch sử dụng đất huyện Mường Nhé dựa trên các căn cứ sau:

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013;
- Luật Đất đai năm 2013 ngày 29/11/2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về Nghị định sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ về việc triển khai thi hành Luật Đất đai;
- Quyết định số 799/QĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án sắp xếp, ổn định dân cư phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên đến năm 2015;
- Quyết định số 555/QĐ-TTg ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Điện Biên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;
- Nghị quyết số 78/NQ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Điện Biên;
- Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 Quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- Thông tư số 28/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;
- Công văn số 1224/TCQLĐĐ-CQHĐĐ ngày 22 tháng 9 năm 2014 của Tổng cục quản lý đất đai về việc hướng dẫn điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp và lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện;
- Công văn số 187/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc điều chỉnh quy hoạch và lập kế hoạch sử dụng đất;

- Quyết định 229/QĐ-UBND ngày 07/4/2014 của UBND tỉnh Điện Biên về việc xét duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020; kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) huyện Mường Nhé;

- Quyết định số 36/2014/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên ban hành bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019;

- Kế hoạch số 1417/KH-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2015 của UBND tỉnh Điện Biên về việc thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của cấp tỉnh và cấp huyện; lập kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ cuối (2016-2020) cấp tỉnh và lập kế hoạch sử dụng đất năm 2016 cấp huyện.

- Quyết định số 697/QĐ-UBND ngày 12 tháng 08 năm 2015 của UBND tỉnh Điện Biên về việc giao danh mục dự án lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự kiến khởi công mới giai đoạn 2016-2020 nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách nhà nước thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 tỉnh Điện Biên;

- Quyết định số 1043/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2015 của UBND tỉnh Điện Biên về việc điều chỉnh bổ sung danh mục dự án lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự kiến khởi công mới giai đoạn 2016-2020 thuộc nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn tín dụng ưu đãi, vốn trương trình 30a, vốn trương trình 135, vốn trương trình xây dựng nông thôn mới thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 - tỉnh Điện Biên;

- Quyết định số 1301/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2015 của UBND tỉnh Điện Biên về việc giao điều chỉnh, bổ sung danh mục dự án lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự kiến khởi công mới giai đoạn 2016-2020 nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020;

- Nghị quyết 395/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên về việc chấp thuận đầu tư các dự án cần thu hồi đất và dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ vào các mục đích khác năm 2016 trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

- Quyết định số 1386/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2015 của UBND tỉnh Điện Biên về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và vốn đầu tư phát triển nguồn cân đối ngân sách địa phương năm 2016 tỉnh Điện Biên;

- Quyết định số 1487/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2015 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2016-2020, tỉnh Điện Biên;

- Quyết định số 87/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2016 của UBND tỉnh Điện Biên về việc ban hành Chương trình giải pháp chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh và dự toán ngân sách năm 2016;

- Quyết định số 563/QĐ-UBND ngày 21 tháng 4 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 của huyện Mường Nhé;

- Quyết định số 1527/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng năm 2017, tỉnh Điện Biên;

- Quyết định số 1551/QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh về việc giao danh mục và vốn đầu tư phát triển từ nguồn cân đối ngân sách địa phương năm 2017 tỉnh Điện Biên;

- Quyết định số 1228/QĐ-UBND ngày 11/12/2017 của UBND tỉnh Điện Biên về việc ban hành kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn Ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ tỉnh Điện Biên giai đoạn 2016-2020 (Điều chỉnh) và Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách Nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ năm 2018.

- Quyết định số 1171/QĐ-UBND ngày 10/12/2018 của UBND tỉnh Điện Biên về việc điều chỉnh kế hoạch vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn Chương trình MTQG năm 2018 (bao gồm kế hoạch vốn năm 2017 được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2018), tỉnh Điện Biên;

- Quyết định số 1170/QĐ-UBND ngày 10/12/2018 của UBND tỉnh Điện Biên về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 và kế hoạch vốn đầu tư công vốn Ngân sách Nhà nước năm 2019, tỉnh Điện Biên;

- Quyết định số 1168/QĐ-UBND ngày 10/12/2018 của UBND tỉnh Điện Biên về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh năm 2019, tỉnh Điện Biên;

- Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 4 tháng 8 năm 2016 của HĐND tỉnh Điện Biên về việc chấp thuận bổ sung danh mục dự án cần thu hồi đất và dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ vào các mục đích khác năm 2016 trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

- Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2016 của HĐND tỉnh Điện Biên về việc Chấp thuận danh mục dự án cần thu hồi đất và dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ vào các mục đích khác năm 2017 trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

- Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2016-2020 và Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ năm 2017, tỉnh Điện Biên;

- Quyết định số 1199/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2016 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt dự án rà soát, điều chỉnh quy hoạch chi tiết khu bảo tồn thiên nhiên huyện Mường Nhé đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 38/QĐ-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2017 của UBND tỉnh Điện Biên phê duyệt điều chỉnh bổ sung Đề án sắp xếp, ổn định dân cư phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên đến giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 312/QĐ-UBND ngày 12/4/2017 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 huyện Mường Nhé;

- Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc chấp thuận bổ sung danh mục dự án cần thu hồi đất và dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ vào các mục đích khác năm 2017;

- Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 27/9/2017 của UBND tỉnh Điện Biên phê duyệt bổ sung danh mục các dự án vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 cấp huyện;

- Nghị quyết số 81/NQ-HĐND ngày 09/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc chấp thuận danh mục cần thu hồi đất và dự án có sử dụng đất trồng lúa, rừng phòng hộ vào mục đích khác năm 2018; Hủy bỏ danh mục dự án cần thu hồi đất được HĐND tỉnh thông qua trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

- Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 20/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên chấp thuận bổ sung danh mục các dự án cần thu hồi đất và dự án có sử dụng đất trồng lúa chuyển sang mục đích khác năm 2018 trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

- Quyết định số 347/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2018 của UBND tỉnh Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2018 huyện Mường Nhé;

- Quyết định số 1208/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Điện Biên về phê duyệt dự án rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Điện Biên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 7 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên chấp thuận danh mục dự án cần thu hồi đất và dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ vào các mục đích khác năm 2019; Hủy bỏ danh mục dự án cần thu hồi đất đã được HĐND tỉnh chấp thuận, thông qua trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

- Văn bản số 2917/UBND-KTN ngày 10 tháng 10 năm 2018 của UBND tỉnh Điện Biên Về việc phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất cấp tỉnh cho các huyện, thị xã thành phố;

- Văn bản số 835/STNMT-QLĐĐ ngày 12/10/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên về việc hoàn thiện Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất năm 2019 cấp huyện;

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Mường Nhé nhiệm kỳ 2015 - 2020;

- Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 23 tháng 3 năm 2016 của Hội đồng nhân dân huyện về kế hoạch phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội đảm bảo quốc phòng - an ninh 5 năm giai đoạn 2016-2020 huyện Mường Nhé;

- Quyết định số 799/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2016 của UBND huyện Mường Nhé về việc phê duyệt kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh 5 năm giai đoạn 2016-2020 huyện Mường Nhé;

- Số liệu kiểm kê năm 2009, năm 2014 - thống kê đất đai, bản đồ hiện trạng sử dụng đất qua các năm 2015, 2016, 2017 của huyện Mường Nhé.

## **1.2. Cơ sở thông tin, dữ liệu và bản đồ**

- Báo cáo thuyết minh tổng hợp quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) huyện Mường Nhé;

- Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2015, huyện Mường Nhé;

- Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2015 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2016 huyện Mường Nhé;

- Nhu cầu sử dụng đất của tổ chức, cộng đồng dân cư trên địa bàn huyện Mường Nhé;

- Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2015;

- Số liệu kiểm kê đất đai năm 2014 của các xã và của huyện Mường Nhé;

- Bản đồ nền quy hoạch đến năm 2020 huyện Mường Nhé, tỷ lệ 1/25.000;

- Bản đồ nền kế hoạch sử dụng đất năm 2015 huyện Mường Nhé, tỷ lệ 1/25.000.

- Các tài liệu, số liệu và bản đồ khác có liên quan đến việc sử dụng đất trên địa bàn huyện.

## **II. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT**

**2.1. Phân tích, đánh giá bổ sung điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên và thực trạng môi trường.**

### **2.1.1. Phân tích, đánh giá bổ sung điều kiện tự nhiên**

#### **2.1.1.1. Vị trí địa lý**

Tổng diện tích tự nhiên của huyện Mường Nhé là 156.908,11 ha (*chiếm 16,46% diện tích của tỉnh*) bao gồm 11 đơn vị hành chính xã là: Quảng Lâm, Nậm Kè, Pá Mỹ, Huổi Léch, Mường Toong, Mường Nhé, Nậm Vi, Chung Chải, Leng Su Sìn, Sín Thầu và Sen Thượng. Là huyện duy nhất có chung đường biên giới giáp với

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Mường Nhé - tỉnh Điện Biên  
2 quốc gia Trung Quốc 40,861 km và CHDCND Lào 91,303 km, trên tuyến biên giới Việt - Trung có cửa khẩu A Pa Chải (theo Nghị định thư phân giới cắm mốc Biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc, ngày 18 tháng 11 năm 2009 tại Bắc Kinh, Trung Quốc).

Huyện có vị trí giáp ranh như sau:

- Phía Bắc và Tây Bắc giáp với tỉnh Vân Nam, Trung Quốc;
- Phía Tây Nam và Nam giáp với tỉnh Phong Sa Lý của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào;
- Phía Đông Bắc giáp huyện Mường Tè tỉnh Lai Châu;
- Phía Đông và Đông Nam giáp với huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên.

#### 2.1.1.2. Địa hình, địa mạo

Địa hình của huyện Mường Nhé chủ yếu là dạng địa hình đồi núi nghiêng dần theo hướng Tây Bắc - Đông Nam. Nhìn chung địa hình huyện Mường Nhé tương đối hiểm trở, bị chia cắt mạnh, diện tích đồi núi có độ dốc >25% chiếm khoảng 62 %, chủ yếu là núi đất xen kẽ các thung lũng khá lớn, có nền rắn được kết cấu bằng tập hợp các loại đá trầm tích biến chất, chạy dọc theo các suối lớn như Nậm Nhé, Nậm Ma, Nậm Mỳ... Độ cao trung bình nằm trong khoảng 700-1.500m so với mực nước biển. Có thể thấy, trên địa bàn huyện Mường Nhé có 2 dạng địa hình chính là núi đất cao và thung lũng ven suối. Theo điều tra của viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp, địa hình của huyện Mường Nhé có thể phân cấp theo 5 cấp độ dốc:

#### 2.1.1.3. Khí hậu

Khí hậu huyện Mường Nhé mang đặc trưng khí hậu vùng cao Tây Bắc với đặc điểm mùa đông lạnh, mưa ít; mùa hè nóng mưa nhiều.

- Chế độ nhiệt: Nhiệt độ trung bình trong năm vào khoảng 22,25<sup>0</sup>C. Nhiệt độ không khí bình quân cao nhất vào tháng 6 là 26,3<sup>0</sup>C, thấp nhất vào tháng 1 là 16,6<sup>0</sup>C. Nhiệt độ tối cao là 40,9<sup>0</sup>C, nhiệt độ tối thấp là 3,9<sup>0</sup>C, số ngày nắng trong năm trung bình khoảng 180 ngày/năm. Tổng tích ôn cả năm là 8121<sup>0</sup>C.

- Chế độ mưa: Mùa mưa bắt đầu từ tháng 4 đến tháng 10, có lượng mưa năm dao động trong khoảng 2.000-2.600mm/năm. Lượng mưa tập trung chủ yếu trong mùa mưa chiếm 75-91% tổng lượng mưa năm. Ba tháng mưa lớn nhất trên toàn lưu vực là các tháng 6, 7 và 8, với lượng mưa chiếm 56-62% tổng lượng mưa năm. Mùa khô bắt đầu từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau lượng mưa chỉ chiếm khoảng 9-25% tổng lượng mưa năm. Đặc biệt lượng mưa của ba tháng mưa ít nhất tháng 1, tháng 2 và tháng 3 chỉ chiếm 3,5-5,0% tổng lượng mưa cả năm.



- Độ ẩm: Mường Nhé có độ ẩm trung bình dao động trong khoảng 80-86%. Vào mùa mưa độ ẩm không khí tương đối có thể lên tới trên 86%. Vào thời kỳ chuyển tiếp giữa mùa khô và đầu mùa mưa thường xuất hiện khô lạnh, độ ẩm không khí xuống thấp. Tháng có độ ẩm tương đối trung bình cao nhất là tháng 7, tháng khô nhất là tháng 3 và tháng 4.

- Chế độ gió: Do phụ thuộc vào cấu trúc địa hình, gió mùa Tây Nam từ tháng 3 đến tháng 7 thường gây ra hiệu ứng phơn làm cho ban ngày thường khô và nóng ở dọc theo thung lũng từ Sín Thầu tới Quảng Lâm. Ngoài ra, Mường Nhé còn chịu ảnh hưởng của gió Lào xuất hiện từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau thường khô nóng và gió Đông Nam thổi vào, tháng 4 đến tháng 9 mang nhiều hơi nước và thường kèm theo những trận mưa rào.

#### 2.1.1.4. Thủy văn

Huyện Mường Nhé nằm trong phạm vi đầu nguồn của lưu vực sông Đà, gồm có một số hệ thống suối chính như: Hệ thống suối Nậm Mo Phí; Hệ thống suối Nậm Ma; Hệ thống suối Nậm Nhé.

### 2.1.2. Các nguồn tài nguyên

#### 2.1.2.1. Tài nguyên đất

Tổng diện tích tự nhiên của huyện là 156.908,11 ha theo tổng kiểm kê đất đai Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 01/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ về kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014. Đất đai của huyện Mường Nhé bao gồm 3 nhóm đất với 7 loại đất chính. Trong đó các loại đất chủ yếu sản xuất nông nghiệp gồm đất phù sa sông suối và đất mùn vàng, đất đỏ vàng.

#### **\* Nhóm đất mùn vàng đỏ trên núi:**

Diện tích 75.512,28 ha, chiếm 47,98 % tổng diện tích tự nhiên. Đây là nhóm đất hình thành và phát triển ở độ cao từ 900m trở lên. Do phân bố ở địa hình cao, dốc, hiểm trở, chia cắt mạnh (>70% diện tích nhóm đất ở độ cao dốc 25%) nên đất dễ bị xói mòn mạnh vào mùa mưa. Ở độ cao này nhiệt độ thấp, độ ẩm cao, quá trình phong hóa đá mẹ xảy ra chậm là điều kiện thuận lợi cho quá trình tích lũy mùn. Tuy vậy, loại đất này thường là khu vực rừng đầu nguồn nên thường được dành cho việc khoanh nuôi bảo vệ rừng. Nhóm đất này có 2 loại đất chính:

#### *- Đất mùn đỏ vàng trên đá sét (ký hiệu Hs)*

Diện tích 13.875,81 ha, chiếm 12,54% diện tích tự nhiên của huyện

Phân bố ở các xã Sín Thầu 6.759,13 ha, Sen Thượng 7.116,68 ha, Chung Chải 501,15 ha, Leng Su Sìn 432,85 ha, Mường Nhé 3.705,84 ha, Nậm Vì 1.061,16 ha, Mường Toong 32,0 ha, Huổi Léch 32,0, Nậm Kè 42,47 ha, Quảng Lâm 29,63 ha, Pá Mỳ 19,15 ha.

Tính chất: Đất có mức độ phong hóa feralit yếu. Kết quả phân tích cho thấy: cấp hạt sét bị rửa trôi theo chiều sâu phẫu diện khá rõ. Hàm lượng chất hữu cơ tích lũy ở tầng mặt cao, giảm đột ngột xuống các tầng dưới. Mức độ phân giải chất hữu cơ yếu. Đất có phản ứng chua ở tầng mặt, các tầng dưới rất chua. Đạm và lân tổng số từ khá đến giàu. Kali tổng số và dễ tiêu trung bình đến khá. Lân dễ tiêu nghèo. Tổng lượng cation kiềm trao đổi rất thấp.

Hướng sử dụng: Đây là loại đất thích hợp với các loại cây lâu năm, cây đặc sản, cây dược liệu...

- *Đất mùn vàng nhạt trên đá cát (Hq)*

Diện tích: 55.780,21 ha, chiếm 35,44 % diện tích tự nhiên của huyện

Phân bố ở các xã Sín Thầu 4.612,50 ha, Sen Thượng 4.856,50 ha, Chung Chải 9.850,63 ha, Leng Su Sìn 8.508,07 ha, Mường Nhé 6.530,12 ha, Nậm Vì 1.869,88 ha, Mường Toong 3.845,74 ha, Huổi Léch 3.845,74 ha, Nậm Kè 5.520,54 ha, Quảng Lâm 3.851,05 ha, Pá Mỳ 2.489,45 ha.

Tính chất: Đất hình thành trong điều kiện địa hình cao, chia cắt mạnh, dốc nhiều, nhiệt độ thấp. Mưa nhiều và tập trung vào mùa hè nên đất bị rửa trôi, xói mòn mạnh, tầng phong hóa mỏng. Đất có thành phần cơ giới nhẹ, cấp hạt thô chiếm tỷ lệ lớn. Kết quả phân tích thành phần cơ giới cho thấy quá trình rửa trôi cấp hạt sét xảy ra mạnh, sét tăng dần theo chiều sâu. Đất rất chua toàn phẫu diện. Hàm lượng chất hữu cơ tầng mặt cao giảm đột ngột xuống các tầng dưới. Các chất tổng số: Đạm và lân khá, Kali trung bình. Các chất dễ tiêu: Lân trung bình, Kali khá, Tổng lượng cation kiềm trao đổi rất thấp.

Hướng sử dụng: Loại đất này chủ yếu dành cho phát triển lâm nghiệp (bảo vệ rừng đầu nguồn, chống xói mòn), kết hợp trồng một số cây lâu năm, cây đặc sản có giá trị kinh tế. Những nơi có độ dốc <math><15^\circ</math> nên thiết kế các nương bậc thang để luân canh giữa các cây họ đậu, cây lương thực và các cây họ đậu và cây lấy sợi. Quy hoạch các tầng đất dày nên các cấp độ dốc thích hợp để phát triển cây công nghiệp dài ngày.

\* ***Nhóm đất đỏ vàng:***

Diện tích: 81.529,65 ha chiếm 51,81% diện tích tự nhiên của huyện.

Nhóm đất này hình thành và phát triển trên địa hình núi thấp từ độ cao dưới 900m. Đất được hình thành trên sản phẩm phong hóa của nhiều loại đá mẹ khác nhau. Nhóm đất này có 4 loại đất chính:

- *Đất nâu đỏ trên đá macma bazơ và trung tính (Fk):*

Diện tích: 1.834,21 ha, chiếm 1,17% diện tích tự nhiên

Phân bố tập trung ở năm xã Mường Toong 378,06 ha, Huổi Léch 378,06 ha, Nậm Kè 501,78 ha, Quảng Lâm 350,05 ha và Pá Mỳ 226,28 ha.

Tính chất: Đất có tầng phong hóa dày, mức độ feralit mạnh, cấu trúc tốt, thành phần cơ giới từ thịt trung bình đến thịt nặng. Phản ứng đất chua toàn phần diện. Hàm lượng chất hữu cơ ở hai tầng mặt khá, các tầng dưới trung bình. Độ chua thủy phân cao, độ no bazơ thấp. Các chất tổng số: đạm và lân giàu, kali nghèo. Các chất dễ tiêu: lân nghèo, kali trung bình. Tổng lượng cation kiềm trao đổi trung bình.

Hướng sử dụng: Nhìn chung đây là loại đất tốt, rất thích hợp trồng cây dài ngày đặc biệt là cây chè, cây ăn quả... Một số diện tích ở địa hình bằng thoải có thể phát triển lương thực, hoa màu và cây công nghiệp ngắn ngày. Đáng chú ý là nhiều nơi loại đất này chưa được khai thác và sử dụng hợp lý, nên bị xói mòn rửa trôi mạnh. Khi sử dụng loại đất này vào sản xuất cần lưu ý các biện pháp chống xói mòn, che phủ giữ ẩm đất vào mùa khô, bón thêm phân nhất là kali và lân.

- *Đất đỏ nâu trên đá vôi (Fv):*

Diện tích: 313,0 ha, chiếm 0,20% diện tích tự nhiên

Phân bố tập trung ở bốn xã Sín Thầu 70,63 ha, Sen Thượng 74,37 ha, Chung Chải 90,14 ha và Leng Su Sìn 77,86 ha.

Tính chất: Đất có thành phần cơ giới trung bình - nặng, tầng đất mỏng (<50cm). Phản ứng đất chua toàn phần diện. Hàm lượng chất hữu cơ ở 2 tầng mặt cao, các tầng dưới trung bình. Các chất tổng số: đạm và lân giàu, kali nghèo. Các chất dễ tiêu: lân nghèo, kali khá. Tổng lượng cation kiềm trao đổi rất thấp.

Hướng sử dụng: Đây là loại đất có hàm lượng dinh dưỡng khá, nhưng hình thành và phát triển trên các dải núi có sườn dốc mạnh, phân bố trên địa hình dốc (>25°) vì vậy loại đất rất hạn chế cho sản xuất nông nghiệp, tầng đất mỏng; cần chú ý khoanh nuôi bảo vệ rừng.

- *Đất đỏ vàng trên đá sét và biến chất (Fs)*

Diện tích: 26.237,41 ha, chiếm 16,67% diện tích tự nhiên.

Phân bố ở các xã Sín Thầu 3.097,57 ha, Sen Thượng 3.261,43 ha, Chung Chải 3.792,97 ha, Leng Su Sìn 3.276,03 ha, Mường Nhé 4.619,28 ha, Nậm Vĩ 1.322,72 ha, Mường Toong 1.415,48 ha, Huổi Léch 1.415,48 ha, Nậm Kè 1.878,70 ha, Quảng Lâm 1.310,56 ha, Pá Mỳ 847,19 ha.

Tính chất: Đất có cấu trúc khá, thành phần cơ giới thịt trung bình - nặng, càng xuống sâu tỷ lệ sét càng cao. Mức độ feralit từ trung bình đến mạnh và có xu hướng giảm dần theo độ cao. Phản ứng của đất chua toàn phần diện. Hàm lượng chất hữu cơ tầng mặt khá, giảm nhanh xuống các tầng dưới. Các chất tổng số: đạm và lân khá, kali trung bình. Các chất dễ tiêu: lân nghèo, kali khá. Tổng lượng cation kiềm trao đổi và dung tích hấp thụ thấp.

Hướng sử dụng: Đây là loại đất có hàm lượng dinh dưỡng khá, thành phần

cơ giới từ trung bình đến nặng, phân bố thành những vùng tập trung, tầng đất dày > 50cm chiếm diện tích đa số; cần được sử dụng hợp lý để phát triển nông lâm nghiệp. Loại đất này phân bố ở độ dốc 8° - 15° thích hợp phát triển cây lâu năm như cây chè và cây ăn quả. Các vùng đất dốc từ 15° - 25° nên bố trí trồng cây dài ngày theo mô hình nông lâm kết hợp. Đất tầng mỏng, dốc >25° bố trí khoanh nuôi phục hồi lại rừng.

- *Đất vàng nhạt trên đá cát (Fq)*

Diện tích 53.145,03 ha, chiếm 33,77 % diện tích tự nhiên

Phân bố ở các xã Sín Thầu 1.806,23 ha, Sen Thượng 1.901,77 ha, Chung Chải 6.624,96 ha, Leng Su Sìn 5.722,04 ha, Mường Nhé 7.062,64 ha, Nậm Vì 2.022,36 ha, Mường Toong 5.772,27 ha, Huổi Léch 5.772,27 ha, Nậm Kè 7.661,28 ha, Quảng Lâm 5.344,40 ha, Pá Mỳ 3.454,80 ha.

Tính chất: Loại đất này phân bố ở địa hình chia cắt, dốc nhiều; song tầng đất dày chiếm đa số. Đất có thành phần cơ giới nhẹ, sét vật lý rửa trôi mạnh theo chiều sâu. Đất có phản ứng rất chua toàn phần diện. Hàm lượng chất hữu cơ và các chất dinh dưỡng nghèo. Tổng lượng cation kiềm trao đổi và độ no bazơ thấp.

Hướng sử dụng: Trên loại đất này nhiều nơi nhân dân đã trồng ngô, đậu đỗ, lúa nương, chuối...đạt năng suất khá. Khả năng mở rộng diện tích đất nông nghiệp trên loại đất này không lớn. Cần chú ý khoanh nuôi bảo vệ rừng đầu nguồn, những nơi thuận lợi có thể bố trí cây trồng theo mô hình nông lâm kết hợp.

\* *Nhóm đất phù sa*

Diện tích: 331,01 ha, chiếm 0,21 % diện tích đất tự nhiên

Phân bố tập trung ở các xã: Chung Chải 25,76 ha, Leng Su Sìn 22,24 ha, Mường Nhé 108,84 ha, Nậm Vì 31,16 ha, Mường Toong 29,48 ha, Huổi Léch 29,48 ha, Nậm Kè 39,12 ha, Quảng Lâm 27,29 ha, Pá Mỳ 17,64 ha.

Đất được hình thành do quá trình bồi đắp phù sa của các hệ thống suối Nậm Ma, Nậm Mo Phí, Nậm Nhé. Vì vậy loại đất này phân bố thành dải kéo dài chạy dọc hai bờ các con suối.

Tính chất: Đất hình thành do quá trình bồi tụ của các suối lớn. Đất có màu nâu nhạt đến nâu xám, thành phần cơ giới từ cát pha đến thịt trung bình. Phản ứng của đất chua tầng mặt, các tầng dưới ít chua - trung tính. Hàm lượng chất hữu cơ ở tầng mặt trung bình, các tầng dưới thấp. Các chất tổng số: đạm trung bình, lân giàu, kali nghèo. Các chất dễ tiêu đều nghèo. Tổng lượng cation kiềm trao đổi thấp.

Hướng sử dụng: Đây là loại đất tốt, rất thích hợp cho sản xuất nông nghiệp, có thể trồng hai vụ lúa ở các khu vực thuận nguồn nước hoặc trồng lúa màu kết hợp trên các khu vực cao.

### **2.1.2.2. Tài nguyên nước**

Nguồn nước mặt: Địa bàn huyện Mường Nhé nằm ở khu vực phòng hộ đầu nguồn của lưu vực sông Đà, có hệ thống sông, suối dày đặc, với 3 hệ thống suối chính là hệ thống suối Nậm Mo Phí, hệ thống suối Nậm Ma và hệ thống suối Nậm Nhé. Với hệ thống suối dày đặc nguồn tài nguyên nước của huyện tương đối phong phú, dồi dào, nước từ các hệ thống suối này là nguồn nước chính cung cấp cho sinh hoạt và sản xuất của người dân trong vùng. Tuy nhiên lượng nước tập trung lớn vào mùa mưa, với đặc điểm địa hình dốc, dòng chảy xiết, thoát nước nhanh nên vào mùa mưa thì dư thừa lượng nước, gây lũ quét nhưng đến mùa khô lượng nước khan hiếm không đảm bảo cho sinh hoạt và sản xuất.

Nguồn nước ngầm: Hiện tại chưa có đủ tài liệu điều tra khảo sát về trữ lượng nước ngầm trên toàn huyện, nhưng theo kết quả khảo sát sơ bộ thì mực nước ngầm ở vào khoảng 15-25m, chất lượng khá tốt, có thể khai thác để sử dụng trong sinh hoạt và sản xuất.

### **2.1.2.3. Tài nguyên rừng**

Theo số liệu thống kê đất đai năm 2015, trên địa bàn huyện có 86.329,04 ha rừng chiếm 55,02% diện tích tự nhiên của huyện, trong đó rừng sản xuất là 13.458,61 ha; rừng phòng hộ 27.876,99 ha, rừng đặc dụng 44.993,43 ha. Độ che phủ rừng toàn huyện là 55,08%. Rừng của huyện Mường Nhé chủ yếu là rừng trồng mới theo chương trình 327, chương trình 661 của Chính phủ.

Hệ thực vật rừng khá phong phú theo thống kê qua các công trình điều tra của Viện điều tra quy hoạch rừng, Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam, Viện sinh thái và Tài nguyên sinh vật, sơ bộ ban đầu cho thấy thực vật có mạch bậc cao trên địa bàn trong khu vực huyện và đặc biệt là khu bảo tồn thiên nhiên Mường Nhé có khoảng 308 loài thực vật bậc cao thuộc 233 chi, 94 họ. Có những họ có số loài rất lớn như họ thầu dầu 19 loài, họ dẻ 10 loài...; trong đó có 29 loài thực vật quý hiếm trong sách đỏ Việt Nam cần được bảo vệ, số loài cây có tên trong sách đỏ Việt Nam và thế giới là 4 loài, không có tên trong sách đỏ Việt Nam nhưng có tên trong sách đỏ thế giới là 6 loài. Điều này càng khẳng định sự đa dạng phong phú về số loài, số chi, số họ của khu hệ thực vật huyện Mường Nhé.

Hệ động vật rừng có nhiều loài quý hiếm theo thống kê chưa đầy đủ trên địa bàn huyện có trên 400 loài động vật có xương sống trong đó có 61 loài thú, 270 loài chim, 27 loài lưỡng cư, 35 loài bò sát và 50 loài cá. Những loài động vật quý hiếm cần được bảo vệ có; Gấu chó, Gấu ngựa, Vượn bạc má, Voọc xám, các loài Hổ, Báo hoa mai, các loài khỉ, các loài Rái cá, Công, Niệc cổ hung, Trăn Gấm, Ba ba...

Nguồn tài nguyên rừng của Mường Nhé đang giảm dần về tính đa dạng phong phú vốn có về thành phần loài cũng như số lượng cá thể. Các nguồn gen đặc hữu và quý hiếm ngày càng mất đi, nhiều loài có nguy cơ bị tuyệt chủng hoặc bị đe dọa tuyệt chủng. Vì vậy cần có biện pháp nhằm khoanh giữ và phát triển nguồn tài nguyên này.

*(Nguồn: hạt kiểm lâm huyện Mường Nhé).*

Nhìn chung, rừng của Mường Nhé có diện tích rừng bảo tồn lớn nhất tỉnh Điện Biên nên chứa đựng nguồn tài nguyên động, thực vật phong phú, song những năm gần đây, do vấn đề bùng nổ dân số, nạn du canh du cư tự do, người dân thiếu ý thức bảo vệ môi trường... đã khiến diện tích rừng và chất lượng rừng bị suy giảm đáng kể. Chất lượng môi trường sinh thái vẫn tiếp tục bị suy giảm, gây nên thiên tai, lũ lụt lớn, sản xuất nông lâm nghiệp mất ổn định.

Tuy nhiên cũng cần phải nhận định rằng: Đa dạng về thành phần loài sinh vật ở Mường Nhé còn khá phong phú. Vì vậy, việc bảo vệ nghiêm ngặt các loài thực vật, động vật đang tồn tại là vấn đề có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo vệ đa dạng tài nguyên sinh vật để phát triển bền vững ở Mường Nhé.

#### **2.1.2.4. Tài nguyên khoáng sản**

Theo tài liệu của Cục Địa chất Việt Nam, trên địa bàn huyện Mường Nhé có một số loại khoáng sản chính như : Than, mỏ muối, đá vôi, cát sỏi, nước khoáng... và đã khảo sát một số mỏ sau:

- Điểm nước khoáng Quảng Lâm - Mường Toong: (t°: 37°C, Q: 0041/s)

Tuy nhiên hầu hết các điểm quặng, nước khoáng trên mới chỉ dừng ở mức độ thăm dò sơ bộ, chưa có khảo sát đánh giá trữ lượng và phương án khai thác cụ thể.

Ngoài ra đang có đề xuất tổ chức thăm dò đánh giá trữ lượng mỏ than và mỏ muối tại khu vực xã Mường Toong.

#### **2.1.2.5. Tài nguyên nhân văn**

Trước năm 1990, trong huyện chủ yếu là dân tộc Thái, Hà Nhì và một số dân tộc khác như Khơ Mú, Cống, Kháng, Si La, Mông sinh sống. Trong những năm vừa qua Mường Nhé là tâm điểm của tình trạng dân di cư tự do đã ồ ạt kéo vào các khu vực Mường Toong, Mường Nhé, Chung Chải, Leng Su Sìn một cách tự phát, không kiểm soát được, trong đó chủ yếu là người Mông.

Hiện nay trên địa bàn huyện Mường Nhé sau khi chia tách đơn vị hành chính mới có 10 dân tộc sinh sống gồm: Mông, Thái, Kinh, Hà Nhì, Dao, Cống, Kháng, Si La, Hoa và Sán Chỉ, do vậy huyện Mường Nhé có thành phần dân tộc khá phong phú. Những dân tộc sở tại có nền văn hóa lâu đời với những nét đặc trưng truyền thống của dân tộc vùng cao thể hiện qua trang phục, ngôn ngữ, lễ hội truyền thống.

*(Nguồn số liệu: Chi Cục thống kê huyện Mường Nhé 9 tháng đầu năm 2017)*

#### **2.1.3. Thực trạng môi trường**

Do yếu tố địa hình nằm ở khu vực Tây Bắc, địa hình dốc, quá trình rửa trôi, xói mòn đất đai trên địa bàn huyện là rất lớn, đặc biệt tại các vùng thiếu thảm thực vật, không được phủ kín (*đất trống, đồi trọc tại các khu vực rừng bị tàn phá, làm nương rẫy*).

Môi trường đất đã và đang biến đổi theo chiều hướng xấu do trồng trọt, chăn nuôi là ngành nghề chính trong phát triển nông nghiệp của huyện. Nguyên nhân là do sử dụng quá mức phân bón hoá học, các loại thuốc kích thích sinh trưởng làm thoái hoá và ô nhiễm môi trường đất.

Môi trường nước mặt của huyện chủ yếu là nước sông, suối, ao hồ nhỏ. Qua nghiên cứu 20 mẫu nước mặt ở các xã trong huyện cho kết quả chỉ tiêu hàm lượng BOD<sub>5</sub> (*lượng oxy hoà tan trong nước*), TDS (*tổng chất rắn hoà tan*), Coliform đều đạt quy chuẩn cho phép QCVN 08:2008/BTNMT.

Môi trường không khí huyện Mường Nhé nhìn chung còn khá tốt, tuy nhiên đang có dấu hiệu ô nhiễm như: cháy rừng gây ô nhiễm khói bụi, quá trình thối rữa của xác động thực vật chết không được chôn lấp, các hoạt động sản xuất, tiêu thụ công nghiệp, hoạt động của các phương tiện giao thông vận tải, sinh hoạt của con người.

Trong những năm gần đây huyện đang phải đối mặt với một số vấn đề về môi trường do các hiện tượng thiên nhiên bất thường nêu trên đã gây bất lợi đến sản xuất và đời sống nhân dân. Nguyên nhân chủ yếu là do diện tích rừng đầu nguồn của huyện tuy được nâng lên, nhưng chất lượng rừng chưa cao, độ che phủ và khả năng giữ nước kém cùng với diện tích đất trống đồi núi trọc vẫn còn nhiều.

Những vấn đề về môi trường nêu trên cần được giải quyết tốt trong giai đoạn tiếp theo để đưa huyện Mường Nhé đạt được hiệu quả cao cả về kinh tế và môi trường. Đồng thời nâng cao chất lượng cuộc sống cho đồng bào các dân tộc trên địa bàn huyện. Như vậy việc tái tạo cảnh quan, bảo vệ môi trường, cải tạo đất đảm bảo cho phát triển bền vững là rất cần thiết.

## **2.2. Phân tích, đánh giá bổ sung thực trạng phát triển kinh tế - xã hội.**

### **2.2.1. Thực trạng phát triển kinh tế**

Trong giai đoạn 2010-2015, huyện Mường Nhé cơ bản đã hoàn thành nhiều chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2015 mà Đại hội đảng bộ huyện đã đề ra. Năm 2015 Thương mại - dịch vụ chiếm 27,5%; Thủ công nghiệp - xây dựng chiếm 21,5%; Nông lâm ngư nghiệp chiếm 51%, trong đó:

- Thương mại - Dịch vụ phát triển nhanh và đóng góp cho tăng trưởng kinh tế, các loại hình dịch vụ, tiện ích như: Cửa hàng tự chọn, Nhà hàng, Văn phòng, cửa hàng kinh doanh dịch vụ ... hình thành rộng khắp đã khai thác tốt tiềm năng thương mại và hình thành chuỗi liên kết từ: Sản xuất - chế biến và tiêu thụ sản phẩm ra thị trường góp phần ổn định đời sống của nhân dân.

- Thủ công nghiệp chủ yếu là các hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản, sơ chế nông lâm sản, thực phẩm, các sản phẩm thủ công của nhân dân chủ yếu là hoạt động tự phát, quy mô nhỏ, thiếu sức cạnh tranh.

- Sản xuất nông lâm nghiệp chuyên dịch tích cực theo hướng gia tăng giá trị sản phẩm nông nghiệp, quá trình cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu vật nuôi, cây trồng được đẩy mạnh; diện tích đất nông nghiệp ngày một ổn định góp phần nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp trên đơn vị diện tích canh tác. Chăn nuôi có sự chuyển hướng tăng cả về số lượng và chất lượng, phù hợp với điều kiện thực tế trên địa bàn..

## **2.2.2. Phân tích, đánh giá bổ sung thực trạng phát triển một số ngành**

### **2.2.2.1. Ngành nông nghiệp**

Trong những năm qua ngành nông nghiệp đã có nhiều cố gắng, đưa những tiến bộ khoa học - kỹ thuật và những giống cây trồng, vật nuôi để áp dụng vào sản xuất, xong thành quả mang lại vẫn còn hạn chế do đặc thù của sản xuất nông nghiệp miền núi, do giống cây trồng vật nuôi chưa thích nghi được với khí hậu thời tiết và bên cạnh đó là nhân dân chưa tiếp thu hết khoa học - kỹ thuật để thay đổi tập quán canh tác trồng trọt, chăn nuôi truyền thống. Do vậy mô hình sản xuất lớn chưa đạt được kết quả, tuy nhiên đã có những mô hình sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thành công ở mức độ nhất định. Các dự án thu hút đầu tư đạt được là: dự án trồng cây Cao su; dự án trồng cây Cà phê; dự án trồng cây Rong giềng. Trong đó:

#### **\* Ngành trồng trọt:**

Diện tích, sản lượng cây lương thực có hạt tăng lên không ngừng năm 2011 diện tích là 6.328,40 ha, sản lượng là 10.840,80 tấn đến năm 2015 diện tích là 6.644,70 ha, sản lượng là 14.743,22 tấn (*số liệu đã được tách 06 xã của huyện Nậm Pồ*) và chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu giá trị, sản lượng của ngành sản xuất nông nghiệp. Diện tích gieo trồng cây lương thực được tăng lên hàng năm. Những loại cây trồng chủ yếu là: Lúa đông xuân, lúa mùa, lúa nương, cây ngô, cây sắn, cây đậu, cây lạc.

- Lúa cả năm 2015 diện tích 5.014,20 ha, năng suất bình quân đạt 23,97 tạ/ha, sản lượng đạt 12.020,92 tấn.

- Ngô cả năm 2015 diện tích là 1.630,50 ha, năng suất đạt 16,70 tạ/ha, sản lượng thu hoạch 2.722,30 tấn.

- Khoai cả lang năm 2015 diện tích là 97 ha, năng suất đạt 81 tạ/ha, sản lượng thu hoạch 785,7 tấn.

- Sắn cả năm 2015 diện tích là 411 ha, năng suất đạt 70,10 tạ/ha, sản lượng thu hoạch 2.881,10 tấn.

- Đậu tương cả năm 2015 diện tích là 356 ha, năng suất đạt 10,60 tạ/ha, sản lượng thu hoạch 377,1 tấn.

- Lạc cả năm 2015 diện tích là 124 ha, năng suất đạt 10,70 tạ/ha, sản lượng thu hoạch 133,1 tấn.



- Diện tích một số cây ăn quả năm 2015 là 144 ha, diện tích cho thu hoạch 64,2 ha.

- Diện tích một số cây công nghiệp lâu năm, năm 2015 là 1.344,93 ha trong đó: Cà phê là 116,14 ha; Cao su là 1.229,78 ha. Năm 2015 diện tích Cà phê cho thu hoạch là 6 ha, sản lượng là 4,8 tấn.

*(Nguồn số liệu: Niên giám thống kê năm 2015 huyện Mường Nhé).*

\* Lâm nghiệp:

Sau khi đã điều chỉnh địa giới theo Nghị quyết 45/NQ-CP ngày 25 tháng 8 năm 2012 của Chính phủ về việc điều chỉnh địa giới hành chính để thành lập đơn vị hành chính cấp xã, cấp huyện thuộc tỉnh Điện Biên thì huyện Mường Nhé sau khi chia tách đơn vị hành chính mới còn lại 11 xã với 134.613,30 ha rừng chiếm 85,54% diện tích đất tự nhiên của huyện, độ che phủ rừng của huyện đạt 54,38%.

*(Nguồn số liệu: Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu KT-XH chủ yếu, 9 tháng năm 2013 của UBND huyện Mường Nhé).*

Mường Nhé được đánh giá là khu vực có nhiều loại gỗ quý như dổi, dẻ, vối thuốc, thông, pơ mu, gió bầu... với trữ lượng gỗ tương đối lớn, có nhiều loại động vật quý hiếm như trăn, gấu, gà lôi, rùa... Hiện nay, việc khai thác lâm sản chủ yếu là nhằm phục vụ dân dụng tại chỗ. Việc khai thác lâm sản được chính quyền quan tâm, quản lý chặt chẽ. Ngoài khai thác gỗ, củi người dân còn khai thác măng, nấm hương, mộc nhĩ, mật ong... đây là những lâm sản chủ yếu mà người dân khai thác được từ rừng đã góp phần nâng cao đời sống, sinh hoạt hàng ngày của người dân. Trong những năm qua thông qua chương trình phát triển lâm nghiệp dự án 661 diện tích đất trồng rừng ngày càng mở rộng, nhận thức của người dân đối với việc bảo vệ rừng được nâng cao. Tuy nhiên hiệu quả trồng rừng còn thấp, hiện tượng chặt phá rừng làm nương rẫy vẫn diễn ra do hiện tượng dân di cư tự do vào huyện trong những năm qua rất khó kiểm soát.

- Năm 2015 diện tích đất rừng của huyện là 86.329,04 ha, chiếm 55,05% diện tích tự nhiên, trong đó: Đất rừng phòng hộ là 27.876,99 ha; Đất rừng đặc dụng là 44.993,44 ha; Đất rừng sản xuất là 13.458,61 ha.

*(Nguồn số liệu: Số liệu thống kê đất đai năm 2015 huyện Mường Nhé).*

\* Chăn nuôi:

Ngành chăn nuôi của huyện chủ yếu là chăn nuôi trâu, bò, ngựa để lấy sức kéo và chăn nuôi lợn, gia cầm để giải quyết một phần nhu cầu thực phẩm của gia đình và thị trường nội vùng. Ngành chăn nuôi còn mang tính tự phát, nhỏ lẻ, quy mô chưa lớn, chưa được coi là nguồn thu nhập quan trọng của kinh tế gia đình. Phương thức chăn nuôi chủ yếu là chăn thả tự nhiên nên năng suất thấp và hiệu quả không cao. Năm 2015 ngành chăn nuôi của huyện có:

Tổng số đàn trâu	: 7.491 con.
Tổng số đàn bò	: 3.955 con.
Tổng số đàn dê	: 4.030 con.
Tổng đàn ngựa	: 102 con.
Tổng số đàn lợn	: 12.904 con.
Tổng số đàn gia cầm các loại:	83.635 con.

Thủy sản tiếp tục được khuyến khích phát triển, hàng năm huyện đều quan tâm hỗ trợ và chủ động cung ứng các loại giống đến nông dân, đồng thời tạo thuận lợi cho nông dân chuyển đổi một số loại đất trước kia canh tác hiệu quả không được cao sang nuôi trồng thủy sản, diện tích là 104,48 ha.

*(Nguồn số liệu: Niên giám thống kê năm 2015 huyện Mường Nhé).*

### **2.2.2.2. Khu vực kinh tế công nghiệp**

Mường Nhé là huyện miền núi, vùng sâu vùng xa, vùng biên giới địa hình phức tạp, xa các trung tâm kinh tế lớn trong vùng, giao thông đi lại khó khăn, dân cư thưa thớt phân bố không đều, nên điều kiện phát triển công nghiệp là rất khó khăn. Hiện nay công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trong huyện chỉ có 01 xí nghiệp của Đoàn kinh tế Quốc phòng 79, còn lại chủ yếu là sản xuất nhỏ theo phương pháp thủ công, sản xuất vật liệu xây dựng gồm: Khai thác đá, cát, sản xuất gạch thủ công quy mô nhỏ đáp ứng nhu cầu tại chỗ. Các ngành nghề truyền thống như dệt thủ công, kéo sợi, nghề rèn, đúc, đan lát... vẫn được duy trì. Đây cũng là một nét văn hóa đặc thù mang đậm bản sắc của các dân tộc miền núi phía Bắc, chủ yếu là sản xuất nhỏ, phục vụ mục đích tiêu dùng trong gia đình, chưa có sản phẩm hàng hóa xuất thị trường. Thu hút và triển khai thành công dự án Chợ trung tâm huyện đáp ứng nhu cầu mua bán, trao đổi hàng hoá của khu trung tâm và các xã trong huyện về trung tâm để trao đổi hàng hoá.

Năm 2015 giá trị sản xuất công nghiệp theo giá trị thực tế trên địa bàn là 38.538 triệu đồng, sản phẩm chủ yếu là khai thác vật liệu xây dựng, chế biến thực phẩm, đồ gỗ (*trong đó: khai thác vật liệu 6.494 triệu đồng; sản xuất chế biến thực phẩm 31.418 triệu đồng; công nghiệp sản xuất phân phối điện, nước, ga 626 triệu đồng*).

*(Nguồn số liệu: Niên giám thống kê năm 2015 huyện Mường Nhé).*

### **2.2.2.3. Khu vực kinh tế dịch vụ**

Hoạt động thương mại dịch vụ đã có sự chuyển biến tích cực với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế. Tuy nhiên, do là huyện biên giới, vùng sâu, xuất phát điểm thấp, cơ sở hạ tầng còn nhiều hạn chế đang được đầu tư và phát triển, nên gặp nhiều khó khăn. Các hoạt động dịch vụ thương mại chủ yếu là thương mại nhỏ lẻ, dịch vụ tập trung tại trung tâm huyện và các đầu mối giao thông tại trung

Nhìn chung, hoạt động dịch vụ thương mại trên địa bàn huyện đã và đang có nhiều khởi sắc, các nhà đầu tư đã quan tâm phát triển nhiều hình thức dịch vụ thương mại, hàng hoá tiêu dùng, máy móc thiết bị phục vụ đời sống sinh hoạt và sản xuất của nhân dân ngày một nhiều đáp ứng nhu cầu của nhân dân. Doanh thu trong lĩnh vực thương mại dịch vụ ngày một tăng đóng góp vào thu nhập bình quân của nhân dân cũng như vào nền kinh tế của huyện. Tổng mức lưu chuyển hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá trị thực tế trên địa bàn huyện năm 2015 đạt 189.559 tỷ đồng (*trong đó: thương mại 180.457 triệu đồng; nhà hàng, khách sạn 6.467 triệu đồng; dịch vụ 2.635 triệu đồng*).

(Nguồn số liệu: Niên giám thống kê năm 2015 huyện Mường Nhé).

### **2.3. Dân số, lao động, việc làm và thu nhập**

#### **2.3.1. Dân số**

Năm 2015, dân số trung bình toàn huyện có 37.136 người, mật độ dân số 23,67 người/km<sup>2</sup>. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên của huyện năm 2015 là 22,63%0 năm. Tuy nhiên những năm gần đây tình trạng di dân tự do trên địa bàn huyện vẫn còn.

#### **2.3.2. Lao động, việc làm**

Năm 2015, tổng số người trong độ tuổi lao động là 18.929 lao động, chiếm 51% dân số của huyện. Trong đó: lao động trong lĩnh vực sản xuất nông lâm thủy sản là 16.463 lao động, chiếm 87% tổng số lao động; lao động trong lĩnh vực khác phi nông nghiệp là 2.466 lao động, chiếm 13% tổng số lao động.

Lực lượng lao động trên địa bàn huyện tuy đông và dồi dào nhưng chất lượng lao động chưa cao, lao động phổ thông đơn thuần còn chiếm đa số (trên 80%). Lực lượng lao động có chuyên môn kỹ thuật và trình độ quản lý còn thiếu. Lao động ở nông thôn chủ yếu là sản xuất nông nghiệp ở các xã; ngoài thời gian mùa vụ thì phần lớn thời gian trong năm lực lượng này nhàn rỗi. Lao động phi nông nghiệp gồm những người làm thợ xây dựng và dịch vụ thương mại, bán lẻ và lĩnh vực khác ... trên địa bàn huyện. Lực lượng lao động có trình độ và tay nghề tập trung chủ yếu ở trung tâm huyện là những người làm việc tại các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị, các đoàn thể và lao động trong lĩnh vực vận tải và vận chuyển hành khách, xây dựng của huyện.

### **2.4. Thực trạng phát triển đô thị và các khu dân cư nông thôn**

- *Thực trạng phát triển đô thị:*

Đô thị của huyện Mường Nhé phát triển chậm so với các huyện khác trong tỉnh, do huyện mới được thành lập, nhiều xã mới tách, Đô thị trung tâm huyện đã và đang được đầu tư xây dựng chủ yếu là từ nguồn ngân sách, việc kêu gọi đầu tư từ các thành phần kinh tế, doanh nghiệp trên địa bàn còn nhiều hạn chế nên tốc độ đô thị hoá chậm và gặp rất nhiều khó khăn. Xong Khu trung tâm đô thị hành chính

(75 ha) của huyện đã cơ bản hoàn thành việc phân định đất đai cho các khu chức năng, khu đất ở đô thị và không gian cảnh quan cần được đầu tư xây dựng để hoàn thành theo quy hoạch.

*- Thực trạng phát triển khu dân cư nông thôn:*

Hệ thống dân cư nông thôn phân bố không đồng đều trên địa bàn, phân tán theo địa hình đồi núi và phụ thuộc nguồn nước sông, suối, giữa các vùng và các khu vực, với nhiều dân tộc sinh sống: Hà Nhì, H'Mông, Thái,...

Trong những năm qua đã và đang thực hiện các dự án sắp xếp, ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh trên địa bàn huyện theo Quyết định số 79/QĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2012 đã thể hiện được sự đổi thay về các khu dân cư nông thôn trên địa bàn, cơ sở hạ tầng như hệ thống giao thông liên bản, liên xã, hệ thống điện nông thôn, thông tin liên lạc, hệ thống giáo dục - đào tạo ... dần được đầu tư đồng bộ.

Bên cạnh đó hiện tượng di dân tự do trên địa bàn huyện Mường Nhé vẫn còn, đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng mất ổn định an ninh trật tự, đốt rừng, săn bắn trái pháp luật trên địa bàn huyện.

## **2.5. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng**

### **2.5.1. Thực trạng mạng lưới giao thông**

**\* Giao thông đường bộ**

Hệ thống đường giao thông của huyện Mường Nhé trong những năm gần đây đã được Nhà nước, tỉnh Điện Biên quan tâm đầu tư xây dựng đã đáp ứng được nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa của nhân dân, xong vào mùa mưa hiện tượng sạt lở trên tuyến Quốc lộ, huyện lộ vẫn xảy ra. Trên địa bàn huyện có các tuyến đường giao thông sau:

- Đường Quốc lộ 4H: Điểm đầu từ giáp huyện Nậm Pồ, điểm cuối là cửa khẩu A Pa Chải giáp Trung Quốc. Tổng chiều dài 154 km mặt đường dải nhựa đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa của nhân dân được cả 2 mùa, là điều kiện thuận lợi để huyện Mường Nhé mở rộng giao lưu kinh tế, văn hóa với nước bạn Trung Quốc.

+ Đường tuần tra biên giới: từ Đồn biên phòng 317 (đoạn A Pa Chải) đến Tả Long San, dài 47 km, đường giao thông nông thôn A, nền đường 5 m, mặt đường nhựa rộng 3,5 m.

- Đường giao thông đô thị: Trung tâm huyện lỵ huyện Mường Nhé có tổng chiều dài 7,23 km, kết cấu mặt láng nhựa 7,23 km.

- Đường giao thông xã, bản: Tổng chiều dài 146 km, trong đó có 14 km đường ô tô và 132 km đường dân sinh, bề rộng nền đường từ 2-3,5 m, chủ yếu kết cấu mặt đường đất đi lại rất khó khăn vào mùa mưa.

**\* Giao thông đường thủy**

Do địa hình bị chia cắt, các suối có tốc độ dòng lớn nên giao thông đường thủy không thể khai thác, phát triển.

- Hệ thống đường giao thông trên địa bàn huyện đang được nâng cấp, cải tạo và xây dựng. Đặc biệt là tuyến đường Quốc lộ 4H và Bến xe trung tâm huyện, các tuyến đường trục chính nối với các huyện lân cận và tuyến đường thông ra cửa khẩu tạo điều kiện thuận lợi cho giao thương phát triển kinh tế giữa các xã trong huyện, các huyện trong Tỉnh và hai nước giáp danh là Công hoa dân chủ nhân dân Lào và Cộng hoà Trung Quốc.

- Mật độ đường bộ của huyện thấp hơn mật độ đường của Tỉnh và cả nước. Chất lượng đường chưa cao, tỷ lệ đường đất cao (*đường đất, cấp phối*).

- Do địa hình bị chia cắt mạnh, nên việc đầu tư xây dựng đường giao thông là rất khó khăn. Tuy nhiên trong những năm gần đây việc thực hiện xây dựng Nông thôn mới phát huy các nguồn lực nên hệ thống đường giao thông đã được nâng cấp tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân đi lại. Bên cạnh đó việc thực hiện Đề án 79, sắp xếp ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội - đảm bảo Quốc phòng An ninh trên địa bàn đã đầu tư xây dựng đường liên xã và đường nội vùng trong khu sắp xếp đã và đang cải thiện cơ sở hạ tầng nông thôn của huyện.

**2.5.2. Thủy lợi**

- Trên địa bàn huyện có 3 hệ thống suối lớn, hệ thống suối Nậm Mo Phí, hệ thống suối Nậm Ma và hệ thống suối Nậm Nhé để phục vụ tưới tiêu của huyện và phát triển thủy điện. Song với độ dốc lớn khả năng dự trữ nước của các suối là rất kém.

- Do địa hình chia cắt, nên diện tích đất ruộng lúa nước của huyện phân tán nhỏ lẻ, các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện chủ yếu là vừa và nhỏ, hiện tại toàn huyện có 60 công trình: trong đó đập xây kiên cố 49 công trình, đập, phai tạm là 11 công trình. Tổng chiều dài mương tưới 134,73 km, trong đó được xây kiên cố là 122,53 k m, còn lại mương đất là 12,2 k m. Năng lực tưới thiết kế là 1.936 ha, trong đó: vụ chiêm 786 ha; vụ mùa 1.150 ha. Năng lực tưới thực tế 1.153,7 ha, trong đó: vụ chiêm 111 ha; vụ mùa 1.043 ha. Phần lớn các công trình trên đã phát huy được hiệu quả.

- Hệ thống nước sinh hoạt theo tiêu chuẩn quốc gia về nông thôn mới được quan tâm đầu tư, từ bể chứa, bể lọc và hệ thống đường ống cấp nước đến từng hộ gia đình. Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch sinh hoạt hợp vệ sinh năm 2015 là 72,58%. Tuy nhiên vẫn còn khoảng 27,42% hộ dân sử dụng nước sinh hoạt tự lấy theo đường dẫn nước tự chảy của các khe suối.

### **2.5.3. Năng lượng**

\* Về năng lượng:

- Lưới điện: Lưới điện huyện Mường Nhé hiện tại có nhiều cấp điện áp: đường dây trung thế 35kV với tổng chiều dài 122,46 Km, đường dây hạ thế 0,4kV với tổng chiều dài 49,35 Km, nằm trong địa phận của huyện Mường Nhé nên cung cấp điện cho huyện thuận lợi, chất lượng điện đảm bảo.

Toàn huyện có 11/11 xã có điện lưới quốc gia, tỷ lệ các hộ sử dụng điện lưới quốc gia năm 2015 là 57,07%.

*(Nguồn số liệu: Niên giám thống kê năm 2015 huyện Mường Nhé)*

- Ngoài nguồn năng lượng điện trên địa bàn còn có nguồn năng lượng từ xăng, dầu và khí gas được cung cấp từ các cây xăng và các đơn vị cung cấp Ga khí hóa lỏng. Bên cạnh đó nguồn năng lượng được sử dụng hàng ngày của nhân dân là năng lượng từ củi để sử dụng trong đun nấu đồ ăn hàng ngày.

### **2.5.4. Bưu chính viễn thông**

Hệ thống bưu chính viễn thông những năm qua đã từng bước được hoàn thiện và hiện đại hoá. Đến nay trên toàn huyện hiện có 1 bưu cục, 1 trạm đài viễn thông và 1 trạm viễn thông khu vực. Bưu điện văn hoá xã có 11/11 xã, có dịch vụ Internet và được phủ sóng mạng di động.

### **2.5.5. Văn hoá, thể dục thể thao**

Các hoạt động thông tin tuyên truyền, phong trào văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao được đẩy mạnh và duy trì thường xuyên, góp phần thực hiện tốt đường lối của Đảng về “Xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”. Công tác tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước được bằng nhiều hình thức góp phần nâng cao nhận thức và phục vụ đời sống tinh thần cho nhân dân. Phong trào xây dựng đời sống văn hóa mới gắn với xây dựng nông thôn mới tiếp tục được triển khai nhân rộng.

Hàng năm huyện phối hợp xã, thực hiện tốt các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao chào mừng các ngày lễ trong năm, mừng Đảng, mừng xuân... tuyên truyền các hoạt động văn hóa văn nghệ của huyện như kéo co, đẩy gậy, bắn nỏ, ném còn, hội thi làng, bản văn hoá Xanh - Sạch - Đẹp.

### **2.5.6. Cơ sở y tế**

Năm 2015 huyện có 01 bệnh viện đa khoa trung tâm huyện được xây mới với quy mô 50 giường bệnh; 1 phòng khám đa khoa khu vực tại xã Mường Toong với quy mô 15 giường bệnh đã được xây dựng kiên cố và có 11/11 xã đã có trạm y tế xã với 60 giường bệnh. Tổng số giường bệnh toàn huyện là 125 giường, số giường bệnh tuyến huyện là 65 giường, số giường bệnh tuyến xã là 60 giường. Số cán bộ ngành y trên toàn huyện là 129 người (*số bác sỹ 23, Y sỹ 60 và 28 y tá, 18 hộ lý và 22 cán bộ dược*). Trong những năm qua ngành y tế huyện đã thực hiện các trương trình mục tiêu Y tế quốc gia như chương trình tiêm chủng mở rộng ... năm 2015 tỷ lệ trẻ dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin đạt 71,38%; tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 05 tuổi (cân nặng/tuổi) khoảng 24,80%.

Công tác khám chữa bệnh ngày càng được cải thiện. Tinh giảm các thủ tục, tạo điều kiện cho người dân tiếp cận và sử dụng các dịch vụ y tế ngày càng có hiệu quả.

Công tác dân số kế hoạch hoá gia đình được tuyên truyền rộng rãi từ huyện đến xã, và đi vào cuộc sống.

### **2.5.7. Cơ sở giáo dục - đào tạo**

Trong những năm qua, ngành giáo dục đào tạo của huyện tiếp tục có bước phát triển quan trọng. Quy mô trường lớp được mở rộng, trang thiết bị dạy và học thường xuyên được đầu tư hoàn thiện theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá. Chất lượng dạy và học ngày càng được nâng cao ở các ngành học, cấp học. Công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia, phổ cập giáo dục thường xuyên được coi trọng. Công tác khuyến học, khuyến tài được đẩy mạnh với nhiều hình thức hỗ trợ học tập thiết thực góp phần huy động và khai thác tốt các nguồn lực xã hội chăm lo sự nghiệp giáo dục. Quan tâm thực hiện chỉ đạo của ngành trong công tác đào tạo dài hạn, ngắn hạn các hệ được thực hiện đủ theo chỉ tiêu giao. Cử cán bộ đi học tại chức, bồi dưỡng, tập huấn được tổ chức thường xuyên góp phần củng cố, nâng cao nghiệp vụ, các chương trình đổi mới trong dạy và học ...

Năm 2015 toàn huyện có 11/11 xã được công nhận là phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ 2. 11/11 xã hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ dưới 5 tuổi. Số trẻ em từ 6-10 tuổi đến trường đạt 97%; trẻ từ 10-14 tuổi đến trường đạt 90%; số trẻ từ 15-18 tuổi đến trường đạt 57,6%. Về xây dựng cơ sở vật chất: Thực hiện chương trình kiên cố hoá trường lớp học và nhà công vụ, một số trường học đã đầu tư về phòng học, phòng chức năng, nhà nội trú cho giáo viên. Trong đó:

- Mầm non: Tổng số trường Mầm non trên địa bàn là 12 trường/ 11 xã, với 162 lớp học (*tính tổng số kể cả những lớp học của các điểm trường*), tổng số giáo viên bậc mầm non là 170 giáo viên, số trẻ đến trường là 3.426 trẻ.

- Tiểu học: Tổng số trường học là 13 trường/ 11 xã; số lớp học 461; số phòng học là 526 (*trong đó phòng kiên cố 160, bán kiên cố 74 và phòng học tạm 165*); Tổng số giáo viên là 463; Số học sinh là 10.649;

- **Trung học cơ sở:** Tổng số trường học là 7 trường/ 11 xã; số lớp học 123; số phòng học là 103 (*trong đó phòng kiên cố 67, bán kiên cố 17 và phòng học tạm 19*); Tổng số giáo viên là 171; Số học sinh là 3.808;

- **Trung học phổ thông:** Tổng số trường học là 2 trường/ 11 xã; số lớp học 32; số phòng học là 24 (*100% phòng học kiên cố*); Tổng số giáo viên là 70; Số học sinh là 1.045;

## **2.6. Phân tích đánh giá bổ sung về biến đổi khí hậu (BĐKH) tác động đến việc sử dụng đất.**

Mường Nhé là huyện vùng sâu, vùng xa của tỉnh Điện Biên có vị trí và vai trò quan trọng trong việc ổn định trật tự xã hội và quốc phòng - an ninh. Tuy nhiên, do địa hình bị chia cắt nên có thể xem huyện Mường Nhé là điểm nhạy cảm với những hệ quả gây ra bởi biến đổi khí hậu như: lũ ống, lũ quét, khô hạn, cháy rừng, sạt lở, xói mòn, mất đa dạng sinh học và phá huỷ hệ sinh thái v.v...

Trong những năm gần đây, huyện Mường Nhé đã có những biểu hiện của BĐKH như nhiệt độ trung bình năm có xu hướng tăng lên, lượng mưa năm giảm, khô hạn đã xảy ra, quy luật thời tiết có sự thay đổi khó lường. Trong bối cảnh BĐKH, các hiện tượng thiên tai, cực đoan có xu hướng gia tăng cả về tần suất và cường độ. Các hiện tượng lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất do mưa to, rét đậm kéo dài; lốc xoáy, mưa đá; hạn hán do nắng nóng kéo dài ... có nguy cơ diễn ra trên địa bàn, biến đổi khí hậu ảnh hưởng đến các hệ sinh thái tự nhiên và hệ sinh thái nước ngọt, làm thay đổi cơ cấu các loài thực vật và động vật, một số loài có nguồn gốc ôn đới và á nhiệt đới có thể bị mất...

Đối với sản xuất nông nghiệp, cơ cấu cây trồng, vật nuôi và mùa vụ có thể bị thay đổi ở một số vùng, trong đó vụ đông có thể bị rút ngắn lại hoặc thậm chí không còn vụ đông; vụ mùa kéo dài hơn. Điều đó đòi hỏi phải thay đổi kỹ thuật canh tác. Nhiệt độ tăng và tính biến động của nhiệt độ lớn hơn, kể cả các nhiệt độ cực đại và cực tiểu, cùng với biến động của các yếu tố thời tiết khác và thiên tai làm tăng khả năng phát triển sâu bệnh, dịch hại dẫn đến giảm năng suất và sản lượng, tăng nguy cơ và rủi ro đối với nông nghiệp và an ninh lương thực.

Biến đổi khí hậu còn làm tăng tần suất, cường độ, tính biến động và tính cực đoan như giông, bão, lốc, các thiên tai gây nên sự thay đổi đột ngột về thời tiết, lũ lụt, ngập úng hay hạn hán, rét hại, dịch bệnh, sâu bệnh, sẽ có tác động tới các mặt khác nhau của đời sống xã hội, từ đó ảnh hưởng đến hiệu quả của việc sử dụng đất. Biến đổi khí hậu làm cho năng suất cây trồng, vật nuôi trên một đơn vị diện tích giảm mạnh, thậm chí mất mùa, ảnh hưởng đến mục tiêu phát triển kinh tế xã hội đã đề ra. Những vấn đề đó đặt ra cho huyện phải có các giải pháp ứng phó nhằm hạn chế tác động xấu đến sản xuất, đồng thời phục hồi tài nguyên để sử dụng có hiệu quả đi đôi với việc cải thiện môi trường để phát triển bền vững.

- Biến đổi khí hậu làm ảnh hưởng đến khai thác vật liệu xây dựng, chế biến các sản phẩm nông nghiệp, hệ thống hạ tầng kỹ thuật và các công trình xây dựng trong thời gian qua và những năm tới. Các công trình xây dựng phục vụ sự nghiệp



Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Mường Nhé - tỉnh Điện Biên  
công nghiệp hóa, hiện đại hóa cũng bị ảnh hưởng do biến đổi khí hậu ... dẫn đến việc sử dụng đất không hiệu quả trong mọi hoạt động kinh tế - xã hội cũng như đời sống của nhân dân.

### **III. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN THỜI ĐIỂM ĐIỀU CHỈNH**

#### **3.1. Phân tích, đánh giá bổ sung tình hình thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về đất đai.**

##### **3.1.1. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, sử dụng đất đai và tổ chức thực hiện văn bản đó**

Thực hiện Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và các Nghị định khác, các Thông tư hướng dẫn thi hành của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Các văn bản được UBND tỉnh Điện Biên ban hành UBND huyện Mường Nhé đã tiếp thu trên cơ sở các văn bản của cấp có thẩm quyền kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn cho các Phòng, ban thuộc huyện và UBND các xã thực hiện việc quản lý và sử dụng đất trên địa bàn tỉnh như:

- Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2014 của UBND tỉnh Điện Biên về việc ban hành Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

- Quyết định số 36/2014/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên ban hành bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019;

- Kế hoạch số 3016/UBND-TN ngày 18 tháng 08 năm 2014 của UBND tỉnh Điện Biên về việc triển khai một số nội dung về quản lý đất đai khi Luật Đất đai và các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật đất đai có hiệu lực;

- Công văn số 221/STNMT-QLĐĐ ngày 22 tháng 04 năm 2014 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên về việc thực hiện một số nhiệm vụ để triển khai thi hành Luật đất đai năm 2013.

- Văn bản số 3366/UBND-KTN ngày 28/10/2016 của UBND tỉnh Điện Biên về việc triển khai thực hiện lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện;

- Công văn số 2560/UBND-KTN ngày 12/9/2018 của UBND tỉnh Điện Biên về việc chấn chỉnh, tăng cường công tác quản lý, sử dụng đất đai trên địa bàn tỉnh.

Nhìn chung, UBND huyện triển khai thực hiện các văn bản quy phạm của các cấp trên địa bàn huyện, góp phần quan trọng đưa Luật Đất đai đi vào cuộc sống, tạo ra hành lang pháp lý cho việc giải quyết các vấn đề có liên quan đến việc sử dụng đất, ngăn chặn kịp thời các vi phạm xảy ra trong công tác quản lý sử dụng đất, đảm bảo sử dụng đất đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

### **3.1.2. Xác định địa giới hành chính, lập và quản lý hồ sơ địa giới hành chính, lập bản đồ hành chính**

Việc xác định địa giới hành chính, lập và quản lý hồ sơ địa giới hành chính, lập bản đồ hành chính được thực hiện tốt trên cơ sở kết quả hoạch định lại ranh giới theo Chỉ thị số 364/CT ngày 16 tháng 11 năm 1991 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết 45/NQ-CP ngày 25 tháng 8 năm 2012 của Chính phủ về việc điều chỉnh địa giới hành chính để thành lập đơn vị hành chính cấp xã, cấp huyện thuộc tỉnh Điện Biên.

Năm 2012, thực hiện Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 02 tháng 05 năm 2012 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt dự án “Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính. UBND huyện cùng với các xã trên địa bàn huyện phối hợp với các cơ quan chức năng tiến hành xác định ranh giới các xã, cắm mốc giới ổn định phạm vi sử dụng và quản lý.

Theo đó, trên địa bàn huyện Mường Nhé có 11 đơn vị hành chính cấp xã. Bản đồ hành chính được thực hiện theo hồ sơ địa giới 364/CT với các tỷ lệ tương ứng: Cấp huyện 1/25.000; Cấp xã tỷ lệ 1/10.000 và tỷ lệ 1/5.000.

### **3.1.3. Khảo sát, đo đạc, lập bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng sử dụng đất và bản đồ quy hoạch sử dụng đất; điều tra, đánh giá tài nguyên đất; điều tra xây dựng giá đất**

#### **a) Khảo sát, đo đạc, lập bản đồ địa chính**

Thực hiện Quyết định số 1948/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2008. Cho đến nay, việc lập Thiết kế kỹ thuật - Dự toán đo đạc bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính cấp GCNQSD đất huyện Mường Nhé đã thành lập Bản đồ địa chính chính quy của 08 xã, được Tổng cục Quản lý đất đai thẩm định và UBND tỉnh phê duyệt.

#### **b) Lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất và quy hoạch sử dụng đất**

Năm 2015 đã thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014 ở cấp xã, cấp huyện. Công tác lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất và bản đồ quy hoạch sử dụng đất được thực hiện theo quy định của pháp luật về thống kê, kiểm kê đất đai và quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Bản đồ các cấp đều được thành lập bằng phương pháp số, nằm trong hệ tọa độ chuẩn quốc gia (VN - 2000).

Bản đồ hiện trạng sử dụng đất đã được thành lập trên 11 xã. Đây là tài liệu mới nhất để phục vụ cho công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, ngoài ra còn là tài liệu để phục vụ cho công tác xây dựng thiết kế dự toán hồ sơ tổng thể về đo đạc, lập hồ sơ địa chính.

Việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là một nội dung rất quan trọng, làm cơ sở để thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất. Bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện đã được phê

*Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Mường Nhé - tỉnh Điện Biên* duyệt. Tuy nhiên, theo Luật Đất đai 2013 và quá trình phát triển kinh tế - xã hội đã có nhiều thay đổi nên đang tiến hành lập bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020.

### **c) Điều tra xây dựng giá đất**

Trong giai đoạn 2011 - 2014 hàng năm huyện đều phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng bảng giá đất để phục vụ cho công tác định giá đất theo quy định của Luật Đất đai. Năm 2015, tỉnh đã ban hành bảng giá đất áp dụng cho giai đoạn 2015 đến 2019 (Quyết định số 36/2014/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh). Tất cả các trường hợp giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất, cho thuê đất, bồi thường giải phóng mặt bằng... đều được UBND tỉnh khảo sát, xác định giá đất cụ thể đúng với chế độ chính sách của Nhà nước, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của nhà đầu tư và người dân.

#### ***3.1.4. Quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất***

Thực hiện Luật Đất đai năm 2003, và các văn bản hướng dẫn dưới luật. UBND huyện đã tiến hành lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ đầu 2011-2015 và được UBND tỉnh phê duyệt.

Thực hiện Luật Đất đai năm 2013 cùng việc điều chỉnh phát triển kinh tế - xã hội và chỉ tiêu phân khai của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 tỉnh Điện Biên, UBND huyện Mường Nhé đã phối hợp với đơn vị tư vấn lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất các năm 2015, 2016, 2017, 2018 của huyện và đã được UBND tỉnh phê duyệt.

Công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã góp phần đưa công tác quản lý đất đai trên địa bàn đi vào nề nếp, đáp ứng nhu cầu về đất đai để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh. Tuy nhiên quá trình triển khai thực hiện còn nhiều khó khăn, chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu về tiến độ, chưa thực sự đảm bảo tính đồng bộ ở các cấp, nên hiệu quả thực hiện chưa cao.

#### ***3.1.5. Quản lý việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất***

Các dự án được giao đất, thuê đất đã và đang phát huy hiệu quả, từng bước củng cố và tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn đáp ứng nhu cầu về đất đai để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh.

UBND huyện Mường Nhé đã ban hành các văn bản để thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất trong phạm vi của huyện để thực hiện các công trình, dự án đã được UBND tỉnh Điện Biên phê duyệt đảm bảo đúng tiến độ.

### **3.1.6. Quản lý việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất**

Công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được tổ chức thực hiện công khai, dân chủ; đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Từ khi Luật Đất đai năm 2013 có hiệu lực, quyền và lợi ích hợp pháp của người dân có đất bị thu hồi được đảm bảo, đã góp phần đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, góp phần ổn định kinh tế, xã hội.

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, hướng dẫn chuyên môn của Sở Tài nguyên và Môi trường, sự phối hợp của các Ngành. UBND huyện đã triển khai thực hiện tốt công tác GPMB, giải quyết dứt điểm các vướng mắc trong công tác GPMB, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các chủ sử dụng đất và đảm bảo diện tích đất đai để thực hiện các công trình, dự án đúng tiến độ.

### **3.1.7. Đăng ký đất đai, lập và quản lý hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

- Đăng ký quyền sử dụng đất: Tổ chức tiếp nhận hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân và hướng dẫn người sử dụng đất kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai.

- Lập và quản lý hồ sơ địa chính: Việc lập và quản lý hồ sơ địa chính được thực hiện theo Luật Đất đai năm 2013 và các hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn lập, chỉnh lý, quản lý hồ sơ địa chính; hồ sơ sau khi kiểm tra nghiệm thu, được quản lý, lưu trữ theo quy định.

- Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: Trong những năm qua, được sự quan tâm chỉ đạo của UBND tỉnh và chỉ đạo sát sao của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện đã thực hiện một số giải pháp thiết thực để đẩy mạnh công tác Cấp Giấy chứng nhận theo đúng quy định của Luật Đất đai, Nghị quyết số 30/2012/QH13 của Quốc hội và Chỉ thị số 1474/CT-TTg ngày 24/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

UBND huyện đã chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND các xã tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động; chủ động phối hợp với các cơ quan đơn vị trong địa bàn, kê khai đăng ký cấp GCNQSDĐ để cấp GCNQSDĐ cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và nghiêm túc thực hiện xác minh, xét duyệt hồ sơ theo đúng trình tự, thủ tục quy định.

Công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất huyện Mường Nhé đã dần đi vào nề nếp và đạt được kết quả nhất định. Tuy nhiên trong quá trình tổ chức thực hiện còn nhiều hạn chế, tồn tại như tiến độ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn chậm, chưa đáp ứng được nhu cầu của nhân dân; việc lập, quản lý hồ sơ địa chính chưa đáp ứng được với yêu cầu hiện đại hóa hệ thống quản lý theo hướng công nghệ thông tin.

### **3.1.8. Thống kê, kiểm kê đất đai**

Công tác thống kê hàng năm, kiểm kê 5 năm 1 lần được thực hiện đầy đủ. Thực hiện Chỉ thị số 21/2014/CT - TTg ngày 11 tháng 08 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về kiểm kê đất đai; Thông tư số 28/2014/TT - BTNMT ngày 21 tháng 06 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn thực hiện thống kê, kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất. Sở tài nguyên và Môi trường đã triển khai kế hoạch và phương án thực hiện công tác kiểm kê đến từng huyện, UBND huyện đã chỉ đạo triển khai và hoàn thành công tác Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014 cấp huyện và cấp xã; thống kê đất đai năm 2015, 2016 tại tất cả các xã trên địa bàn huyện.

### **3.1.9. Xây dựng hệ thống thông tin đất đai**

Do thiếu nguồn kinh phí nên cho đến thời điểm hiện nay, tỉnh Điện Biên nói chung và huyện Mường Nhé nói riêng chưa xây dựng được cơ sở dữ liệu địa chính cho đơn vị hành chính cấp xã, cấp huyện.

### **3.1.10. Quản lý tài chính về đất đai và giá đất**

Đất đai là nguồn lực quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội. Công tác quản lý tài chính về đất đai luôn được UBND tỉnh chỉ đạo, UBND huyện thực hiện hàng năm vì đây vừa là yêu cầu khách quan và cũng là công cụ quan trọng trong quản lý Nhà nước đất đai. Các khoản thu từ đất gồm 04 nguồn như: Thu tiền sử dụng đất, chuyển quyền sử dụng đất, lệ phí trước bạ và thuế thu nhập cá nhân từ chuyển quyền sử dụng đất trên cơ sở thực hiện giao dự toán ngay từ đầu năm của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Bảng giá đất hàng năm của tỉnh đều được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua và được ổn định qua từng năm nên môi trường đầu tư tương đối ổn định, không làm ảnh hưởng đến tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai của doanh nghiệp, đảm bảo cho doanh nghiệp an tâm đầu tư, không ngừng mở rộng sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm cho nhiều lao động.

### **3.1.11. Quản lý, giám sát việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất**

Việc quản lý, giám sát thực hiện quyền, nghĩa vụ của người sử dụng đất được cấp Ủy đảng, Chính quyền quan tâm chỉ đạo, cụ thể hóa các chủ chương, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước để triển khai thực hiện, đảm bảo quyền lợi hợp pháp và nghĩa vụ của chủ sử dụng đất. Tuy nhiên, trong những năm gần đây nhu cầu sử dụng đất cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng và nhà ở của nhân dân tăng nhanh đã gây áp lực lớn đến đất đai, nhất là trên các trục đường giao thông quan trọng. Việc chuyển mục đích, chuyển nhượng đất nông nghiệp và đất ở nhiều nơi chưa đúng

pháp luật, việc lấn chiếm đất công, sử dụng đất sai mục đích và tranh chấp đất đai một số nơi còn diễn ra... Vì vậy việc thực hiện quản lý Nhà nước về đất đai đang trở thành vấn đề quan trọng và cấp thiết.

### ***3.1.12. Thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm pháp luật về đất đai***

Công tác thanh tra, kiểm tra được tập trung đẩy mạnh, UBND huyện phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường đã tiến hành thanh tra, kiểm tra trên các lĩnh vực đất đai, khoáng sản, môi trường. Đồng thời, hàng năm UBND huyện đã thành lập tổ công tác kiểm tra công tác quản lý Nhà nước về đất đai, môi trường, khoáng sản của các xã trên địa bàn huyện. Công tác thanh tra, kiểm tra đã chỉ ra được những yếu kém, hạn chế trong công tác quản lý, chỉ rõ những sai phạm, khuyết điểm góp phần vào việc khắc phục tồn tại, yếu kém, thất thoát, lãng phí về tài nguyên và giảm thiểu ô nhiễm môi trường; đã ngăn chặn, chấn chỉnh và xử lý hoặc kiến nghị xử lý kịp thời các sai phạm trong công tác quản lý và sử dụng đất, khoáng sản và môi trường trên địa bàn tỉnh.

### ***3.1.13. Phổ biến, giáo dục pháp luật về đất đai***

Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về đất đai được UBND huyện và Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức hội nghị, mở lớp tập huấn kiến thức pháp luật theo từng chuyên đề, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý Nhà nước cho cán bộ thuộc UBND huyện và xuống từng xã để hướng dẫn thực hiện Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

Cung cấp thông tin, tài liệu pháp luật về đất đai; khai thác và thực hiện hệ thống văn bản Pháp luật được cập nhật, lưu trữ trên mạng internet, Cổng thông tin điện tử và Công báo của Chính phủ, Công báo của Ủy ban nhân dân tỉnh...; xây dựng và khai thác tủ sách pháp luật ở các cơ quan, đơn vị.

### ***3.1.14. Giải quyết tranh chấp về đất đai; giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quản lý và sử dụng đất đai***

Với chủ trương giải quyết đơn thư đúng chức năng thẩm quyền, khắc phục việc để đơn thư tồn đọng kéo dài, UBND tỉnh đã ban hành quy trình tiếp dân trong đó quy định đối với công dân khi thực hiện quyền tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và việc tiếp nhận đơn thư của tổ chức và công dân, vận động, giải thích, hướng dẫn để nhân dân hiểu đúng pháp luật, sống và làm theo pháp luật.

Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân luôn được quan tâm, giải quyết nhanh chóng, kịp thời đúng pháp luật. Sau khi phân loại xem xét giải quyết và hướng dẫn cho công dân chuyển đơn đến các cơ quan chức năng có thẩm quyền xem xét, giải quyết, góp phần giữ gìn an ninh, trật tự xã hội tạo lòng tin trong nhân dân.

### **3.2. Phân tích, đánh giá hiện trạng và biến động sử dụng đất.**

#### **3.2.1. Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất**

Theo số liệu thống kê đất đai tính đến ngày 31/12/2015 của huyện có diện tích tự nhiên là 156.908,37 ha, trong đó phân theo diện tích tự nhiên của các xã: xã Mường Nhé 21.741,83 ha; xã Chung Chải 21.021,40 ha; Huổi Léch 11.711,71 ha; Leng Su Sìn 17.997,32 ha; Mường Toong 11.358,43 ha; Nậm Kè 15.303,29 ha; Nậm Vi 6.185,38 ha; Pá Mỳ 7.167,60 ha; Quảng Lâm 10.775,17 ha; Sen Thượng 17.361,49 ha và xã Sín Thầu 16.284,75 ha.

**Bảng 01: Hiện trạng sử dụng đất năm 2015 huyện Mường Nhé**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)*100 /I(4)
	<b>LOẠI ĐẤT</b>		<b>156.908,37</b>	<b>100,00</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>128.420,53</b>	<b>81,84</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	14.999,58	9,56
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>321,48</i>	<i>0,20</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	21.533,28	13,72
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	5.454,16	3,48
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	27.876,99	17,77
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	44.993,44	28,67
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	13.458,61	8,58
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	104,48	0,07
1.8	Đất làm muối	LMU		
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH		
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>2.379,68</b>	<b>1,52</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	50,72	0,03
2.2	Đất an ninh	CAN	5,86	0,00
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK		
2.4	Đất khu chế xuất	SKT		
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN		
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,33	0,00
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	9,29	0,01
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS		
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	542,01	0,35
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT		
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL		
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	5,22	0,00
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	674,69	0,43
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT		
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	11,03	0,01
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS		
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG		

*Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Mường Nhé - tỉnh Điện Biên*

2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	0,03	0,00
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ	NTD	17,97	0,01
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	32,61	0,02
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH		
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV		
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,05	0,00
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.028,30	0,66
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	1,56	0,00
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK		
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>26.108,15</b>	<b>16,64</b>
<b>4</b>	<b>Đất khu công nghệ cao*</b>	<b>KCN</b>		
<b>5</b>	<b>Đất khu kinh tế*</b>	<b>KKT</b>		
<b>6</b>	<b>Đất đô thị*</b>	<b>KDT</b>		

*Ghi chú: \* Không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên*

### 3.2.1.1. Đất nông nghiệp:

Đất nông nghiệp của huyện năm 2015 là 128.420,53 ha, chiếm 81,84% diện tích tự nhiên, phân bố ở các xã: xã Mường Nhé 20.000,13 ha; xã Chung Chải 20.335,83 ha; Huổi Léch 8.800,45 ha; Leng Su Sìn 16.356,08 ha; Mường Toong 7.478,84 ha; Nậm Kè 11.885,17 ha; Nậm Vì 5.885,16 ha; Pá Mỳ 6.172,82 ha; Quảng Lâm 8.359,83 ha; Sen Thượng 10.579,19 ha và xã Sín Thầu 12.594,03 ha. Diện tích đất nông nghiệp năm 2015 được thể hiện như sau:

- Đất trồng lúa có 14.999,58 ha, chiếm 9,56% diện tích tự nhiên, phân bố ở các xã: xã Mường Nhé 1.887,09 ha; xã Chung Chải 2.118,55 ha; Huổi Léch 1.295,38 ha; Leng Su Sìn 1.236,27 ha; Mường Toong 2.155,35 ha; Nậm Kè 1.718,21 ha; Nậm Vì 1.985,69 ha; Pá Mỳ 1.606,45 ha; Quảng Lâm 672,10 ha; xã Sen Thượng 167,09 ha và xã Sín Thầu 157,40 ha.

- Đất trồng cây hàng năm khác có 21.533,28 ha, chiếm 13,72% diện tích tự nhiên. Loại đất này phân bố ở tất cả các xã trên địa bàn.

- Đất trồng cây lâu năm có 5.454,16 ha, chiếm 3,48% diện tích tự nhiên. Loại đất này phân bố ở tất cả các xã trên địa bàn.

- Đất rừng phòng hộ có là 27.876,99 ha, chiếm 17,77% diện tích tự nhiên. Loại đất này phân bố ở tất cả các xã trên địa bàn.

- Đất rừng đặc dụng có 44.993,44 ha, chiếm 28,67% diện tích tự nhiên, phân bố ở các xã: xã Mường Nhé 9.996,53 ha; xã Chung Chải 9.032,37 ha; Leng Su Sìn 11.651,61 ha; Nậm Kè 6.506,81 ha và xã Sín Thầu 7.806,11 ha.

- Đất rừng sản xuất có 13.458,61 ha, chiếm 8,58% diện tích tự nhiên. Loại đất này phân bố ở tất cả các xã trên địa bàn.

- Đất nuôi trồng thủy sản có 104,48 ha, chiếm 0,07% diện tích tự nhiên. Loại đất này phân bố ở tất cả các xã trên địa bàn.



### 3.2.1.2. Đất phi nông nghiệp

Năm 2015 diện tích đất phi nông nghiệp của huyện có 2.379,68 ha, chiếm 1,52% diện tích tự nhiên, phân bố ở các xã: xã Mường Nhé 377,99 ha; xã Chung Chải 288,55 ha; Huổi Léch 136,75 ha; Leng Su Sìn 176,13 ha; Mường Toong 331,10 ha; Nậm Kè 326,14 ha; Nậm Vì 95,37 ha; Pá Mỳ 140,86 ha; Quảng Lâm 181,06 ha; xã Sen Thượng 163,94 ha và xã Sín Thầu 161,79 ha. Diện tích đất phi nông nghiệp chi tiết theo các loại đất sau:

- Đất quốc phòng có 50,72 ha, chiếm 0,03% diện tích tự nhiên. Phân bố ở các xã: xã Mường Nhé 14,74 ha; xã Chung Chải 0,23 ha; Leng Su Sìn 4,90 ha; Mường Toong 2,65 ha; Nậm Kè 7,50 ha; Pá Mỳ 0,29 ha; Quảng Lâm 0,22 ha; xã Sen Thượng 9,19 ha và xã Sín Thầu 11,00 ha.

- Đất an ninh có 5,86 ha, chiếm 0,004% diện tích tự nhiên. Phân bố ở các xã: xã Mường Nhé 4,16 ha; Mường Toong 0,86 ha; Quảng Lâm 0,84 ha.

- Đất thương mại, dịch vụ có 0,33 ha, chiếm tỷ lệ nhỏ trong diện tích tự nhiên. Phân bố ở xã Mường Nhé.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp có 9,29 ha, chiếm 0,01% diện tích tự nhiên. Phân bố ở các xã: xã Mường Nhé 1,51 ha; xã Chung Chải 1,02 ha; Mường Toong 6,17 ha; Nậm Kè 0,59 ha.

- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã có 542,01 ha, chiếm 0,35% diện tích tự nhiên (bao gồm các loại đất: Đất giao thông; Đất thủy lợi; Đất công trình năng lượng; Đất công trình bưu chính, viễn thông; Đất xây dựng cơ sở văn hoá; Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội; Đất xây dựng cơ sở y tế; Đất xây dựng cơ sở giáo dục, đào tạo; Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao; Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác; Đất chợ). Phân bố ở các xã: xã Mường Nhé 119,25 ha; xã Chung Chải 48,19 ha; Huổi Léch 31,34 ha; Leng Su Sìn 31,18 ha; Mường Toong 81,11 ha; Nậm Kè 57,53 ha; Nậm Vì 19,37 ha; Pá Mỳ 25,21 ha; Quảng Lâm 29,38 ha; xã Sen Thượng 55,43 ha và xã Sín Thầu 44,02 ha.

- Đất bãi thải, xử lý chất thải có 5,22 ha, chiếm tỷ lệ nhỏ trong diện tích tự nhiên. Phân bố tại xã Mường Nhé.

- Đất ở tại nông thôn 674,69 ha, chiếm 0,43% diện tích tự nhiên. Phân bố ở các xã: xã Mường Nhé 156,97 ha; xã Chung Chải 63,79 ha; Huổi Léch 33,08 ha; Leng Su Sìn 39,76 ha; Mường Toong 103,78 ha; Nậm Kè 104,34 ha; Nậm Vì 25,42 ha; Pá Mỳ 36,26 ha; Quảng Lâm 53,92 ha; xã Sen Thượng 29,64 ha và xã Sín Thầu 27,72 ha.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan có 11,03 ha, chiếm tỷ lệ nhỏ trong diện tích tự nhiên. Phân bố ở các xã: xã Mường Nhé 3,12 ha; xã Chung Chải 1,43 ha; Huổi Léch 0,79 ha; Leng Su Sìn 0,63 ha; Mường Toong 0,32 ha; Nậm Kè 0,56 ha; Nậm

*Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Mường Nhé - tỉnh Điện Biên*  
Vi 0,58 ha; Pá Mỳ 0,44 ha; Quảng Lâm 0,31 ha; xã Sen Thượng 1,92 ha và xã Sín Thầu 0,94 ha.

- Đất cơ sở tôn giáo có 0,03 ha, chiếm tỷ lệ nhỏ trong diện tích tự nhiên. Phân bố ở xã Pá Mỳ.

- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng có 17,97 ha, chiếm 0,01% diện tích tự nhiên. Phân bố ở các xã: xã Mường Nhé 2,62 ha; Huổi Léch 0,02 ha; Mường Toong 7,44 ha; Nậm Kè 3,11 ha; Pá Mỳ 1,26 ha; Quảng Lâm 3,51 ha.

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm có 32,61 ha, chiếm 0,02% diện tích tự nhiên. Phân bố ở các xã: xã Mường Nhé 8,92 ha; xã Chung Chải 0,44 ha; Leng Su Sìn 1,39 ha; Mường Toong 14,04 ha; Nậm Kè 2,93 ha; Quảng Lâm 1,84 ha; xã Sen Thượng 3,05 ha.

- Đất cơ sở tín ngưỡng có 0,05 ha, chiếm tỷ lệ nhỏ trong diện tích tự nhiên. Phân bố ở xã Chung Chải 0,04 ha và xã Leng Su Sìn 0,01 ha.

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối có 1.028,30 ha, chiếm 0,66% diện tích tự nhiên. Phân bố ở các xã: xã Mường Nhé 60,20 ha; xã Chung Chải 173,41 ha; Huổi Léch 71,53 ha; Leng Su Sìn 98,25 ha; Mường Toong 114,72 ha; Nậm Kè 149,58 ha; Nậm Vi 49,39 ha; Pá Mỳ 77,36 ha; Quảng Lâm 91,04 ha; xã Sen Thượng 64,71 ha và xã Sín Thầu 78,11 ha.

- Đất có mặt nước chuyên dùng có 1,56 ha, phân bố ở xã Mường Nhé 0,95 ha và xã Nậm Vi 0,61 ha.

### 3.1.1.3. Đất chưa sử dụng

Đất chưa sử dụng trên địa bàn huyện có 26.108,15 ha, chiếm 16,64% diện tích tự nhiên. Phân bố ở các xã: xã Mường Nhé 1.363,71 ha; xã Chung Chải 397,02 ha; Huổi Léch 2.774,51 ha; Leng Su Sìn 1.465,11 ha; Mường Toong 3.548,49 ha; Nậm Kè 3.118,98 ha; Nậm Vi 204,85 ha; Pá Mỳ 853,92 ha; Quảng Lâm 2.234,27 ha; xã Sen Thượng 6.618,36 ha và xã Sín Thầu 3.528,93 ha.

### 3.2.2. Phân tích đánh giá biến động sử dụng đất từ năm 2012 đến năm 2015

Thực hiện Nghị quyết số 45/NQ-CP ngày 25 tháng 8 năm 2012 của Chính phủ về việc điều chỉnh địa giới hành chính để thành lập đơn vị hành chính cấp xã, cấp huyện thuộc tỉnh Điện Biên, do vậy hiện trạng sử dụng đất được xác định để lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu 2012-2015 huyện Mường Nhé là năm 2012. Nên trong kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 sẽ thực hiện đánh giá biến động đất đai của huyện Mường Nhé từ năm 2012 đến năm 2015.

Theo kết quả thống kê đất đai tính đến 31/12/2015 thực hiện theo Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/06/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, diện

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Mường Nhé - tỉnh Điện Biên

tích tự nhiên của huyện là 156.908,37 ha, giảm 464,57 ha so với diện tích tự nhiên thống kê theo quy định của Thông tư số 08/2007/TT-BTNMT ngày 02 tháng 08 năm 2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện thống kê, kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất. Đến 31/12/2012 là 157.372,94 ha, do sai lệch số liệu thống kê đất đai từ nguồn bản đồ địa chính năm 2015 là bản đồ chính quy với bản đồ địa chính được số hóa từ bản đồ 299 và các quy định về chỉ tiêu thống kê giữa 2 thông tư.

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Mường Nhé thực hiện theo quy định của Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/06/2014 Quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Các chỉ tiêu thống kê đất đai năm 2015 khác với chỉ tiêu thống kê đất đai năm 2012, nên số liệu so sánh của năm 2012 chỉ mang tính chất tương đối.

**Bảng 02: Biến động sử dụng các loại đất từ năm 2012 đến năm 2015**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	DT hiện trạng năm 2015	DT thống kê năm 2012	Biến động Tăng (+) Giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)-(5)
<b>TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN</b>			<b>156.908,37</b>	<b>157.372,94</b>	<b>-464,57</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>128.420,53</b>	<b>124.254,97</b>	<b>4.165,56</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	14.999,58	5.130,33	9.869,25
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>321,48</i>	<i>61,33</i>	<i>260,15</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	21.533,28	8.018,12	13.515,16
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	5.454,16	1.355,43	4.098,73
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	27.876,99	30.527,35	-2.650,36
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	44.993,44	45.581,00	-587,56
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	13.458,61	33.600,79	-20.142,18
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	104,48	41,95	62,53
1.8	Đất làm muối	LMU			
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH			
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>2.379,68</b>	<b>3.625,85</b>	<b>-1.246,17</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	50,72	42,72	8,00
2.2	Đất an ninh	CAN	5,86	2,34	3,52
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK			
2.4	Đất khu chế xuất	SKT			
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN			
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,33		0,33
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	9,29	4,25	5,04
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS			
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	542,01	891,30	-349,29
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT			
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL		1,02	-1,02
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	5,22		5,22
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	674,69	427,06	247,63

*Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Mường Nhé - tỉnh Điện Biên*

2.14	Đất ở tại đô thị	ODT			
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	11,03	25,90	-14,87
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức SN	DTS			
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG			
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	0,03		0,03
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	17,97	30,24	-12,27
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng	SKX	32,61	13,99	18,62
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH			
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV			
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,05		0,05
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.028,30	993,28	35,02
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	1,56	1.194,48	-1.192,92
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK		0,29	-0,29
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>26.108,15</b>	<b>5.581,24</b>	<b>20.526,91</b>
<b>4</b>	<b>Đất khu công nghệ cao*</b>	<b>KCN</b>			
<b>5</b>	<b>Đất khu kinh tế*</b>	<b>KKT</b>			
<b>6</b>	<b>Đất đô thị*</b>	<b>KDT</b>			

*Ghi chú: \* Không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên*

### 3.2.2.1. Đất nông nghiệp

Đất nông nghiệp năm 2015 là 128.420,53 ha tăng 4.165,56 ha so với năm 2012. Trong đó biến động cụ thể các loại đất như sau:

- Đất trồng lúa năm 2015 có 14.999,58 ha, tăng 9.869,25 ha so với năm 2012.
- Đất trồng cây hàng năm khác 21.533,28 ha, tăng 13.515,16 ha so với năm 2012.
- Đất trồng cây lâu năm là 5.454,16 ha, tăng 4.098,73 ha so với năm 2012.
- Đất rừng phòng hộ là 27.876,99 ha, giảm 2.650,36 ha so với năm 2012.
- Đất rừng đặc dụng là 44.993,44 ha, giảm 587,56 ha so với năm 2012.
- Đất rừng sản xuất là 13.458,61 ha, giảm 20.142,18 ha so với năm 2012.
- Đất nuôi trồng thủy sản là 104,48 ha, tăng 62,53 ha so với năm 2012.

### 3.2.2.2. Đất phi nông nghiệp

- Đất phi nông nghiệp năm 2015 là 2.379,68 ha, giảm 1.246,17 ha so với năm 2012. Diện tích đất phi nông nghiệp giảm là do có sự thay đổi về chỉ tiêu thống kê đất đai ở hai thời điểm áp dụng văn bản Luật, văn bản dưới luật khác nhau, nhưng đảm bảo diện tích đất đai cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội cũng như quá trình đô thị hóa, đáp ứng nhu cầu đất đai cho các ngành, các lĩnh vực. Biến động đất phi nông nghiệp như sau:

- Đất quốc phòng hiện là 50,72 ha, tăng 8,00 ha so với năm 2012. Diện tích tăng do xây dựng trụ sở Ban chỉ huy quân sự, các đơn vị đóng quân trên địa bàn huyện và những dự án khác bên quốc phòng quản lý.

- Đất an ninh hiện là 5,86 ha, tăng 3,52 ha so với năm 2012. Diện tích tăng do xây dựng các công trình, đất an ninh: Công an huyện Mường Nhé và đất an ninh trực thuộc đóng trên địa bàn các xã.

- Đất thương mại dịch vụ là 0,33 ha, tăng 100% so với năm 2012, nhằm đáp ứng quỹ đất cho hoạt động thương mại dịch vụ.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp là 9,29 ha, tăng 5,04 ha so với năm 2012. Diện tích tăng lên do phát triển các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn xã Mường Nhé và một số xã khác.

- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã là 542,01 ha, giảm 349,29 ha so với năm 2012. Diện tích giảm là do có sự thay đổi về chỉ tiêu thống kê đất đai ở hai thời điểm áp dụng văn bản Luật, văn bản dưới luật khác nhau. để xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trên địa bàn như: giao thông, thuỷ lợi, y tế, giáo dục, ...

- Đất có danh lam thắng cảnh năm 2015 không có, năm 2012 thống kê có 1,02 ha, diện tích này thống kê theo chỉ tiêu cũ.

- Đất bãi thải, xử lý chất thải là 5,22 ha, tăng 100% ha, so với năm 2012. Diện tích tăng do thực hiện quy hoạch bãi thải khu trung tâm huyện tại xã Mường Nhé.

- Đất ở tại nông thôn năm 2015 là 674,69 ha, tăng 247,63 ha so với năm 2012. Diện tích tăng lên đáp ứng nhu cầu về đất ở nông thôn của nhân dân, một số hộ gia đình tự giãn ra diện tích đất vườn, đất trồng cây hàng năm khác, cũng như thực hiện một số vị trí quy hoạch đất ở tái định cư nông thôn phục vụ cho việc ổn định dân cư theo các Đề án 79 trên địa bàn huyện.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan năm 2015 là 11,03 ha, giảm 14,87 ha so với năm 2012. Diện tích giảm là do có sự thay đổi về chỉ tiêu thống kê đất đai ở hai thời điểm áp dụng văn bản Luật, văn bản dưới luật khác nhau.

- Đất cơ sở tôn giáo là 0,03 ha, tăng 100% so với năm 2012.

- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng là 17,97 ha, giảm 12,27 ha so với năm 2012. Diện tích giảm là do có sự thay đổi về chỉ tiêu thống kê đất đai ở hai thời điểm áp dụng văn bản Luật, văn bản dưới luật khác nhau.

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm là 32,61 ha, tăng 18,62 ha so với năm 2012. Diện tích tăng theo quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng theo quy hoạch đã được UBND tỉnh Điện Biên phê duyệt.

- Đất cơ sở tín ngưỡng là 0,05 ha, tăng 100% so với năm 2012.

- Đất sông, ngòi, suối là 1.028,30 ha, tăng 35,02 ha so với năm 2012. Diện tích giảm là do có sự thay đổi về chỉ tiêu thống kê đất đai ở hai thời điểm áp dụng văn bản Luật, văn bản dưới luật khác nhau.

- Đất có mặt nước chuyên dùng năm 2015 là 1,56 ha, năm 2012 diện tích là 1.192,91 ha. Diện tích chênh lệch là do có sự thay đổi về chỉ tiêu thống kê đất đai ở hai thời điểm áp dụng văn bản Luật, văn bản dưới luật khác nhau.

### 3.2.2.3. Đất chưa sử dụng

Đất chưa sử dụng năm 2015 là 26.108,15 ha, tăng 20.526.91 ha so với năm 2012. Diện tích tăng là do có sự thay đổi về chỉ tiêu thống kê đất đai ở hai thời điểm áp dụng văn bản Luật, văn bản dưới luật khác nhau về loại đất chưa sử dụng.

### 3.2.3. *Khái quát tình hình biến động đất đai từ năm 2012 đến năm 2015*

Trong những năm qua việc chuyển đổi đất đai trên địa bàn huyện Mường Nhé là phù hợp với quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa của tỉnh nói chung và của huyện nói riêng, đất đai được phân bổ đáp ứng nhu cầu xây dựng hạ tầng kỹ thuật đáp ứng nhu cầu đời sống sinh hoạt và phát triển kinh tế của nhân dân, cũng như các đất đai cho các tổ chức kinh tế, chính trị, xã hội hoạt động và phát triển. Đây cũng là tiền đề xây dựng huyện Mường Nhé ngày một khang trang, hiện đại và văn minh.

Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất để phát huy hiệu quả trên một đơn vị diện tích. Nhu cầu xây dựng phát triển các công trình công cộng như: giao thông, thủy lợi, trụ sở cơ quan,... Xu hướng chuyển đổi mục đích sử dụng đất ở một số vùng trọng điểm để phát triển dịch vụ, đô thị. Đất ở và đất chuyên dùng sẽ tăng lên lấy vào đất sản xuất nông lâm nghiệp, thủy sản theo đúng quy hoạch được phê duyệt:

- Về đất sản xuất nông nghiệp: Tình hình sử dụng đất nông nghiệp đã có chuyển biến tích cực. Sự chuyển dịch cơ cấu cây trồng đã hình thành và phát triển nhiều vùng sản xuất chuyên canh, là cơ sở đảm bảo khả năng ổn định và phát triển sản xuất lương thực cũng như phát triển các cơ sở công nghiệp chế biến đang trở thành một trong các lĩnh vực kinh tế hàng hóa trong những năm tới. Nhiều mô hình kinh tế trang trại, gia trại đã bước đầu xuất hiện mặc dù mới chỉ ở quy mô nhỏ; đất đai đang dần được khai thác đúng hướng, phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng và khí hậu. Tuy nhiên, hiện nay vẫn chưa khai thác triệt để nguồn tài nguyên thiên nhiên, đất đai sẵn có phục vụ cho phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn.

- Đất phi nông nghiệp: Diện tích đất phi nông nghiệp luôn tăng và chủ yếu dùng vào các mục đích xây dựng hạ tầng kỹ thuật (*giao thông, thủy lợi, xây dựng trụ sở cơ quan*), hạ tầng xã hội xây dựng mở rộng trường lớp, bệnh viện, khu vui chơi giải trí... Tuy nhiên, sự phân bổ các loại đất này đang được thực hiện theo quy hoạch chi tiết trên địa bàn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đất ở: Được quản lý sử dụng ngày càng chặt chẽ và hiệu quả hơn nhưng chậm được đầu tư chỉnh trang do điều kiện kinh tế của người dân còn gặp nhiều khó khăn; đất ở phân bố không tập trung, gây khó khăn trong việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cải thiện đời sống văn hoá, y tế giáo dục và sinh hoạt của nhân dân.

- Đất chưa sử dụng: Thời gian qua đất chưa sử dụng, đất bỏ hoang hoá đã được khai thác đưa vào sử dụng, nhưng nguy cơ tái diễn hoang hóa vẫn tiềm ẩn do nhân dân còn thiếu nhận thức trong quá trình thực hiện các Đề án 79 trên địa bàn. Nhìn chung về biến động quỹ đất đai, các loại đất sản xuất nông nghiệp, đất chuyên dùng, đất ở đều có xu hướng tăng, đất chưa sử dụng được khai thác là xu thế biến động tích cực phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu chung đối với việc khai thác sử dụng tài nguyên đất.

#### **IV. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT**

##### **4.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất kỳ trước**

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2011-2015) huyện Mường Nhé được phê duyệt tại Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2014 của UBND tỉnh Điện Biên. Phương án quy hoạch được lập theo Luật Đất đai năm 2003, Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ và Thông tư số 19/2009/TT-BTNMT ngày 02 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Thực hiện Kiểm kê đất đai năm 2014, thống kê đất đai năm 2015, Kế hoạch sử dụng đất năm 2015 huyện Mường Nhé, được thực hiện theo Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ và Thông tư số 28/2014/TT-BTNMT, ngày 02 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/06/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Một số chỉ tiêu sử dụng đất trong Thống kê, Kiểm kê, cũng như trong Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo Luật Đất đai năm 2013 đã khác so với Luật Đất đai năm 2003. Do vậy trong phương án Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, lấy số liệu chỉ tiêu sử dụng đất thống kê năm 2015 là số liệu cứng, để so sánh với số liệu quy hoạch sử dụng đất năm đến năm 2020 được phê duyệt là số liệu mang tính quan trắc.

- Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2011-2015) của huyện được lập theo Luật Đất đai năm 2003, việc lấy nhu cầu sử dụng đất theo các công trình dự án là theo nhu cầu đăng ký từ 11 xã và các Phòng ban, ngành của huyện cũng như các công trình của các Sở, ngành có trên địa bàn nên các công trình, dự án nhiều, nhưng không xác định được nguồn Ngân sách để thực hiện các công trình dự án, nên kết quả thực hiện đạt thấp.

- Thực hiện Nghị quyết số 45/NQ-CP ngày 25 tháng 8 năm 2012 của Chính phủ về việc điều chỉnh địa giới hành chính để thành lập đơn vị hành chính cấp xã, cấp huyện thuộc tỉnh Điện Biên, do vậy hiện trạng sử dụng đất được xác định để

lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 là số liệu thống kê đất đai năm 31/12/2012, kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu của huyện chỉ còn 03 năm 2013, 2014 và 2015.

- Đất nông nghiệp trong quy hoạch sử dụng đất đưa ra các mục tiêu và thành các dự án cụ thể, tuy nhiên khi triển khai thực hiện trên địa bàn gặp nhiều khó khăn, việc thực hiện chuyển đổi nội bộ trong các loại đất là nhỏ lẻ, tuy nhiên sau 03 năm triển khai thực hiện diện tích đất sản xuất nông nghiệp tăng, đồng thời diện tích đất lâm nghiệp bị giảm đi do quá trình đốt nương làm rẫy trồng lúa, trồng màu.

- Dự án đất an ninh quy hoạch có 06 dự án, giai đoạn 2011-2015 kết quả thực hiện được 03 dự án,

- Đất quốc phòng quy hoạch có 46 dự án, giai đoạn 2011-2015 kết quả thực hiện được 8 dự án. Tiếp thu ý kiến của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Điện Biên, điều chỉnh quy hoạch cấp huyện xác định 12 công trình dự án theo phân khai của điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 tỉnh Điện Biên. 11 khu đất trên địa bàn đang sử dụng làm bãi tập quân sự của 11 xã thực hiện Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất quốc phòng, theo quy định hiện hành của Luật Đất đai năm 2013 không đưa vào nội dung điều chỉnh quy hoạch.

- Đất sản xuất kinh doanh tăng, đất ở nông thôn tăng, đất sản xuất vật liệu xây dựng cũng tăng đáp ứng nguồn nguyên vật liệu cho việc đầu tư xây dựng các trụ sở cơ quan, các công trình giao thông, thủy lợi và công trình xây dựng dân dụng của nhân dân trên địa bàn huyện.

- Dự án thuộc HĐND cấp tỉnh chấp thuận là 209 dự án, giai đoạn 2011-2015 kết quả thực hiện được 40 dự án. Còn lại 169 dự án đối chiếu với quy định của Luật Đất đai năm 2013 dự án nào thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 của Tỉnh, của Huyện thì đưa vào điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất (*các dự án thuộc Đề án 79*), còn lại không khả thi thì không đưa vào điều chỉnh.

**Bảng 03: So sánh kế hoạch sử dụng đất năm 2015 theo quy hoạch đã được duyệt với kết quả sử dụng đất năm 2015.**

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	DT kế hoạch được duyệt 2015 (ha)	Kết quả thực hiện 2015		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4)*100%
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>149.175,65</b>	<b>128.420,53</b>	<b>-20.755,12</b>	<b>86,09</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	6.305,73	14.999,58	8.693,85	237,87
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>321,48</i>	<i>321,48</i>		<i>100,00</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	8.309,43	21.533,28	13.223,85	259,14
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	2.041,12	5.454,16	3.413,04	267,21
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	55.748,23	27.876,99	-27.871,24	50,01
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	45.581,00	44.993,44	-587,56	98,71
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	31.103,91	13.458,61	-17.645,30	43,27
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	86,23	104,48	18,25	121,16
1.8	Đất làm muối	LMU				
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH				



*Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Mường Nhé - tỉnh Điện Biên*

<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>3.200,14</b>	<b>2.379,68</b>	<b>-820,46</b>	<b>74,36</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	55,32	50,72	-4,60	91,69
2.2	Đất an ninh	CAN	2,80	5,86	3,06	209,41
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD		0,33	0,33	
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi NN	SKC	24,73	9,29	-15,44	37,58
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động KS	SKS				
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.150,79	542,01	-608,78	47,10
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT				
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL				
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	1,00	5,22	4,22	522,00
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	747,77	674,69	-73,08	90,23
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT				
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	23,24	11,03	-12,21	47,48
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức SN	DTS				
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG				
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON		0,03	0,03	
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	41,84	17,97	-23,87	42,94
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng	SKX		32,61	32,61	
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH				
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV				
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN		0,05	0,05	
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.152,65	1.028,30	-124,35	89,21
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC		1,56	1,56	
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,29		-0,29	
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>4.996,86</b>	<b>26.108,15</b>	<b>21.111,29</b>	<b>19,14</b>

- Theo số liệu hiện trạng thống kê đất đai năm 2015 so với số liệu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất năm 2015 của huyện Mường Nhé đã được phê duyệt.

- So sánh số liệu kết quả sử dụng đất đến 31/12/2015 với số liệu kế hoạch sử dụng đất năm 2015 (số liệu năm cuối của kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu (2011-2015) đã được phê duyệt để đưa ra kết quả thực hiện các công trình, dự án trong quy hoạch, như sau:

#### **4.1.1. Đất nông nghiệp**

Diện tích đất nông nghiệp của huyện thực hiện năm 2015 là 128.420,53 ha, đạt 86,09% so với quy hoạch được duyệt, thấp hơn 20.755,12 ha. Trong đó:

- Đất trồng lúa: Thực hiện được 14.999,58 ha, đạt 237,87% so với quy hoạch đã được duyệt, cao hơn 8.693,85 ha, do khai thác diện tích đất nông nghiệp có khả năng vào trồng lúa khi được đầu tư hệ thống mương tưới trên địa bàn huyện từ năm 2012-2015.

- Đất trồng cây hàng năm khác: Thực hiện được 21.533,16 ha, đạt 259,14% so với quy hoạch đã được duyệt, cao hơn 13.223,85 ha.

- Đất trồng cây lâu năm: Thực hiện được 5.454,28 ha, đạt 267,21% so với quy hoạch đã được duyệt, cao hơn 3.413,04 ha.

- Đất rừng phòng hộ: Thực hiện được 27.876,99 ha, đạt 50,01% so với quy hoạch đã được duyệt, thấp hơn 27.871,24 ha.

- Đất rừng đặc dụng: Thực hiện được 44.993,44 ha, đạt 98,71% so với quy hoạch đã được duyệt, thấp hơn 587,56 ha.

- Đất rừng sản xuất: Thực hiện được 13.458,61 ha, đạt 43,27% so với quy hoạch đã được duyệt, thấp hơn 17.645,30 ha.

- Đất nuôi trồng thủy sản: Thực hiện được 104,48 ha, đạt 121,16% so với kế hoạch đã được duyệt, cao hơn 18,25 ha.

#### **4.1.2. Đất phi nông nghiệp**

Đất phi nông nghiệp thực hiện năm 2015 là 2.379,68 ha, đạt 74,36% so với chỉ tiêu quy hoạch đã được duyệt, thấp hơn 820,46 ha. Kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu của huyện (2011-2015) được xác định 290 công trình, dự án để xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và các trụ sở cơ quan như trường học, chợ, trụ sở UBND các cấp, trụ sở các ngành công an, quân đội ... (trong đó: quy hoạch tỉnh Điện Biên phân bổ 77 công trình, dự án và UBND huyện xác định là 213 công trình, dự án) với diện tích tăng thêm theo quy hoạch là 1.876,78 ha, nhưng mới thực hiện được 208,30 ha. Trong đó:

- Đất quốc phòng: Thực hiện được 50,72 ha, đạt 91,69% so với quy hoạch đã được duyệt, thấp hơn 4,60 ha. Phương án quy hoạch xác định 46 dự án diện tích 51,13 ha, đã thực hiện được 08 dự án diện tích 50,72 ha.

- Đất an ninh: Thực hiện được 5,86 ha, đạt 209,41% so với quy hoạch đã được duyệt, cao hơn 3,06 ha. Phương án quy hoạch xác định 06 dự án diện tích 5,39 ha, đã thực hiện được 03 dự án diện tích 2,89 ha.

- Đất thương mại, dịch vụ thực hiện là 0,33 ha, quy hoạch được duyệt không có chỉ tiêu đất này mà nằm trong chỉ tiêu đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Thực hiện được 9,29 ha, đạt 37,58% so với quy hoạch đã được duyệt, thấp hơn 15,44 ha. Phương án quy hoạch xác định 12 dự án diện tích 183 ha, đã thực hiện được diện tích 5,40 ha (*trong đó một số dự án đã được tách và tổng hợp theo đất thương mại, dịch vụ*).

- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: Thực hiện được 542,01 ha, đạt 47,10 % so với quy hoạch đã được duyệt, thấp hơn 608,78 ha, nguyên nhân thấp hơn là do thay đổi chỉ tiêu sử dụng đất của các văn bản quy định, đồng thời chỉ tiêu thực hiện thấp các dự án giao thông, thủy lợi, đất năng lượng, đất giáo dục đào tạo, văn hóa, y tế, thể thao ....

- Đất bãi thải, xử lý rác thải: Thực hiện được 5,22 ha, đạt 522% so với quy hoạch đã được duyệt, cao hơn 4,22 ha. Phương án quy hoạch xác định 12 dự án diện tích 7,11 ha, tính đến năm 2015 thực hiện được 01 dự án, diện tích 5,22 ha, dự án thực hiện nằm trong phương án quy hoạch.

- Đất ở tại nông thôn: Thực hiện được 674,69 ha, đạt 90,23% so với quy hoạch đã được duyệt, thấp hơn 73,08 ha. Phương án quy hoạch xác định đất ở nông thôn thuộc 11 xã diện tích 372,66 ha, tính đến năm 2015 thực hiện được 247,63 ha.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Thực hiện được 11,03 ha, đạt 47,48% so với quy hoạch đã được duyệt, thấp hơn 12,21 ha. Phương án quy hoạch xác định 19 dự án diện tích 10,94 ha, tính đến năm 2015 thực hiện được 6 dự án, diện tích 5,50 ha, dự án thực hiện chủ yếu là trụ sở cơ quan trong khu hành chính của huyện.

- Đất cơ sở tôn giáo 0,03 ha, tăng 100% so với quy hoạch được duyệt.

- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: Thực hiện được 17,97 ha, đạt 42,94% so với quy hoạch đã được duyệt, thấp hơn 23,87 ha.

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, gốm sứ: Thực hiện được 32,61 ha, đạt 100% so với chỉ tiêu quy hoạch đã được duyệt, cao hơn 32,61 ha.

- Đất cơ sở tín ngưỡng: Thực hiện được 0,05 ha, tăng 100% so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt, 0,05 ha.

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Thực hiện được 1.028,30 ha, đạt 89,21% so với quy hoạch đã được duyệt, thấp hơn 124,35 ha.

- Đất mặt nước chuyên dùng: Năm 2015 là 1,56 ha, tăng 100% so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- Đất phi nông nghiệp khác: Năm 2015 không có loại đất này, thấp hơn 0,29 ha, so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

#### **4.1.3. Đất chưa sử dụng**

Diện tích đất chưa sử dụng theo quy hoạch sử dụng đất năm 2015 được phê duyệt là 4.996,86 ha, thực hiện năm 2015 là 26.108,15 ha, cao hơn 21.111,29 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt. Cao hơn là do đất chưa sử dụng chưa được khai thác đưa vào sử dụng cho mục đích sản xuất nông lâm nghiệp và phi nông nghiệp.

### **4.2. Đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước**

#### **4.2.1. Những mặt được trong thực hiện quy hoạch sử dụng đất**

- Công tác quản lý nhà nước về đất đai của huyện thông qua quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã phân bổ đất đai cho các nhu cầu sử dụng đất của các Ngành, các Thành phần kinh tế được đảm bảo theo yêu cầu thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

- Đất đai được sử dụng đúng mục đích, hợp lý, tiết kiệm, có hiệu quả. Việc chuyển mục đích sử dụng đất được đánh giá chi tiết cụ thể, tránh được những rủi ro, làm hoang hóa đất đai.

- Quy hoạch sử dụng đất kỳ trước đã bám sát quy hoạch chung của tỉnh Điện Biên phân bổ và các quy hoạch ngành, quy hoạch sắp xếp ổn định dân cư theo đề án 79 trên địa bàn huyện.

- Việc triển khai thực hiện quy hoạch đã được xác định cụ thể, đảm bảo tính thực tiễn cũng như hiệu quả của từng dự án cụ thể trước khi triển khai thực hiện nên đã hạn chế quy hoạch treo, không lãng phí tiềm năng đất đai.

- Các công trình, dự án trong quy hoạch được tính toán theo nguồn kinh phí thực hiện từ đó xác định diện tích đất đai bị thu hồi, giải phóng mặt bằng để thực hiện các công trình, dự án.

- Công tác thanh tra, kiểm tra việc sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được thực hiện có hiệu quả, ngăn chặn kịp thời những vi phạm trong công tác quản lý sử dụng đất đai đồng thời đưa ra những giải pháp, biện pháp xử lý kịp thời đối với các chủ sử dụng đất vi phạm, theo đúng quy định của Pháp luật không để những vi phạm đáng tiếc xảy ra.

#### **4.2.2. Một số tồn tại chủ yếu trong sử dụng đất**

- Quy hoạch sử dụng đất của huyện được tiến hành đúng theo quy định, nhưng do việc chia tách địa giới hành chính, cũng như phải đợi quy hoạch cấp tỉnh được Chính phủ ban hành Nghị quyết phê duyệt nên quy hoạch của huyện đến năm 2014 mới được phê duyệt.

- Công tác dự báo, đánh giá thẩm định các công trình, dự án còn mang nặng tính hình thức, chưa xác định rõ được tính khả thi của các hạng mục công trình dự án trong quy hoạch để đưa ra kế hoạch thực hiện cụ thể theo từng thời điểm.

- Một số dự án, công trình của các ngành chưa thực sự thống nhất, tình trạng tự phát, cục bộ thực hiện trong quy hoạch, của các ngành, các cấp vẫn bị dàn trải, phải thực hiện bổ xung nhưng tiến độ thực hiện chậm và kéo dài gây khó khăn cho công tác quản lý đất đai theo quy hoạch.

- Do đặc thù của miền núi nên việc đo đạc địa chính chính quy chưa được hoàn thiện, nên khó khăn trong công tác quản lý đất đai, cũng như xác định vị trí giữa bản đồ với thực địa các công trình, dự án.

- Việc thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn chủ yếu là phụ thuộc vào Ngân sách Nhà nước nên các công trình, dự án thực hiện bị kéo dài gây ảnh hưởng đến đời sống sản xuất của nhân dân.

- Tình trạng trạng di dân tự do của đồng bào vẫn diễn ra, tập quán du canh du cư vẫn còn, đây là thực tế rất khó khăn cho công tác quản lý đất đai nói chung, cũng như việc sử dụng đất không đạt được hiệu quả và khai thác sử dụng đất để phát triển kinh tế nông nghiệp.

- Một số mâu thuẫn, chông chéo nhau trong sử dụng đất do chưa xác định rõ thời gian thực hiện quy hoạch phát triển lâm nghiệp, quy hoạch khai thác khoáng sản, quy hoạch đất an ninh, quốc phòng.

#### **4.2.3. Nguyên nhân của những tồn tại trong sử dụng đất**

- Chưa quán triệt đầy đủ vai trò của quy hoạch sử dụng đất trong quản lý Nhà nước về đất đai, công tác tham mưu cho Lãnh đạo để triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo Luật Đất đai năm 2013 còn hạn chế.

- Các điều kiện về vật chất cho công tác thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chưa bảo đảm, không có thời gian chuẩn bị trước, nguồn Ngân sách có đến đâu thực hiện đến đó nên khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện, công tác dự báo bị hạn chế.

- Huyện có bản đồ địa chính nhưng đã cũ và không được chỉnh lý biến động thường xuyên, do vậy khó khăn trong quá trình sử dụng. Việc đo đạc lập bản đồ địa chính chính quy, lập hồ sơ địa chính theo hiện trạng sử dụng đất cần nguồn Ngân sách lớn để hoàn thành.

- Chưa có các giải pháp khả thi để thực hiện kế hoạch sử dụng đất hàng năm, trong đó chủ yếu là không cân đối đủ nguồn vốn ngân sách cho xây dựng hạ tầng kỹ thuật và kinh phí để bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thực hiện thu hồi đất.

- Việc đánh giá, thẩm định kinh phí dự toán các công trình dự án thường bị kéo dài do vướng nhiều thủ tục hành chính, thiếu các Văn bản quy định chi tiết cụ thể nên khó khăn cho cán bộ chuyên môn thẩm định.

- Công tác công bố, công khai, lấy ý kiến của nhân dân cho từng công trình dự án chưa sát sao, nghiêm túc còn mang nặng tính hình thức, chưa trả lời thỏa đáng cho ý kiến của nhân dân nên dẫn đến việc khó khăn trong công tác giải phóng mặt bằng và triển khai thực hiện công trình dự án.

- Công tác dân vận chưa phát huy tốt, để tuyên truyền cho nhân dân hiểu về giá trị của việc đầu tư xây dựng các công trình dự án và giá trị mang lại của công trình cho đời sống sinh hoạt của nhân dân.

- Một số công trình dự án khai thác khoáng sản thực hiện chưa đúng quy trình nên làm ô nhiễm môi trường đất, môi trường nước, ảnh hưởng đến sản xuất và sinh hoạt của một số bộ phận dân cư sống giáp ranh.

- Việc giám sát thực hiện các công trình dự án theo nguồn vốn Đầu tư của Nhà nước chưa cụ thể, gắn trách nhiệm cho đơn vị, tổ chức, cá nhân để theo dõi giám sát chất lượng và tiến độ kế hoạch.

- Công tác bồi thường và giải phóng mặt bằng gặp khó khăn chậm tiến độ, việc đầu tư xây dựng các dự án chậm tiến độ do người dân chưa được hiểu hết các Quy định của văn bản Pháp luật như: Luật Đất đai 2013, Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, nên chưa có sự hợp tác của nhân dân trong việc triển khai giải phóng mặt bằng, thực hiện các công trình, dự án.

- Trong những năm qua nền kinh tế rơi vào suy thoái, việc đầu tư cho phát triển hạ tầng kỹ thuật bị hạn chế, các công trình thi công chậm tiến độ, nhiều công trình xác định đầu tư nhưng không thể triển khai thực hiện do không có kinh phí.

- Công tác kiểm kê đất đai năm 2014 các chỉ tiêu sử dụng đất thay đổi nhiều so với thời điểm lập quy hoạch năm 2012.

- Hậu quả của hoạt động khai thác rừng quá mức, chặt phá rừng những năm trước đây để lại hậu quả vẫn chưa được khắc phục.

#### **4.2.4. Một số giải pháp khắc phục**

- Đẩy nhanh công tác lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020. Điều này có ảnh hưởng rất lớn đến tiến độ và hiệu lực giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và việc thu hồi đất để thực hiện các công trình, dự án.

- Tăng cường công tác điều tra cơ bản, đo đạc bản đồ địa chính chính quy, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Luật Đất đai 2013, cập nhật thông tin đầy đủ của chủ sử dụng đất, chỉnh lý biến động kịp thời.

- Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác giao đất lâm nghiệp cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khoan nuôi phục hồi rừng và trồng rừng, trước mắt cần tập trung vào trồng rừng và khuyến khích trồng rừng.

- Kiểm soát chặt chẽ các hoạt động khai thác rừng, gắn khai thác với kế hoạch trồng, bảo vệ và phát triển quỹ rừng trên cơ sở thực hiện có hiệu quả các chương trình, dự án.

- Thực hiện các quy hoạch chi tiết trên địa bàn các xã phải gắn với các quy hoạch chung của tỉnh, huyện như quy hoạch 3 loại rừng, quy hoạch khai thác khoáng sản, quy hoạch giao thông vận tải .... và lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm trình UBND tỉnh phê duyệt và triển khai thực hiện có hiệu quả.

- Kiểm tra giám sát việc thực hiện xây dựng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo chất lượng, tiến độ thực hiện. Từ đó đưa ra kế hoạch khai thác quỹ đất trong các khu quy hoạch phù hợp với thực tiễn cũng như định hướng quy

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Mường Nhé - tỉnh Điện Biên  
hoạch dài hạn.

- Thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất ở, giao đất có thu tiền sử dụng đất gắn với quy hoạch, đảm bảo việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà sau khi người sử dụng đất hoàn thành nghĩa vụ tài chính.

- Tổ chức tốt việc tuyên truyền và triển khai thực hiện Luật Đất đai năm 2013, Văn bản dưới Luật và các Chủ trương, Chính sách của tỉnh để nhân dân hiểu và thực hiện, đồng thời thu hút nguồn đầu tư trong và ngoài nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong việc thực hiện quy hoạch sử dụng đất.

#### **4.3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất sử dụng đất kỳ tới.**

Qua quá trình triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, huyện Mường Nhé đã đúc kết được một số bài học kinh nghiệm cơ bản để tổ chức thực hiện tốt hơn điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh như sau:

Một là: Phải có sự phối hợp đồng bộ từ các Sở, ngành, và UBND huyện đến UBND 11 xã trong tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là điều kiện tiên quyết đảm bảo cho sự thành công của mỗi kỳ quy hoạch, kế hoạch;

Hai là: Kinh tế - xã hội phát triển, dẫn đến quá trình chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất đáp ứng nhu cầu đất đai cho các thành phần kinh tế phát triển cũng như sử dụng đất đai một cách hiệu quả. Đồng thời phải đẩy mạnh công tác quản lý đất đai theo quy hoạch nói chung, hoàn chỉnh hệ thống thủ tục hành chính về đất đai từ: Văn bản thực hiện, Cơ chế, Chính sách cũng như con người và máy móc để thực hiện công tác quản lý đất đai theo quy hoạch, quy định của Pháp luật và đưa công tác hành chính công đáp ứng tốt yêu cầu của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong lĩnh vực đất đai.

Ba là: Mục tiêu, nhiệm vụ của công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phải được gắn với nhiệm vụ chuyên môn của từng Phòng, ban ngành và UBND 11 xã thuộc UBND huyện Mường Nhé quản lý.

Bốn là: Việc quản lý, sử dụng đất phải gắn với cải tạo, bảo vệ đất và gắn với tổ chức sản xuất, bảo vệ môi trường sinh thái và phòng chống việc rửa trôi, thoái hóa đất.

## **PHẦN II**

### **PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT**

#### **I. ĐIỀU CHỈNH ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT**

##### **1.1. Khái quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội**

Xây dựng huyện Mường Nhé từng bước phát triển, văn minh, hiện đại và mang bản sắc đặc trưng của huyện miền núi, đẩy mạnh việc học tập toàn dân để nâng cao hiểu biết nhằm phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và ứng dụng khoa học kỹ thuật vào trong đời sống sinh hoạt và sản xuất. Kinh tế phát triển khá trên cơ sở phát huy tốt các lợi thế về điều kiện tự nhiên, nguồn tài nguyên đất đai. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng Sản xuất nông lâm nghiệp (*trọng tâm là thực hiện tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp; tăng cường bảo vệ và phát triển rừng*), phát triển thương mại - dịch vụ - du lịch và phát triển thủ công nghiệp - xây dựng gắn các dự án sắp xếp, ổn định dân cư với xây dựng nông thôn mới. Chăm lo phát triển các vấn đề xã hội, xoá đói giảm nghèo, giải quyết việc làm, tạo thu nhập ổn định cho người lao động song song với phát triển kinh tế để nâng cao đời sống mọi mặt cho nhân dân. Giữ gìn và bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên. Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại, giữ vững an ninh biên giới quốc gia, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Xây dựng phát triển nhanh đưa huyện thoát nghèo và sớm ra khỏi huyện đặc biệt khó khăn.

##### **1.1.1. Mục tiêu kinh tế**

- Tập trung nguồn lực đầu tư các công trình hạ tầng thiết yếu, có vai trò quyết định để tạo điều kiện phát triển, khai thác quỹ đất có lợi thế về dịch vụ, thương mại để thu hút đầu tư phát triển.

- Đẩy mạnh việc thực hiện quy hoạch chi tiết các khu vực phát triển đô thị theo quy hoạch đã được duyệt, gắn kết với việc đấu giá quyền sử dụng đất ở đô thị, giao đất có thu tiền, tăng nguồn thu cho Ngân sách từ đất đai cũng như khai thác tốt lợi thế và tiềm năng đất đai trên địa bàn 11 xã.

- Phát triển sản xuất nông lâm nghiệp bền vững gắn với trồng và khoanh nuôi bảo vệ rừng đầu nguồn. Thực hiện tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp, hỗ trợ phát triển sản xuất, cung cấp kiến thức, ứng dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất, bảo quản, chế biến nông sản, đảm bảo an ninh lương thực, hỗ trợ nhân dân trong việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi hình thành các trang trại, gia trại có hiệu quả trong sản xuất. Đa dạng hóa sản xuất nông nghiệp, xác định cây trồng vật nuôi mũi nhọn để phát triển tạo ra sản phẩm hàng hóa cung cấp cho thị trường.

##### **1.1.2. Mục tiêu xã hội**

- Phát triển nguồn nhân lực, gắn đào tạo với giải quyết việc làm và chuyển



dịch cơ cấu lao động trong các ngành kinh tế, góp phần giảm nghèo nhanh và bền vững. Đến năm 2020 tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống còn dưới 20% (theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều), thu hẹp khoảng cách thu nhập giữa giàu - nghèo. Giải quyết cơ bản vấn đề lao động, việc làm, tạo thu nhập để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân. Phân đấu mỗi năm tạo việc làm mới cho 800 lao động, tỷ lệ lao động được đào tạo nghề trên 45%, mỗi năm xuất khẩu 100 lao động/năm trở lên. Tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề của huyện đặc biệt là lao động bị mất đất trong quá trình đô thị hóa, đáp ứng yêu cầu của các ngành kinh tế.

- Nâng cao chất lượng công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân triển khai có hiệu quả các chương trình y tế quốc gia. Tiếp tục duy trì chuẩn quốc gia về y tế xã tại các xã. Giảm tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn 24%; Trẻ dưới 1 tuổi được tiêm đủ loại vắc xin đạt 95%; đạt 9,65 bác sỹ/1 vạn dân; Dân cư tham gia đóng bảo hiểm y tế đạt 99%.

- Duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng công tác tư vấn hướng nghiệp và hướng nghiệp sớm cho học sinh, đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, đa dạng các loại hình đào tạo đảm bảo đáp ứng nhu cầu của người học để tạo nguồn nhân lực phục vụ công nghiệp hóa trên địa bàn. Đến năm 2020, tỷ lệ trẻ mầm non 1-5 tuổi đến trường đạt 99,5%; Trẻ từ 6-10 tuổi đến trường là 99,5%; Trẻ từ 11-14 tuổi đến trường là 91%; Trẻ từ 15-18 tuổi đến trường là 75%; Toàn huyện có 16 trường đạt chuẩn quốc gia.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" để nâng cao chất lượng các gia đình, tổ xóm, cơ quan đơn vị đạt tiêu chuẩn văn hóa. Xây dựng các thiết chế văn hóa ở cơ sở, quan tâm giành quỹ đất để xây dựng nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng. Đến năm 2020, số thôn bản, tổ dân phố đạt văn hóa là 53%; Gia đình văn hóa là 60%; Cơ quan văn hóa 90%;

### **1.1.3. Môi trường**

- Khai thác hợp lý, sử dụng đất tiết kiệm và có hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn sự đa dạng sinh học của rừng. Duy trì có chất lượng tỷ lệ che phủ rừng (51,5%) theo hướng tăng diện tích rừng sản xuất, thực hiện theo quy hoạch 3 loại rừng.

- Phòng chống lụt bão, giảm nhẹ thiên tai, ngăn chặn và kiểm soát hiệu quả ô nhiễm môi trường. Xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm Luật bảo vệ môi trường.

- Xây dựng, hoàn chỉnh khu xử lý rác thải tại khu trung tâm huyện.

- Hạn chế đến mức thấp nhất khả năng ô nhiễm môi trường do các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội gây ra, giữ gìn, tôn tạo cảnh quan môi trường.

### **1.2. Quan điểm sử dụng đất**

(1). Tiếp tục khai thác, sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả quỹ đất. Cần có những công trình nghiên cứu sâu về tài nguyên đất, đánh giá thích hợp đất đai để

bố trí sử dụng hợp lý, khoa học, nhằm mang lại hiệu quả cao trong sản xuất nông lâm nghiệp và cải thiện môi trường.

(2). Chuyển đổi mục đích sử dụng đất trong quá trình đô thị hóa. Trong cơ cấu sử dụng đất theo quy hoạch xây dựng cần tính toán cơ cấu đất đai cho các mục đích phi nông nghiệp phù hợp với điều kiện thực tế cũng như đáp ứng các yêu cầu phát triển lâu dài, tạo cơ sở vững chắc cho việc sử dụng đất một cách bền vững.

(3). Tiếp tục đầu tư khai thác diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho các mục đích nông lâm nghiệp. Khoanh nuôi tái sinh rừng phòng hộ, rừng trồng sản xuất mới kết hợp với trồng cây lâu năm để đạt tỷ lệ che phủ rừng, an toàn sinh thái.

(4). Đối với đất sản xuất nông nghiệp cần bảo vệ diện tích đất chuyên trồng lúa nước một cách hợp lý, tiến hành các biện pháp thâm canh cao, tăng năng suất, tăng chất lượng nông sản, đảm bảo an ninh lương thực, song song với việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng sản xuất hàng hóa, tăng diện tích cây ăn quả, mở rộng diện tích đất trồng rau sạch, phát triển các mô hình kinh tế trang trại và chăn nuôi tập trung gắn với bảo vệ môi trường. Lựa chọn cây trồng, vật nuôi dựa trên lợi thế và tiềm năng của từng vùng sản xuất trong huyện.

(5). Ưu tiên đất đai để xây dựng hạ tầng kỹ thuật - hạ tầng xã hội, đất ở đô thị và đất ở nông thôn theo tiến trình đô thị hóa, xây dựng nông thôn mới, ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật cùng với việc bố trí đất ở nông thôn tại các xã.

### **1.3. Định hướng sử dụng đất theo khu chức năng**

#### ***1.3.1. Khu vực đất nông nghiệp***

Từ nay đến năm 2020, sản xuất nông nghiệp được xác định là nhiệm vụ then chốt và khai thác có hiệu quả tiềm năng đất đai. Phát triển nông nghiệp toàn diện kết hợp với mục tiêu xây dựng nông thôn mới tạo điều kiện chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hóa, đưa giống cây trồng vật nuôi phù hợp với thực tiễn của địa phương, trong đó:

- Duy trì và bảo vệ nghiêm ngặt trạng thái rừng ở những vùng đầu nguồn xung yếu, các khu vực bảo tồn thiên nhiên quốc gia. Khoanh nuôi, trồng rừng kết hợp với trồng cây lâu năm để đạt tỷ lệ tán che cao nhất và đảm bảo trên đất dốc từ 8<sup>0</sup> trở lên luôn có tán che. Thực hiện phát triển rừng theo quy hoạch 3 loại rừng, đồng thời thực hiện công tác giao đất giao rừng theo quy hoạch, gắn trách nhiệm của chủ rừng vào công tác bảo vệ rừng và tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân khai thác rừng trồng theo quy hoạch, phát triển kinh tế rừng là một thế mạnh của huyện.

- Phát triển nông nghiệp trên cơ sở ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và phương thức sản xuất tiên tiến, nhất là công nghệ sinh học để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, năng lực cạnh tranh gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

Quản lý chặt chẽ hoạt động liên kết giữa doanh nghiệp và nông dân nhằm phát triển ổn định phục vụ công nghiệp chế biến.

- Đẩy mạnh công tác khuyến nông, khuyến lâm theo hướng thí điểm thực hiện sản xuất nông nghiệp theo quy trình VIETGAP gắn với xây dựng thương hiệu cho sản phẩm tại các vùng có điều kiện, trong đó tập trung nguồn lực thực hiện các đề án phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa.

- Phát triển nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, tăng hiệu suất sử dụng đất và tăng năng suất lao động nông nghiệp, nâng cao thu nhập và đời sống của nông dân, từng bước chuyển đổi cơ cấu lao động trong nông nghiệp, thích ứng với quá trình ứng dụng khoa học kỹ thuật sẽ diễn ra trên địa bàn thuyện trong thời gian tới.

- Phát triển nông nghiệp gắn với nhu cầu thị trường, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Hình thành thói quen sản xuất và sử dụng nông sản sạch, an toàn của thực phẩm.

- Xây dựng và quản lý tốt mối quan hệ của các doanh nghiệp, nhà đầu tư với nông dân để phát triển các loại cây trồng như: Cao su; Cà phê, Mac ca đảm bảo hiệu quả, lợi nhuận cho người trồng và nhà đầu tư một cách chính đáng.

### **1.3.2. Khu vực đất phi nông nghiệp**

Xây dựng hạ tầng kỹ thuật cho khu vực phát triển đô thị và khu vực nông thôn để hình thành các khu vực như sau:

- Khu vực trung tâm đô thị, khu đô thị như: Khu trung tâm hành chính, văn hóa, chính trị huyện Mường Nhé chạy dọc đường QL4H theo quy hoạch chung xây dựng được phê duyệt.

- Khu vực phát triển kinh tế cửa khẩu A Pa Chải hình thành trụ sở cơ quan quản lý nhà nước tại cửa khẩu đồng thời quy hoạch đất cho các tổ chức kinh tế các doanh nghiệp thuê hình thành các kho tàng, bến bãi, chợ cửa khẩu ... nhằm đẩy mạnh thu hút đầu tư vào khu vực cửa khẩu và chuyển đổi nghề nghiệp cho nhân dân khu vực cửa khẩu, giải quyết việc làm cho người lao động trên địa bàn.

- Khu vực đầu tư phát triển các trung tâm xã theo quy hoạch Nông thôn mới. Xây dựng kết cấu hạ tầng các khu trung tâm gắn trụ sở UBND xã, Nhà văn hóa xã, Sân thể thao và các trường học ... với đất ở nông thôn tạo nên không gian chung hài hòa khu trung tâm xã đồng thời phát triển thêm một số loại hình kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn xã.

### **1.3.3. Khu vực đất khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học**

Hiện nay, trên địa bàn huyện có khu bảo tồn thiên nhiên Mường Nhé (*bao gồm 10 xã biên giới thuộc tỉnh Điện Biên*), trên địa bàn huyện Mường Nhé có 5 xã (*Mường Nhé; Chung Chải; Leng Su Sìn; Nậm Kè và Sìn Thầu*) với diện tích 44.993,44 ha. Đây là khu bảo tồn có nhiều loại cây gỗ nguyên sinh quý hiếm, các loài động vật quý hiếm (rùa đá, voi, bò tót, gấu chó, hổ, báo, sói đỏ, tê tê, cây hương, mèo rừng... và một số loài được ghi trong sách đỏ Việt Nam) cần được bảo

Trong những năm tới huyện Mường Nhé thực hiện theo những định hướng cơ bản trong việc sử dụng đất khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn theo chỉ đạo của tỉnh Điện Biên:

- Bảo tồn và phát triển sự phong phú của các hệ sinh thái tự nhiên và quan trọng trên địa bàn tỉnh, bảo vệ môi trường sống tự nhiên của các loài động thực vật hoang dã và cảnh quan môi trường, bảo vệ nét đẹp độc đáo của tự nhiên.

- Nuôi, trồng và chăm sóc các loài thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; lưu giữ, bảo quản nguồn gen và mẫu vật di truyền phục vụ mục đích bảo tồn và phát triển đa dạng sinh học.

- Chăm sóc, nuôi dưỡng, cứu hộ, nhân giống loài hoang dã, cây trồng, vật nuôi, vi sinh vật và nấm đặc thù có giá trị lưu giữ và bảo quản lâu dài các mẫu vật di truyền.

- Bảo tồn đa dạng sinh học phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường của tỉnh. Thực hiện quy hoạch chi tiết các khu bảo tồn tại chỗ. Ưu tiên bảo tồn nguyên vị các hệ sinh thái đặc thù, các loài thực vật quý hiếm, đặc hữu của hệ thống các khu bảo tồn, tạo các sinh cảnh ổn định cho các loài động vật hoang dã sinh trưởng.

- Nâng cao độ che phủ rừng, phấn đấu đến năm 2020 đạt 52,50%. Hạn chế các vụ xâm hại đến rừng như chặt phá, cháy rừng, xử phạt nghiêm các vụ vi phạm đến rừng.

- Kiểm soát việc khai thác và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên sinh vật; tăng cường năng lực quản lý nhà nước về bảo tồn đa dạng sinh học; tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và thu hút sự tham gia của cộng đồng trong quản lý, bảo tồn và phát triển đa dạng sinh học.

## **II. PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT**

### **2.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội**

#### **2.1.1. Chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế**

Tập trung nguồn lực đầu tư các công trình, dự án xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu, tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn 11 xã, khai thác quỹ đất có lợi thế thương mại, lợi thế kinh doanh để thu hút đầu tư phát triển dịch vụ khu trung tâm huyện và khu cửa khẩu A Pa Chải. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng các ngành kinh tế phi nông nghiệp thương mại - dịch vụ; phát triển thủ công nghiệp - xây dựng, giảm dần tỷ trọng ngành nông, lâm nghiệp trong cơ cấu kinh tế của huyện.

- Tổng sản lượng lương thực có hạt đến năm 2020 đạt 18.560 tấn, bình quân lương thực đầu người 450 kg/người/năm.

- Giá trị sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi bình quân tăng 0,7%/năm.

- Giá trị sản xuất tiêu thụ công nghiệp - xây dựng đến năm 2020 đạt 750 tỷ đồng.
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa (*theo giá hiện hành*) đến năm 2020 đạt 700 tỷ đồng.
- Tổng thu ngân sách tăng bình quân tăng hàng năm 7,5% trở lên, đến năm 2020 đạt trên 20 tỷ đồng.

### **2.1.2. Chỉ tiêu quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực**

#### **2.1.2.1. Khu vực kinh tế nông nghiệp**

- Trồng trọt: Nâng cao năng suất, chất lượng cây trồng, đáp ứng nhu cầu nông sản. Phân đấu đến năm 2020 diện tích sản xuất nông nghiệp đạt 16.441 ha. Tổng sản lượng lương thực là 14.300 tấn, trong đó:

+ *Cây lúa*: Xây dựng, nhân rộng các mô hình sản xuất lúa chất lượng cao trên diện tích chủ động nước là 484 ha ở: xã Mường Nhé; Chung Chải; Leng Su Sìn; Mường Toong; Nậm Kè; Nậm Vì.

+ *Cây ngô*: Dự kiến đến năm 2020 diện tích cây ngô đạt 3.000 ha, năng suất bình quân đạt 25 tạ/ha, sản lượng 7.500 tấn.

+ *Cây rau, đậu các loại*: Xây dựng vùng trồng rau chuyên canh với sản lượng đạt 540 tấn, đảm bảo rau sạch cung cấp khu vực trung tâm huyện và các xã lân cận, phát triển ở xã Mường Nhé; Chung Chải và xã Nậm Kè.

+ *Cây khoai*: Cây khoai được trồng hầu hết trên địa bàn 11 xã.

+ *Cây sắn*: Cây sắn được trồng hầu hết trên địa bàn 11 xã, nhưng nhiều hơn ở các xã Mường Toong; Nậm Kè và xã Quảng Lâm.

+ *Cây công nghiệp hàng năm*: Duy trì và mở rộng diện tích Lạc, Vừng và Đậu tương. Phân đấu đến năm 2020 diện tích đạt 1.500 ha, phân bố ở 11 xã.

+ *Cây ăn quả*: Sản xuất các loại cây ăn quả như: Cam, Dứa, Xoài, Táo, Vải nhãn và Chuối .... Dự kiến diện tích cây ăn quả các loại đến năm 2020 đạt 200 ha, sản lượng quả các loại đạt 2.300 tấn.

+ *Sản xuất hoa, cây cảnh*: Đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ tiên tiến vào sản xuất hoa, cây cảnh như công nghệ sản xuất hoa chất lượng cao trong nhà lưới và công nghệ sản xuất hoa, áp dụng tiến bộ kỹ thuật tại xã Mường Nhé.

- Chăn nuôi: Áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ mới vào chăn nuôi nhằm nâng cao sản lượng và chất lượng sản phẩm, phát triển các giống vật nuôi có năng suất cao, phẩm chất tốt đặc biệt là thích nghi với điều kiện khí hậu, thời tiết của địa phương để đẩy nhanh tốc độ phát triển đàn gia súc, gia cầm. Chú trọng cải tạo đàn lợn hướng lạc, gà vịt đẻ trứng nhằm nâng cao hiệu quả của ngành chăn nuôi. Phát triển đàn Lợn, Dê, Trâu, Bò theo hướng sản xuất hàng hóa góp phần

tạo sự bứt phá cao hơn về giá trị ngành chăn nuôi, do đây là đàn gia súc có số lượng và cung cấp sản lượng thịt hơi xuất chuồng.

+ *Phát triển chăn nuôi gia cầm theo hướng cung cấp thịt và trứng*: Phân đầu đến năm 2020: Tổng đàn gia cầm của huyện đạt 150.000 con. Sản lượng thịt xuất chuồng khoảng 670 tấn, sản lượng trứng khoảng 1,2 triệu quả trứng, do vậy diện tích đất để xây dựng chuồng chăn nuôi tăng lên theo quy hoạch 10 ha.

+ *Phát triển chăn nuôi lợn*: Phân đầu đến năm 2020 tổng đàn lợn trên địa bàn huyện có 10.000 con. Sản lượng thịt xuất chuồng khoảng 750 tấn, do vậy diện tích đất để xây dựng chuồng chăn nuôi khoảng 15 ha.

+ *Phát triển chăn Trâu*: Phân đầu đến năm 2020 tổng đàn Trâu trên địa bàn huyện có 10.200 con. Sản lượng thịt xuất chuồng khoảng 250 tấn, do vậy diện tích đất để trồng cỏ phục vụ chăn nuôi khoảng 15 ha.

+ *Phát triển chăn Bò*: Phân đầu đến năm 2020 tổng đàn Bò trên địa bàn huyện có 7.200 con. Sản lượng thịt xuất chuồng khoảng 200 tấn, do vậy diện tích đất để trồng cỏ phục vụ chăn nuôi khoảng 12 ha.

+ *Phát triển chăn Dê, Ngựa*: Phân đầu đến năm 2020 tổng đàn Dê, Ngựa trên địa bàn thành phố có 8.200 con. Sản lượng thịt xuất chuồng khoảng 230 tấn, do vậy diện tích đất để trồng cỏ phục vụ chăn nuôi khoảng 11 ha.

- Ngành lâm nghiệp: Trong giai đoạn quy hoạch trước tiên bảo vệ nghiêm ngặt diện tích rừng đặc dụng 44.993,44 ha trên địa bàn. Đồng thời tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình trồng, khoanh nuôi, bảo vệ rừng và chăm sóc rừng. Chuyển một phần diện tích rừng phòng hộ không xung yếu tại sang đất rừng sản xuất để tăng giá trị kinh tế từ rừng. Đưa các loại cây lâm nghiệp có khả năng sinh trưởng và phát triển nhanh, có giá trị, dễ tiêu thụ như cây keo, trám, bạch đàn, xoan...vào trồng rừng kinh tế phù hợp với điều kiện từng xã theo quy hoạch 3 loại rừng được phê duyệt.

#### 2.1.2.2. Khu vực kinh tế công nghiệp - xây dựng

- Trong những năm tới để phát triển ngành công nghiệp và thủ công nghiệp trên địa bàn huyện theo điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 cấp tỉnh phân bổ 10 ha và quy hoạch đến năm 2020 của huyện đã đề ra là rất khó khăn, do đặc thù về địa hình của huyện cùng với hệ thống giao thông còn gặp nhiều khó khăn, kinh tế cửa khẩu chưa phát triển nên khó có thể thu hút các nhà đầu tư, các thành phần kinh tế đầu tư để thành lập cụm công nghiệp. Bên cạnh đó một số nhà đầu tư vẫn có nhu cầu xin thuê đất để mở xưởng sản xuất, chế biến trên địa bàn và các cơ sở thủ công nghiệp, cơ sở sửa chữa, cơ khí phát triển cung cấp các sản phẩm thiết yếu phục vụ nhu cầu của nhân dân, xã hội.

- Ngành xây dựng: Tập trung nguồn lực để tạo bước đột phá về xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị theo hướng đồng bộ và hiện đại, đảm bảo các thiết chế văn hoá,

cảnh quan, môi trường trở thành đô thị loại IV. Đẩy mạnh công tác xã hội hoá chỉnh trang nâng cấp đô thị, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư xây dựng, hoàn chỉnh các khu chức năng, hệ thống đường nội thị. Triển khai xây dựng các công trình thuộc các nguồn vốn đảm bảo theo đúng kế hoạch như các công trình kiến trúc khu trung tâm hành chính huyện. Đồng thời triển khai xây dựng các khu trung tâm của 10 xã theo quy hoạch nông thôn mới. Đẩy mạnh xã hội hóa nguồn lực thông qua hình thức "Nhân dân làm Nhà nước hỗ trợ" đối với các công trình phúc lợi xã hội. Hoàn thiện đồng bộ cơ sở vật chất, trang thiết bị trụ sở làm việc của các xã, nhà văn hóa xã, nhà văn hóa của các thôn bản, tổ dân phố ... Đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án bồi thường giải phóng mặt bằng phục vụ cho các dự án ổn định, sắp xếp dân cư theo đề án 79 trên địa bàn, đảm bảo việc làm, đời sống cho bộ phận nhân dân thuộc diện thu hồi đất sản xuất nông nghiệp cũng như những hộ dân được bố trí sắp xếp nơi ở và đất sản xuất theo quy hoạch.

### 2.1.2.3. Khu vực kinh tế thương mại - dịch vụ

- Mạng lưới chợ: Hệ thống chợ trên địa bàn huyện còn rất hạn chế, toàn huyện mới có 02 chợ được đầu tư xây dựng là chợ xã Mường Toong và chợ trung tâm huyện thuộc xã Mường Nhé.

- Đất thương mại dịch vụ được xác định là diện tích đất để xây dựng hệ thống công trình phục vụ cho hoạt động thương mại, dịch vụ, trên địa bàn khu trung tâm huyện hiện nay đã hình thành một số dịch vụ về Nhà nghỉ, Nhà hàng và một số cửa hàng tiện lợi. Bên cạnh đó một số doanh nghiệp đã hình thành các cửa hàng kinh doanh vật tư, thiết bị phục vụ đời sống sinh hoạt và sản xuất của nhân dân như: Vật tư thiết bị điện nước; Văn phòng phẩm; Kim khí; Máy nông nghiệp; Cửa hàng điện máy; Điện dân dụng .....

### 2.1.2. Chỉ tiêu dân số, văn hoá xã hội, lao động, việc làm

- Duy trì tỷ lệ tăng dân số tự nhiên trong giai đoạn điều chỉnh quy hoạch ở mức 1,00%.

- Tỷ lệ hộ nghèo đến năm 2020 giảm xuống dưới 20% theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều, hàng năm giảm 5-6% hộ nghèo/năm.

- Mỗi năm tạo việc làm mới cho 800 lao động trở lên. Tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt từ 45%. Hàng năm xuất khẩu lao động 100 người. Hoàn thành sắp xếp ổn định dân cư theo Đề án 79.

- Đến năm 2020 phấn đấu: Giảm tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng  $\leq$  24%; Trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm đủ các loại vắc xin đạt 95%; Phấn đấu đạt 9,62 bác sỹ/1 vạn dân; Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 99%.

- Thực hiện Kế hoạch xây dựng trường chuẩn quốc gia, phấn đấu đến năm 2020 có 16 trường. Xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị hệ thống trường mầm non cơ bản đáp ứng yêu cầu huy động trẻ 1-5 tuổi đến trường đạt 99,5%; Trẻ từ 6-10

*Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Mường Nhé - tỉnh Điện Biên*  
 tuổi đến trường là 99,5%; Trẻ từ 11-14 tuổi đến trường là 91%; Trẻ từ 15-18 tuổi đến trường là 75%; Toàn huyện có 16 trường đạt chuẩn quốc gia.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" để nâng cao chất lượng các gia đình, tổ xóm, cơ quan đơn vị đạt tiêu chuẩn văn hóa. Xây dựng các thiết chế văn hóa ở cơ sở, quan tâm giành quỹ đất để xây dựng nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng. Đến năm 2020, số thôn bản, tổ dân phố đạt văn hóa là 53%; Gia đình văn hóa là 60%; Cơ quan văn hóa 90%;

## 2.2. Cân đối, phân bổ diện tích các loại đất cho các mục đích sử dụng

### 2.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất

Căn cứ chỉ tiêu phân khai của Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất tỉnh Điện Biên đến năm 2020. UBND huyện Mường Nhé xác định chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất của huyện được thể hiện qua bảng sau:

**Bảng 04: Hệ thống chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh phân bổ và chỉ tiêu sử dụng đất huyện xác định đến năm 2020**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	DT cấp tỉnh phân bổ	DT cấp huyện xác định, xác định bổ sung	DT ĐCQH theo hành chính cấp xã
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(6)-(4)	(6)
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>150.877,28</b>	<b>163,53</b>	<b>151.040,81</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	15.468,89	-939,09	14.529,80
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>420,00</i>	<i>64,23</i>	<i>484,23</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.114,45	797,65	1.912,10
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	8.390,39	304,28	8.694,67
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	42.065,27	0,00	42.065,27
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	44.993,00	0,44	44.993,44
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	38.739,03	0,00	38.739,03
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	106,25	0,26	106,51
1.8	Đất làm muối	LMU			
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH			
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>3.717,00</b>	<b>-202,17</b>	<b>3.514,83</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	118,71	-24,46	94,25
2.2	Đất an ninh	CAN	11,54	0,00	11,54
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK			
2.4	Đất khu chế xuất	SKT			
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	10,00	-10,00	
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	8,53	1,45	9,98
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	17,16	-6,59	10,57
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS		1,82	1,82
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.423,08	200,91	1.623,99
	Trong đó:				



*Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Mường Nhé - tỉnh Điện Biên*

-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	24,45	-6,5	17,95
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	10,52	-3,29	7,23
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	56,07	2,04	58,11
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	8,00	-2,56	5,44
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT			
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL			
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	12,85	-7,63	5,22
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.051,11	-271,12	779,99
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	35,00	-10,35	24,65
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	18,83	-2,66	16,17
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức SN	DTS			
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG			
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON			
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	29,67	0,00	29,67
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng	SKX		41,63	41,63
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH		8,41	8,41
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV		4,06	4,06
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN			
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON		851,79	851,79
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC		1,08	1,08
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK			
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>2.304,23</b>	<b>48,49</b>	<b>2.352,72</b>
<b>4</b>	<b>Đất khu công nghệ cao*</b>	<b>KCN</b>			
<b>5</b>	<b>Đất khu kinh tế*</b>	<b>KKT</b>			
<b>6</b>	<b>Đất đô thị*</b>	<b>KDT</b>	<b>3.461,00</b>	<b>-2.973,70</b>	<b>487,30</b>

*Ghi chú: \* Không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên*

#### 2.2.1.1. Đất nông nghiệp

Theo số liệu phân bổ của cấp tỉnh trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) cấp tỉnh, diện tích đất nông nghiệp của huyện được phân bổ là 150.877,28 ha, thấp hơn 163,53 ha, so với điều chỉnh quy hoạch huyện Mường Nhé xác định là 151.040,81 ha. Trong đó:

- Đất trồng lúa: Thực hiện chủ trương bảo vệ diện tích đất trồng lúa nhằm đảm bảo an ninh lương thực trên địa bàn, diện tích đất trồng lúa đến năm 2020 trong kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất được cấp tỉnh phân bổ là 15.468,89 ha, phân bổ cao hơn 939,09 ha, so với chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện xác định là 14.529,80 ha. (Trong đó: diện tích đất chuyên trồng lúa nước điều chỉnh cấp tỉnh phân bổ là 420 ha, phân bổ thấp hơn 64,23 ha, so với chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất huyện xác định là 484,23 ha).

- Đất trồng cây hàng năm khác: Điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 cấp tỉnh phân bổ là 1.114,45 ha, phân bổ thấp hơn 797,65 ha, so với chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện xác định là 1.912,10 ha.

- Đất trồng cây lâu năm: Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 cấp tỉnh phân bổ là 8.390,39 ha, phân bổ thấp hơn 304,28 ha, so với chỉ tiêu điều chỉnh sử dụng đất đến năm 2020 huyện xác định là 8.694,67 ha.

- Đất rừng phòng hộ: Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 cấp tỉnh phân bổ là 42.065,27 ha, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện xác định là 42.065,27 ha, bằng với cấp tỉnh phân bổ. Đất rừng phòng hộ trong điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020, được UBND huyện Mường Nhé thực hiện theo quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Điện Biên, đã được phê duyệt tại Quyết định số 1208/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2018.

- Đất rừng đặc dụng: Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 cấp tỉnh phân bổ là 44.993,44 ha, rừng đặc dụng được bảo vệ nghiêm ngặt, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện xác định là 44.993,44 ha.

- Đất rừng sản xuất: Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 cấp tỉnh phân bổ là 38.739,03 ha, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện xác định là 38.739,03 ha bằng với cấp tỉnh phân bổ. Đất rừng sản xuất trong điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020, được UBND huyện Mường Nhé thực hiện theo quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Điện Biên, đã được phê duyệt tại Quyết định số 1208/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2018.

- Đất nuôi trồng thủy sản: Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 cấp tỉnh phân bổ là 106,25 ha, phân bổ thấp hơn 0,26 ha, so với chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện xác định là 106,51 ha.

#### 2.2.1.2. Đất phi nông nghiệp

Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 cấp tỉnh phân bổ đất phi nông nghiệp là 3.717,00 ha, phân bổ cao hơn 202,17 ha, so với chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện xác định là 3.514,83 ha. Cụ thể một số loại đất sau:

- Đất quốc phòng: Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 cấp tỉnh phân bổ là 118,71 ha, phân bổ cao hơn 24,46 ha, so với chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện xác định là 94,25 ha, UBND huyện Mường Nhé, phối hợp với Ban chỉ huy quân sự huyện xác định diện tích đất khu vực phòng thủ và khu vực chiến đấu chỉ sử dụng khi có chiến sự xảy ra nên không đưa vào quy hoạch đất quốc phòng, mà chỉ khoanh định theo hiện trạng sử dụng đất các khu vực để nhân dân sử dụng trong sản xuất nông nghiệp.

- Đất an ninh: Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 cấp tỉnh phân bổ là 11,54 ha, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện xác định là 11,54 ha, để đảm bảo công tác xây dựng trụ sở công an các xã, thao trường huấn luyện cũng như trụ sở làm việc của Công an trên địa bàn.

- Đất khu công nghiệp: Không có.

- Đất khu chế xuất: Không có.

- Đất cụm công nghiệp: Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 cấp tỉnh phân bổ là 10 ha, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện xác định là không có.

- Đất thương mại, dịch vụ: Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 cấp tỉnh phân bổ là 8,53 ha, phân bổ thấp hơn 1,45 ha, so với chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện xác định là 9,98 ha. Trong điều chỉnh quy hoạch UBND huyện xác định quy hoạch đất thương mại dịch vụ theo Quy hoạch chi tiết khu trung tâm huyện và quy hoạch khu vực cửa khẩu A Pa Chải nhằm kêu gọi đầu tư của các doanh nghiệp.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 cấp tỉnh phân bổ là 17,16 ha, phân bổ cao hơn 6,59 ha, so với chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện xác định là 10,57 ha. Thực hiện công tác quản lý Nhà nước về phát triển các cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, UBND huyện xác định quy hoạch đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp theo Quy hoạch chi tiết khu trung tâm huyện và quy hoạch khu vực cửa khẩu A Pa Chải, cũng như trên địa bàn 11 xã, nhằm kêu gọi đầu tư của các doanh nghiệp, nhà đầu tư.

- Đất sử dụng cho mục đích khoáng sản: Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 cấp tỉnh không phân bổ, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện xác định là 1,82 ha. Đây là mỏ đồng thuộc xã Nậm Kè có tiềm năng lớn để đưa vào khai thác.

- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 cấp tỉnh phân bổ là 1.423,08 ha, phân bổ thấp hơn 200,91 ha, so với chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện xác định là 1.623,99 ha. Trong đó:

+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 cấp tỉnh phân bổ là 24,45 ha (đây là chỉ tiêu cộng gộp gồm: Đất xây dựng cơ sở văn hoá + Đất sinh hoạt cộng đồng + Đất khu vui chơi, giải trí công cộng), so với điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện xác định đất xây dựng cơ sở văn hóa là 17,95 ha, thấp hơn phân bổ là 6,50 ha.

+ Đất xây dựng cơ sở y tế diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 cấp tỉnh phân bổ là 10,52 ha, phân bổ cao hơn 3,29 ha, so với điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện xác định là 7,23 ha.

+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 cấp tỉnh phân bổ là 56,07 ha, phân bổ thấp hơn 2,04 ha, so với điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện xác định là 58,11 ha.

*Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Mường Nhé - tỉnh Điện Biên*  
+ Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 cấp tỉnh phân bổ là 8,00 ha, phân bổ cao hơn 2,56 ha, so với điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện xác định là 5,44 ha.

- Đất bãi thải, xử lý chất thải: Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 cấp tỉnh phân bổ là 12,85 ha, phân bổ cao hơn 7,63 ha, so với chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện xác định là 5,22 ha.

- Đất ở tại nông thôn: Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 cấp tỉnh phân bổ là 1.051,11 ha, phân bổ cao hơn 271,12 ha, so với chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện xác định là 779,99 ha.

- Đất ở tại đô thị: Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 cấp tỉnh phân bổ là 35 ha, phân bổ cao hơn 10,35 ha, so với chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện xác định là 24,65 ha (*điều chỉnh quy hoạch cấp huyện đất ở tại đô thị trong quy hoạch chi tiết khu vực nội thị của huyện đã được phê duyệt*).

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 cấp tỉnh phân bổ là 18,83 ha, phân bổ cao hơn 2,66 ha, so với chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện xác định là 16,17 ha.

- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 cấp tỉnh phân bổ là 29,67 ha, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện xác định là 29,67 ha (*trong những năm tới huyện xác định những xã nào có nhu cầu thực sự thì quy hoạch nghĩa trang nhân dân, trên địa bàn theo phong tục của đồng bào hiện tại chưa có nhu cầu nên không đưa vào quy hoạch tránh quy hoạch treo*).

- Những chỉ tiêu đất không được điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh Điện Biên phân bổ gồm:

+ Đất sản xuất vật liệu xây dựng điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện xác định đến năm 2020 là 41,63 ha.

+ Đất sinh hoạt cộng đồng điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện xác định đến năm 2020 là 8,41 ha.

+ Đất khu vui chơi, giải trí công cộng điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện xác định đến năm 2020 là 4,06 ha.

+ Đất cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện xác định đến năm 2020 là không có.

+ Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện xác định đến năm 2020 là 851,79 ha.

+ Đất có mặt nước chuyên dùng chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện xác định đến năm 2020 là 1,08 ha.

#### 2.2.1.3. Đất chưa sử dụng

Theo số liệu phân bổ của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đến năm 2020 là 2.304,23 ha, phân bổ thấp hơn 48,49 ha, so với chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện xác định là 2.352,72 ha.

#### 2.2.1.4. Đất đô thị

Diện tích đất đô thị: Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 cấp tỉnh phân bổ là 3.461,00 ha, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện xác định đất đô thị trên địa bàn huyện là 487,30 ha, thấp hơn là 2.973,70 ha. Trong điều chỉnh quy hoạch huyện xác định đất đô thị là diện tích đang được lập điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng đô thị Mường Nhé, huyện Mường Nhé, đang được khảo sát và lập đề cương dự án.

#### 2.2.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

Xác định nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực trên địa bàn huyện Mường Nhé, phải bám sát vào các kết quả điều tra, khảo sát thực tế về khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng đất cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện đến năm 2020;

Căn cứ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất tỉnh Điện Biên đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020);

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Mường Nhé được xác định theo từng công trình, dự án theo các: Quy hoạch sắp xếp, ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh được UBND tỉnh Điện Biên phê duyệt; Quy hoạch 3 loại rừng; Quy hoạch giao thông tỉnh Điện Biên ...; Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 của tỉnh, của huyện và Các dự án trồng cây Cao Su, Mắc Ca, trồng Chè, Cà phê, các dự án phúc lợi xã hội thực hiện trên địa bàn.

##### 2.2.2.1. Nhu cầu sử dụng đất cho ngành nông nghiệp:

Về thực trạng diện tích nông nghiệp ngày một giảm do quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa cũng như quá trình xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật - Hạ tầng xã hội phục vụ đời sống sinh hoạt và sản xuất của nhân dân. Trong những năm tới sản xuất nông, lâm nghiệp vẫn đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện Mường Nhé đặc biệt là trong nhiệm vụ an ninh lương thực, thực phẩm tại chỗ, xoá đói giảm nghèo. Do vậy nông nghiệp phải chuyển đổi theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp sạch, hài hoà và bền vững với môi trường. Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất, nhất là

công nghệ sinh học, thực hiện sản xuất nông nghiệp theo quy trình VIETGAP, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, năng lực cạnh tranh gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm. Trong đó diện tích đất nông nghiệp đến năm 2020 như sau:

- Diện tích đất trồng lúa là 14.529 ha (đất chuyên trồng lúa nước là 484 ha).

- Diện tích đất trồng cây hàng năm là 1.912 ha (diện tích đất này được sử dụng trồng nhiều loại cây trồng như: ngô, đậu tương, sắn, thuốc lá ... và các loại rau, củ quả phục vụ sản phẩm nông sản hàng ngày của nhân dân và một phần trở thành hàng hóa nông sản cung cấp trên thị trường huyện cũng như trên địa bàn tỉnh).

- Diện tích đất trồng cây lâu năm là 8.694 ha (diện tích đất này được sử dụng trồng nhiều loại cây trồng như: Cao Su, Mắc Ca, trồng Chè, Cà phê và các loại cây ăn quả vải, nhãn, soài .... đây là cây trồng có khả năng phát triển thành nông sản hàng hóa).

- Diện tích đất lâm nghiệp đến năm 2020 là 125.797 ha trong đó: có 42.065 ha là diện tích đất rừng phòng hộ; 44.993,44 ha đất rừng đặc dụng và 38.739 ha là đất rừng sản xuất, đây là diện tích rừng để phát triển kinh tế lâm nghiệp và gắn phát triển dịch vụ, du lịch.

- Diện tích đất nuôi trồng thủy sản là 106 ha. Diện tích nuôi trồng thủy sản nhỏ và manh mún trên toàn huyện nhưng được khai thác và phát triển khá hiệu quả trong phát triển kinh tế nông nghiệp hộ gia đình, đồng thời trong những năm tới tận dụng những diện tích trống có thể kết hợp vừa trồng lúa vừa nuôi cá để phát triển nuôi trồng thủy sản.

#### 2.2.2.2. Nhu cầu sử dụng đất cho ngành công nghiệp:

Công nghiệp không phải là thế mạnh và tiềm năng phát triển trong những năm tới của huyện Mường Nhé cũng như của tỉnh Điện Biên nói chung. Ngành công nghiệp được phân theo:

- Công nghiệp xây dựng đây là lĩnh vực không được thống kê riêng thành chỉ tiêu loại đất nhưng mang ý nghĩa quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh: Huyện Mường Nhé đang trong quá trình phát triển, có nguồn lao động dồi dào có thể cung ứng cho lĩnh vực xây dựng. Thúc đẩy các lĩnh vực công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng phát triển như sản xuất gạch, ngói không nung ... khai thác khoáng sản như cát, sỏi, đá phục vụ cho xây dựng cơ sở hạ tầng, đến năm 2020 đất sản xuất vật liệu xây dựng là 41,63 ha.

- Diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp đến năm 2020 là 10,57 ha. Đây là diện tích đất để phát triển các cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

- Diện tích đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản đến năm 2020 là 1,82 ha. Đây là diện tích đất để sử dụng cho khai thác mỏ đồng xã Nậm Kè.

### 2.2.2.3. Nhu cầu sử dụng đất cho ngành thương mại, dịch vụ:

Thương mại, dịch vụ và du lịch là lĩnh vực không những đóng góp tích cực vào quá trình tăng trưởng kinh tế mà còn góp phần giải quyết một khối lượng lớn việc làm cho người dân, cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân, tăng tích lũy cho ngân sách của huyện. Phát triển thương mại - dịch vụ - du lịch là đòn bẩy để phát triển sản xuất, là cầu nối giữa sản xuất và tiêu dùng, trong đó:

- Diện tích đất thương mại, dịch vụ đến năm 2020 là 9,98 ha. Đây là diện tích đất để phát triển hệ thống các cửa hàng, trung tâm thương mại huyện, dịch vụ, các siêu thị gia đình và hệ thống khách sạn, nhà nghỉ phục vụ du khách đến huyện, cũng như các dịch vụ văn phòng, cửa hàng kết hợp với nhà ở của nhân dân ...

- Diện tích đất chợ đến năm 2020 là 6,44 ha. Đây là diện tích để phát triển hệ thống chợ trên địa bàn huyện gồm có chợ Mường Nhé; chợ cửa khẩu A Pa Chải; chợ Mường Toong. Trong tổng thể các loại hình thương mại như cửa hàng, kiốt, cửa hàng tự chọn ....

### **2.2.3. Tổng hợp, cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất**

Căn cứ vào thực trạng phát triển kinh tế - xã hội của huyện Mường Nhé trong những năm vừa qua và khả năng đầu tư thực hiện các công trình, dự án theo quy hoạch chung xây dựng thị trấn, các quy hoạch nông thôn mới của 11 xã đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, căn cứ vào quy hoạch của các ngành, lĩnh vực và Dự án sắp xếp, ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội đảm bảo quốc phòng - an ninh trên địa bàn huyện Mường Nhé. Trên cơ sở đối soát các quy hoạch đã được phê duyệt với kế hoạch đầu tư công trung hạn của tỉnh Điện Biên với đầu tư công trung hạn của huyện Mường Nhé và nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức cá nhân UBND huyện Mường Nhé xây dựng phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và xác định chỉ tiêu sử dụng đất cho các ngành, các lĩnh vực như sau:

#### 2.2.3.1. Đất nông nghiệp

Đất nông nghiệp đến năm 2020 là 151.040,81 ha, xác định bổ sung cao hơn là 163,53 ha so với chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ 150.877,28 ha. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với năm 2015 là 127.491,60 ha. Diện tích giảm 928,93 ha do chuyển sang:

- |                       |              |
|-----------------------|--------------|
| - Đất ở tại nông thôn | : 118,89 ha, |
| - Đất ở tại đô thị    | : 9,65 ha,   |
| - Đất trụ sở cơ quan  | : 4,89 ha,   |
| - Đất quốc phòng      | : 42,39 ha,  |

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Mường Nhé - tỉnh Điện Biên

- Đất an ninh	: 4,93 ha,
- Đất xây dựng cơ sở văn hóa	: 1,63 ha,
- Đất xây dựng cơ sở y tế	: 2,24 ha,
- Đất xây dựng cơ sở giáo dục	: 10,41 ha,
- Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	: 4,13 ha,
- Đất thương mại, dịch vụ	: 1,73 ha,
- Đất cho hoạt động khai thác khoáng sản	: 1,82 ha,
- Đất giao thông	: 446,71 ha,
- Đất thủy lợi	: 124,40 ha,
- Đất sinh hoạt cộng đồng	: 8,11 ha,
- Đất khu vui chơi giải trí công cộng	: 3,58 ha,
- Đất công trình năng lượng	: 131,22 ha,
- Đất chợ	: 0,50 ha,
- Đất nghĩa trang, nghĩa địa	: 11,70 ha.

Đồng thời trong kỳ điều chỉnh quy hoạch đất nông nghiệp cũng tăng 23.549,21 ha. được lấy từ đất chưa sử dụng để đưa vào sản xuất nông nghiệp. Như vậy trong kỳ điều chỉnh diện tích đất nông nghiệp đến năm 2020 là 151.040,81 ha, thực tăng là 22.620,28 ha, so với năm 2015. Diện tích đất nông nghiệp phân bố ở: xã Mường Nhé 21.010,53 ha; xã Chung Chải 20.544,80 ha; Huổi Lếch 11.423,05 ha; Leng Su Sin 17.318,55 ha; Mường Toong 10.713,95 ha; Nậm Kè 14.578,25 ha; Nậm Vì 5.946,43 ha; Pá Mỳ 6.791,30 ha; Quảng Lâm 10.131,23 ha; xã Sen Thượng 16.890,31 ha và xã Sín Thầu 15.692,41 ha.

Biến động các loại đất trong đất nông nghiệp trong kỳ điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 như sau:

\* Đất trồng lúa đến năm 2020 là 14.529,80 ha, so với chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ 15.468,89 ha, thấp hơn là 939,09 ha. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với năm 2015 là 13.878,82 ha.

Diện tích đất trồng lúa giảm do chuyển sang:

- Đất rừng sản xuất	: 494,00 ha,
- Đất nuôi trồng thủy sản	: 2,00 ha,
- Đất ở tại nông thôn	: 28,40 ha,
- Đất trụ sở cơ quan	: 1,36 ha,
- Đất quốc phòng	: 8,64 ha,



- Đất xây dựng cơ sở y tế	: 0,15 ha,
- Đất xây dựng cơ sở giáo dục	: 2,84 ha,
- Đất cho hoạt động khai thác khoáng sản	: 1,82 ha,
- Đất giao thông	: 48,03 ha,
- Đất thủy lợi	: 15,94 ha,
- Đất sinh hoạt cộng đồng	: 0,90 ha,
- Đất công trình năng lượng	: 3,70 ha.

Đồng thời diện tích đất lúa cũng tăng 138,00 ha do lấy từ đất trồng cây hàng năm khác. Như vậy trong kỳ điều chỉnh diện tích đất trồng lúa thực giảm 471,78 ha. Đến năm 2020 diện tích đất trồng lúa là 14.529,80 ha. Diện tích đất trồng lúa phân bố ở: xã Mường Nhé 1.739,85 ha; xã Chung Chải 1.796,55 ha; Huổi Lếch 1.298,79 ha; Leng Su Sìn 1.241,12 ha; Mường Toong 2.154,96 ha; Nậm Kè 1.705,69 ha; Nậm Vì 1.942,89 ha; Pá Mỳ 1.654,02 ha; Quảng Lâm 670,35 ha; xã Sen Thượng 169,08 ha và xã Sín Thầu 156,50 ha.

\* Đất trồng cây hàng năm khác đến năm 2020 là 1.912,10 ha, xác định so với chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ 1.114,45 ha, cao hơn là 797,65 ha. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với năm 2015 là 1.912,10 ha.

Diện tích giảm 19.621,18 ha do chuyển sang:

- Đất trồng lúa	: 138,00 ha,
- Đất trồng cây lâu năm	: 4.415,00 ha,
- Đất rừng sản xuất	: 11.040,93 ha,
- Đất rừng phòng hộ	: 3.628,40 ha,
- Đất nuôi trồng thủy sản	: 1,00 ha,
- Đất ở tại nông thôn	: 74,34 ha,
- Đất ở tại đô thị	: 8,65 ha,
- Đất trụ sở cơ quan	: 2,11 ha,
- Đất quốc phòng	: 5,61 ha,
- Đất an ninh	: 4,79 ha,
- Đất xây dựng cơ sở văn hóa	: 0,25 ha,
- Đất xây dựng cơ sở y tế	: 0,79 ha,
- Đất xây dựng cơ sở giáo dục	: 6,35 ha,
- Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	: 3,77 ha,
- Đất thương mại, dịch vụ	: 1,73 ha,

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Mường Nhé - tỉnh Điện Biên

- Đất giao thông	:	166,70 ha,
- Đất thủy lợi	:	36,50 ha,
- Đất sinh hoạt cộng đồng	:	5,03 ha,
- Đất khu vui chơi giải trí công cộng	:	2,89 ha,
- Đất công trình năng lượng	:	68,84 ha,
- Đất chợ	:	0,50 ha,
- Đất nghĩa trang, nghĩa địa	:	9,00 ha.

Như vậy trong kỳ điều chỉnh diện tích đất trồng cây hàng năm khác đến năm 2020 là 1.912,10 ha. Diện tích đất trồng cây hàng năm khác phân bố ở: xã Mường Nhé 27,83 ha; xã Chung Chải 116,66 ha; Huổi Léch 183,21 ha; Leng Su Sìn 245,83 ha; Mường Toong 100,03 ha; Nậm Kè 221,38 ha; Nậm Vì 139,01 ha; Pá Mỳ 583,85 ha; Quảng Lâm 152,82 ha; xã Sen Thượng 28,01 ha và xã Sín Thầu 113,47 ha.

\* Đất trồng cây lâu năm đến năm 2020 là 8.694,67 ha, xác định bổ sung so với chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ 8.390,39 ha, cao hơn là 304,28 ha. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với năm 2015 là 3.249,67 ha.

Diện tích giảm 2.204,49 ha do chuyển sang:

- Đất rừng sản xuất	:	1.623,00 ha,
- Đất rừng phòng hộ	:	519,00 ha,
- Đất ở tại nông thôn	:	14,35 ha,
- Đất ở tại đô thị	:	1,00 ha,
- Đất trụ sở cơ quan	:	0,47 ha,
- Đất xây dựng cơ sở văn hóa	:	1,08 ha
- Đất xây dựng cơ sở giáo dục	:	0,40 ha,
- Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	:	0,36 ha,
- Đất giao thông	:	22,13 ha,
- Đất thủy lợi	:	10,05 ha,
- Đất sinh hoạt cộng đồng	:	1,78 ha,
- Đất công trình năng lượng	:	8,67 ha.

Đồng thời trong kỳ điều chỉnh đất trồng cây lâu năm cũng tăng 5345,00 ha, được lấy từ:

- Đất trồng cây hàng năm khác	:	4.415,00 ha,
- Đất rừng sản xuất	:	100,00 ha,

- Đất chưa sử dụng : 930,00 ha.

Như vậy trong kỳ điều chỉnh diện tích đất trồng cây lâu năm đến năm 2020 là 8.694,67 ha, thực tăng 3.240,51 ha so với năm 2015. Diện tích đất trồng cây lâu năm phân bố ở: xã Mường Nhé 3.210,90 ha; xã Chung Chải 1.711,21 ha; Huổi Léch 5,22 ha; Leng Su Sìn 1.005,78 ha; Mường Toong 580,24 ha; Nậm Kè 234,51 ha; Nậm Vi 761,40 ha; Pá Mỳ 8,97 ha; Quảng Lâm 0,43 ha; xã Sen Thượng 498,12 ha và xã Sín Thầu 677,88 ha.

\* Đất rừng phòng hộ đến năm 2020 là 42.065,27 ha, xác định bằng với chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ 42.065,27 ha. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với năm 2015 là 26.856,33 ha.

Diện tích giảm 1.020,66 ha do chuyển sang:

- Đất rừng sản xuất : 968,00 ha,
- Đất trụ sở cơ quan : 0,90 ha,
- Đất quốc phòng : 16,70 ha,
- Đất giao thông : 34,56 ha,
- Đất công trình năng lượng : 0,50 ha.

Đồng thời trong kỳ điều chỉnh đất rừng phòng hộ cũng tăng 12.845,54 ha, được lấy từ:

- Đất trồng cây hàng năm khác : 3.628,40 ha,
- Đất trồng cây lâu năm : 519,00 ha,
- Đất rừng sản xuất : 100,00 ha,
- Đất chưa sử dụng : 10.961,54 ha.

Như vậy trong kỳ điều chỉnh diện tích đất rừng phòng hộ đến năm 2020 là 42.065,27 ha, thực tăng 14.188,28 ha so với năm 2015. Diện tích đất rừng phòng hộ phân bố ở: xã Mường Nhé 2.241,54 ha; xã Chung Chải 4.279,07 ha; Huổi Léch 7.612,94 ha; Leng Su Sìn 1.599,55 ha; Mường Toong 3.099,17 ha; Nậm Kè 2.278,34 ha; Nậm Vi 571,47 ha; Pá Mỳ 643,62 ha; Quảng Lâm 3.027,01 ha; xã Sen Thượng 13.887,25 ha và xã Sín Thầu 2.825,29 ha.

\* Đất rừng đặc dụng đến năm 2020 là 44.993,44 ha, xác định so với chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ 44.993,44 ha. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với năm 2015 là 44.993,44 ha. Đất rừng đặc dụng trong kỳ điều chỉnh không biến động. Diện tích đất rừng đặc dụng phân bố ở: xã Mường Nhé 9.996,53 ha; xã Chung Chải 9.032,37 ha; Leng Su Sìn 11.651,61 ha; Nậm Kè 6.506,81 ha; và xã Sín Thầu 7.806,11 ha.

\* Đất rừng sản xuất đến năm 2020 là 38.739,03 ha, xác định bằng với chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ 38.739,03 ha. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với năm 2015 là 12.955,43 ha.

Diện tích giảm 503,18 ha do chuyển sang:

- Đất trồng cây lâu năm	: 100,00 ha,
- Đất rừng phòng hộ	: 100,00 ha,
- Đất ở tại nông thôn	: 1,80 ha,
- Đất quốc phòng	: 11,40 ha,
- Đất an ninh	: 0,14 ha,
- Đất xây dựng cơ sở văn hóa	: 0,30 ha,
- Đất xây dựng cơ sở y tế	: 1,30 ha,
- Đất xây dựng cơ sở giáo dục	: 0,82 ha,
- Đất giao thông	: 175,01 ha,
- Đất thủy lợi	: 61,91 ha,
- Đất sinh hoạt cộng đồng	: 0,40 ha,
- Đất công trình năng lượng	: 49,51 ha,
- Đất nghĩa trang, nghĩa địa	: 0,50 ha.

Đồng thời trong kỳ điều chỉnh đất rừng sản xuất cũng tăng 25.783,60 ha, được lấy từ:

- Đất trồng lúa nương	: 494,00 ha
- Đất trồng cây hàng năm khác	: 11.040,93 ha,
- Đất trồng cây lâu năm	: 1.623,00 ha,
- Đất rừng phòng hộ	: 968,00 ha,
- Đất chưa sử dụng	: 11.657,67 ha.

Như vậy trong kỳ điều chỉnh diện tích đất rừng sản xuất đến năm 2020 là 33.902,80 ha, thực tăng 20.401,19 ha so với năm 2015. Diện tích đất rừng sản xuất phân bổ ở: xã Mường Nhé 3.743,15 ha; xã Chung Chải 3.601,64 ha; Huổi Léch 2.321,82 ha; Leng Su Sìn 1.573,79 ha; Mường Toong 4.752,96 ha; Nậm Kè 3.626,97 ha; Nậm Vi 2.522,85 ha; Pá Mỳ 3.900,44 ha; Quảng Lâm 6.278,66 ha; xã Sen Thượng 2.306,43 ha và xã Sín Thầu 4.110,32 ha.

\* Đất nuôi trồng thủy sản đến năm 2020 là 106,51 ha, xác định bổ sung so với chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ 106,25 ha, cao hơn là 0,26 ha. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với năm 2015 là 103,51 ha.

Diện tích giảm 0,97 ha do chuyển sang:

- Đất trụ sở cơ quan : 0,05 ha,
- Đất quốc phòng : 0,04 ha,
- Đất giao thông : 0,19 ha,
- Đất khu vui chơi giải trí công cộng : 0,69 ha.

Đồng thời trong kỳ điều chỉnh đất nuôi trồng thủy sản cũng tăng 3,00 ha, được lấy từ:

- Đất trồng lúa (đất chuyên trồng lúa nước) : 2,00 ha,
- Đất trồng cây hàng năm khác : 1,00 ha.

Như vậy trong kỳ điều chỉnh diện tích đất nuôi trồng thủy sản đến năm 2020 là 106,51 ha, thực tăng 2,03 ha so với năm 2015. Diện tích đất nuôi trồng thủy sản phân bố ở: xã Mường Nhé 50,73 ha; xã Chung Chải 7,29 ha; Huổi Léch 1,07 ha; Leng Su Sìn 0,88 ha; Mường Toong 26,59 ha; Nậm Kè 4,55 ha; Nậm Vì 8,80 ha; Pá Mỳ 0,40 ha; Quảng Lâm 1,96 ha; xã Sen Thượng 1,40 ha và xã Sín Thầu 2,83 ha.

#### 2.2.3.3. Đất phi nông nghiệp

Đất phi nông nghiệp đến năm 2020 là 3.514,83 ha, xác định bổ sung so với chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ 3.717,00 ha, thấp hơn là 202,17 ha. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với năm 2015 là 2.379,42 ha. Diện tích tăng 1.135,15 ha do lấy từ các loại đất:

- Đất trồng lúa : 111,78 ha,
- Đất trồng cây hàng năm khác : 397,85 ha,
- Đất trồng cây lâu năm : 62,49 ha,
- Đất rừng sản xuất : 303,18 ha,
- Đất rừng phòng hộ : 52,66 ha,
- Đất nuôi trồng thủy sản : 0,97 ha,
- Đất chưa sử dụng : 206,22 ha.

Như vậy trong kỳ điều chỉnh diện tích đất phi nông nghiệp đến năm 2020 là 3.514,83 ha, thực tăng 1.135,15 ha so với năm 2015. Diện tích đất phi nông nghiệp phân bố ở: xã Mường Nhé 603,17 ha; xã Chung Chải 422,49 ha; Huổi Léch 159,37 ha; Leng Su Sìn 226,47 ha; Mường Toong 524,22 ha; Nậm Kè 393,02 ha; Nậm Vì 171,15 ha; Pá Mỳ 333,97 ha; Quảng Lâm 217,53 ha; xã Sen Thượng 216,25 ha và xã Sín Thầu 247,19 ha.

*Danh mục công trình dự án đất phi nông nghiệp thực hiện trong điều chỉnh quy hoạch xem chi tiết Biểu 03/CH và Phụ biểu 03, trong hệ thống biểu kèm theo.*

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Mường Nhé - tỉnh Điện Biên  
Biến động cụ thể các loại đất trong đất phi nông nghiệp trong kỳ điều chỉnh  
quy hoạch như sau:

\* Đất quốc phòng đến năm 2020 là 94,25 ha, xác định so với chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ 118,71 ha, thấp hơn là 24,46 ha. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với năm 2015 là 50,72 ha. Diện tích tăng 43,53 ha do lấy từ các loại đất:

- Đất trồng lúa : 8,64 ha,
- Đất trồng cây lâu năm : 5,61 ha,
- Đất rừng sản xuất : 11,40 ha,
- Đất rừng phòng hộ : 16,70 ha,
- Đất nuôi trồng thủy sản : 0,04 ha,
- Đất chưa sử dụng : 1,14 ha.

Như vậy trong kỳ điều chỉnh diện tích đất quốc phòng đến năm 2020 là 94,25 ha, thực tăng 43,53 ha so với năm 2015. Diện tích đất quốc phòng phân bố ở: xã Mường Nhé 45,93 ha; xã Chung Chải 0,67 ha; Leng Su Sìn 5,15 ha; Mường Toong 2,65 ha; Nậm Kè 7,80 ha; Pá Mỳ 1,39 ha; Quảng Lâm 0,22 ha; xã Sen Thượng 19,19 ha và xã Sín Thầu 11,25 ha.

\* Đất an ninh đến năm 2020 là 11,54 ha, xác định bằng với chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ 11,54 ha. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với năm 2015 là 5,86 ha. Diện tích tăng 5,68 ha do lấy từ:

- Đất trồng cây hàng năm khác : 4,79 ha,
- Đất rừng sản xuất : 0,14 ha,
- Đất chưa sử dụng : 0,75 ha.

Như vậy trong kỳ điều chỉnh diện tích đất an ninh đến năm 2020 là 8,10 ha, thực tăng 2,24 ha so với năm 2015. Diện tích đất an ninh phân bố ở: xã Mường Nhé 8,04 ha; xã Chung Chải 0,25 ha; Huổi Léch 0,25 ha; Leng Su Sìn 0,25 ha; Mường Toong 0,86 ha; Nậm Kè 0,30 ha; Pá Mỳ 0,25 ha; Quảng Lâm 0,84 ha; xã Sen Thượng 0,25 ha và xã Sín Thầu 0,25 ha.

\* Đất cụm công nghiệp đến năm 2020 trên địa bàn huyện không có và không xác định bổ sung so với chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ 10,00 ha.

\* Đất thương mại dịch vụ đến năm 2020 là 9,98 ha, xác định bổ sung so với chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ 8,53 ha, cao hơn là 1,45 ha. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với năm 2015 là 0,33 ha. Diện tích tăng 9,65 ha do lấy từ các loại đất:

- Đất trồng cây hàng năm khác : 1,73 ha,

- Đất chưa sử dụng

: 7,92 ha.

Như vậy trong kỳ điều chỉnh diện tích đất thương mại dịch vụ đến năm 2020 là 9,98 ha, thực tăng 9,65 ha so với năm 2015. Diện tích đất thương mại dịch vụ phân bố ở: xã Mường Nhé 1,94 ha; xã Chung Chải 0,12 ha; Mường Toong 0,32 ha và xã Sín Thầu 7,60 ha.

\* Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp đến năm 2020 là 10,57 ha, xác định so với chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ 17,16 ha, thấp hơn là 6,59 ha. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với năm 2015 là 9,29 ha. Diện tích tăng 1,28 ha do lấy từ đất chưa sử dụng.

Diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp phân bố ở: xã Mường Nhé 1,51 ha; xã Chung Chải 1,02 ha; Mường Toong 6,17 ha; Nậm Kè 0,59 ha và xã Sín Thầu 1,28 ha.

\* Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản đến năm 2020 là 1,82 ha, tăng 100% so với chỉ tiêu cấp tỉnh không phân bổ. Diện tích tăng 1,82 ha do lấy từ đất trồng lúa (đất trồng lúa nương). Đây là dự án khai thác mỏ đồng xã Nậm Kè.

\* Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã đến năm 2020 là 1.623,99 ha, xác định bổ sung so với chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ 1.423,08 ha, cao hơn là 200,91 ha. Diện tích tăng trong điều chỉnh quy hoạch là 1.081,98 ha so với hiện trạng năm 2015.

Diện tích đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã phân bố ở: xã Mường Nhé 319,20 ha; xã Chung Chải 147,77 ha; Huổi Léch 51,89 ha; Leng Su Sìn 69,89 ha; Mường Toong 266,95 ha; Nậm Kè 119,44 ha; Nậm Vì 118,92 ha; Pá Mỳ 238,17 ha; Quảng Lâm 61,82 ha; xã Sen Thượng 92,84 ha và xã Sín Thầu 137,10 ha.

*Biến động các loại đất trong đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã như sau:*

- Đất xây dựng cơ sở văn hóa là 5,48 ha, tăng 1,73 ha so với năm 2015.
- Đất xây dựng cơ sở y tế là 7,23 ha, tăng 2,24 ha so với năm 2015.
- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo là 58,11 ha, tăng 11,01 ha.
- Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao là 5,44 ha, tăng 4,13 ha.
- Đất giao thông là 955,89 ha, tăng 529,22 ha so với năm 2015.
- Đất thủy lợi là 244,92 ha, tăng 232,98 ha so với năm 2015.
- Đất công trình năng lượng là 295,94 ha, tăng 295,87 ha.
- Đất công trình bưu chính, viễn thông là 11,15 ha, không biến động.
- Đất chợ là 6,44 ha, tăng 4,80 ha so với năm 2015.

\* Đất bãi thải, xử lý chất thải đến năm 2020 là 5,22 ha, xác định so với chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ 12,85 ha, thấp hơn là 7,63 ha. Đất bãi thải, xử lý chất thải không biến động so với hiện trạng năm 2015.

\* Đất ở tại nông thôn đến năm 2020 là 779,91 ha, xác định so với chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ 1.051,11 ha, thấp hơn là 271,20 ha. Đất ở tại nông thôn tăng 121,89 ha, được lấy từ các loại đất:

- Đất trồng lúa : 32,00 ha,
- Đất trồng cây hàng năm khác : 70,74 ha,
- Đất trồng cây lâu năm : 14,35 ha,
- Đất rừng sản xuất : 1,80 ha,
- Đất chưa sử dụng : 3,00 ha.

Đồng thời đất ở nông thôn cũng giảm 16,67 ha, do chuyển sang:

- Đất ở tại đô thị : 15,00 ha,
- Đất giao thông : 1,67 ha.

Đất ở tại nông thôn đến năm 2020 là 779,91 ha, thực tăng 105,22 ha, so với năm 2015. Diện tích đất ở tại nông thôn phân bổ ở: xã Mường Nhé 158,77 ha; xã Chung Chải 93,83 ha; Huổi Léch 34,58 ha; Leng Su Sìn 50,17 ha; Mường Toong 127,39 ha; Nậm Kè 118,22 ha; Nậm Vì 25,71 ha; Pá Mỳ 43,93 ha; Quảng Lâm 64,82 ha; xã Sen Thượng 31,44 ha và xã Sín Thầu 31,12 ha.

\* Đất ở tại đô thị đến năm 2020 là 24,65 ha, xác định so với chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ 35,00 ha, thấp hơn là 10,35 ha. Đất ở tại đô thị tăng 24,65 ha, là đất ở đô thị theo quy hoạch chung trung tâm huyện Mường Nhé, được lấy từ các loại đất:

- Đất ở tại nông thôn : 15,00 ha,
- Đất trồng cây hàng năm khác : 9,65 ha.

\* Đất xây dựng trụ sở cơ quan đến năm 2020 là 16,17 ha, xác định bổ sung so với chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ 18,83 ha, thấp hơn là 2,66 ha. Đất xây dựng trụ sở cơ quan tăng 5,14 ha, được lấy từ các loại đất:

- Đất trồng lúa : 1,36 ha,
- Đất trồng cây hàng năm khác : 2,11 ha,
- Đất trồng cây lâu năm : 0,47 ha,
- Đất rừng phòng hộ : 0,90 ha,
- Đất nuôi trồng thủy sản : 0,05 ha,
- Đất chưa sử dụng : 0,25 ha.



Đất xây dựng trụ sở cơ quan đến năm 2020 là 16,27 ha, thực tăng 5,24 ha, so với năm 2015. Diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan phân bố ở: xã Mường Nhé 4,35 ha; xã Chung Chải 4,33 ha; Huổi Léch 0,83 ha; Leng Su Sìn 0,83 ha; Mường Toong 0,32 ha; Nậm Kè 0,66 ha; Nậm Vì 0,72 ha; Pá Mỳ 0,87 ha; Quảng Lâm 0,31 ha; xã Sen Thượng 1,92 ha và xã Sín Thầu 1,04 ha.

\* Đất cơ sở tôn giáo đến năm 2020 trên địa bàn không có, việc thống kê đất đai năm 2015 đưa đất tôn giáo do người dân tự ý xây dựng trên đất ở, đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác là không đúng với quy định của Luật Đất đai năm 2013.

\* Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng đến năm 2020 là 29,67 ha, xác định bằng với chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ 29,67 ha. Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng tăng 11,70 ha, được lấy từ các loại đất:

- Đất trồng cây hàng năm khác : 9,00 ha,
- Đất trồng cây lâu năm : 2,20 ha
- Đất rừng sản xuất : 0,50 ha.

Diện tích đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng phân bố ở: xã Mường Nhé 12,32 ha; xã Huổi Léch 0,02 ha; Mường Toong 7,44 ha; Nậm Kè 3,11 ha; Pá Mỳ 3,26 ha; Quảng Lâm 3,51 ha.

\* Đất sản xuất vật liệu xây dựng đến năm 2020 là 41,63 ha, chỉ tiêu này cấp tỉnh không phân bổ. Đất sản xuất vật liệu xây dựng tăng 9,02 ha, được lấy từ đất đồi núi chưa sử dụng.

Diện tích đất sản xuất vật liệu xây dựng phân bố ở: xã Mường Nhé 9,92 ha; xã Chung Chải 0,44 ha; Leng Su Sìn 1,39 ha; Mường Toong 17,79 ha; Nậm Kè 2,93 ha; Quảng Lâm 2,70 ha; xã Sen Thượng 6,46 ha.

\* Đất sinh hoạt cộng đồng đến năm 2020 là 8,41 ha, chỉ tiêu này cấp tỉnh không phân bổ. Đất sinh hoạt cộng đồng tăng 8,41 ha, được lấy từ đất:

- Đất trồng lúa : 0,90 ha,
- Đất trồng cây hàng năm khác : 5,03 ha,
- Đất trồng cây lâu năm : 1,80 ha,
- Đất rừng sản xuất : 0,40 ha,
- Đất chưa sử dụng : 0,30 ha.

Diện tích đất sinh hoạt cộng đồng phân bố ở: xã Mường Nhé 1,29 ha; xã Chung Chải 1,40 ha; Huổi Léch 0,48 ha; Leng Su Sìn 0,60 ha; Mường Toong 1,20 ha; Nậm Kè 0,90 ha; Nậm Vì 0,80 ha; Pá Mỳ 0,80 ha; Quảng Lâm 0,10 ha; xã Sen Thượng 0,40 ha và xã Sín Thầu 0,80 ha.

\* Đất khu vui chơi, giải trí công cộng đến năm 2020 là 4,06 ha, chỉ tiêu này cấp tỉnh không phân bổ. Đất khu vui chơi, giải trí công cộng tăng 4,06 ha, diện tích này ở xã Mường Nhé nằm trong Quy hoạch chung xây dựng khu trung tâm huyện được lấy từ đất:

- Đất trồng cây hàng năm khác : 2,89 ha,
- Đất nuôi trồng thủy sản : 0,69 ha,
- Đất có mặt nước chuyên dùng : 0,48 ha.

\* Đất cơ sở tín ngưỡng đến năm 2020 không có, phù hợp với chỉ tiêu cấp tỉnh không phân bổ. Đất cơ sở tín ngưỡng thống kê năm 2015 tại xã Chung Chải 0,04 ha và xã Leng Su Sìn 0,01 ha, do người dân tự ý xây dựng trên đất ở tại nông thôn và đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác là không đúng với quy định của Luật Đất đai năm 2013.

\* Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối đến năm 2020 là 851,79 ha, chỉ tiêu này cấp tỉnh không phân bổ. Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối giảm 176,51 ha, do chuyển sang:

- Đất giao thông : 0,90 ha,
- Đất thủy lợi : 98,61 ha,
- Đất công trình năng lượng : 77,00 ha.

Diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối phân bổ ở: xã Mường Nhé 5,50 ha; xã Chung Chải 172,66 ha; Huổi Léch 71,33 ha; Leng Su Sìn 98,18 ha; Mường Toong 93,12 ha; Nậm Kè 137,25 ha; Nậm Vì 24,39 ha; Pá Mỳ 45,29 ha; Quảng Lâm 83,21 ha; xã Sen Thượng 64,11 ha và xã Sín Thầu 56,75 ha.

\* Đất có mặt nước chuyên dùng đến năm 2020 là 1,08 ha, chỉ tiêu này cấp tỉnh không phân bổ. Đất có mặt nước chuyên dùng không biến động so với năm 2015. Phân bổ tại xã Mường Nhé 0,47 ha; xã Nậm Vì 0,61 ha.

#### 2.2.1.3. Đất chưa sử dụng

Đất chưa sử dụng đến năm 2020 là 2.352,72 ha, xác định bổ sung so với chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ 2.304,23 ha, cao hơn là 48,49 ha. Đất chưa sử dụng giảm 23.755,43 ha, do chuyển sang các loại đất:

- Đất trồng cây lâu năm : 930,00 ha,
- Đất rừng sản xuất : 11.657,67 ha,
- Đất rừng phòng hộ : 10.961,54 ha,
- Đất ở tại nông thôn : 3,00 ha,
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan : 0,25 ha,
- Đất quốc phòng : 1,14 ha,

- Đất an ninh	:	0,75 ha,
- Đất xây dựng cơ sở văn hóa	:	0,10 ha,
- Đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo	:	0,60 ha,
- Đất thương mại - dịch vụ	:	7,92 ha,
- Đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	:	1,28 ha,
- Đất làm vật liệu xây dựng	:	9,02 ha,
- Đất giao thông	:	81,02 ha,
- Đất thủy lợi	:	9,79 ha,
- Đất sinh hoạt cộng đồng	:	0,30 ha,
- Đất xây dựng công trình năng lượng	:	86,75 ha,
- Đất chợ	:	4,30 ha.

Diện tích đất chưa sử dụng phân bố ở: xã Mường Nhé 128,13 ha; xã Chung Chải 54,11 ha; Huổi Léch 129,29 ha; Leng Su Sìn 452,30 ha; Mường Toong 120,26 ha; Nậm Kè 332,02 ha; Nậm Vì 67,80 ha; Pá Mỳ 42,33 ha; Quảng Lâm 426,40 ha; xã Sen Thượng 254,93 ha và xã Sín Thầu 345,15 ha.

#### **2.2.1.4. Đất đô thị**

Đất đô thị đến năm 2020 huyện Mường Nhé xác định là 487,30 ha, thấp hơn chỉ tiêu phân khai cấp tỉnh là 2.973,70 ha, tỉnh phân bổ 3.461,00 ha. Đất đô thị đang được UBND huyện Mường Nhé nghiên cứu lập đề cương, dự án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng đô thị Mường Nhé đến năm 2030.

### **2.3. Chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng**

#### **2.3.1. Khu vực chuyên trồng lúa nước**

Quá trình hội nhập và tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa sẽ làm nảy sinh mâu thuẫn ngày càng gay gắt giữa việc bảo vệ diện tích đất trồng lúa nước với việc phát triển sản xuất, kinh doanh, xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Trong những năm tới, trên cơ sở chỉ tiêu diện tích đất trồng lúa được phân bổ lựa chọn cần được bảo vệ bằng các biện pháp khác nhau cũng như xây dựng hệ thống công trình thủy lợi để cung cấp nước tưới chủ động để tăng diện tích đất chuyên trồng lúa nước. Đến năm 2020 duy trì bảo vệ diện tích đất chuyên trồng lúa nước 484,23 ha, chiếm 0,31% diện tích tự nhiên của huyện. Phân bố tại: xã Mường Nhé 31,91 ha; xã Chung Chải 94,44 ha; Huổi Léch 9,38 ha; Leng Su Sìn 25,12 ha; Mường Toong 21,79 ha; Nậm Kè 137,83 ha; Nậm Vì 59,84 ha; Pá Mỳ 13,71 ha; Quảng Lâm 43,21 ha; xã Sen Thượng 37,00 ha và xã Sín Thầu 10,00 ha.

#### **2.3.2. Khu vực chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm**

Định hướng sử dụng đất khu vực chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm trong thời gian tới chủ yếu là chuyển đổi đất vườn tạp trong các khu dân cư sang

Quy hoạch đất trồng cây công nghiệp lâu năm tập trung là 5.216,80 ha, chiếm 3,32% diện tích tự nhiên của huyện, trên địa bàn huyện Mường Nhé xác định một số dự án trồng cây công nghiệp lâu năm như:

- Dự án trồng cây Mác Ca đến năm 2020 là 5.010 ha trên địa bàn: xã Mường Nhé 900 ha; xã Chung Chải 1.010 ha; xã Leng Su Sìn 900 ha; xã Nậm Vì 800 ha; xã Sen Thượng 700 ha; xã Sín Thầu 700 ha.

- Dự án trồng cây Cà phê 155 ha, trên địa bàn: Xã Mường Nhé 10 ha; Mường Toong 30 ha; Leng Su Sìn 100 ha, xã Nậm Kè 15 ha.

- Dự án trồng cây Cao su 1.350 ha, trên địa bàn: xã Mường Nhé 500 ha; Mường Toong 650 ha và xã Nậm Kè 200 ha.

### **2.3.3. Khu vực rừng phòng hộ**

Tiếp tục thực hiện hiệu quả chương trình bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ. Nâng cao chất lượng rừng phòng hộ. Thực hiện quy hoạch 3 loại rừng. Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ, cải tạo, tu bổ vốn rừng phòng hộ nhằm tăng nhanh vốn rừng.

Khoanh nuôi phục hồi rừng ở những khu vực đất đồi núi chưa sử dụng, chưa có cây rừng, hoặc có nhưng rải rác. Tận dụng triệt để khả năng tái sinh và diễn thế tự nhiên để phục hồi rừng. Đến năm 2020, diện tích đất rừng phòng hộ là 42.065,27 ha, chiếm 26,81% diện tích tự nhiên của huyện.

### **2.3.4. Khu vực rừng đặc dụng**

Đến năm 2020 bảo vệ nghiêm ngặt diện tích rừng đặc dụng là 44.993,44 ha, chiếm 28,67% diện tích tự nhiên của huyện.

### **2.3.5. Khu vực rừng sản xuất**

Trồng rừng và nông lâm kết hợp tại những nơi có điều kiện trồng chăm sóc, nuôi dưỡng. Những diện tích gần khu dân cư áp dụng phương thức nông lâm kết hợp và xây dựng kinh tế rừng. Trồng rừng tập trung ở những diện tích đất trống không có rừng. Phần diện tích rừng sản xuất xen kẽ với các khu dân cư cần được khai thác và phát triển. Ngoài ra, còn trồng cây phân tán ở hai bên trục giao thông, trong đất khu dân cư, các cơ quan, trường học, trạm y tế,...

Thực hiện quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Điện Biên. Sử dụng các phương pháp khai thác hợp lý, khai thác phải đi đôi với tái sinh rừng và thực hiện phát triển kinh tế rừng. Diện tích đất rừng sản xuất đến năm 2020 là 38.739,03 ha, chiếm 24,69% diện tích tự nhiên của huyện.

### **2.3.6. Khu vực công nghiệp, cụm công nghiệp**

Đến năm 2020 trên địa bàn huyện chưa phát triển.

### **2.3.7. Khu đô thị - thương mại - dịch vụ**

- Tạo sự hài hòa trong các khu quy hoạch khu trung tâm huyện đến năm 2020, kết hợp với quy hoạch trung tâm của các xã trên địa bàn. Trong giai đoạn tới tập trung phát triển các ngành thương mại, dịch vụ, nâng cao chất lượng, hiệu quả của các loại hình dịch vụ văn phòng, phục vụ sản xuất kinh doanh và đời sống. Diện tích đất thương mại, dịch vụ đến năm 2020 là 26,59 ha, chiếm 0,02% diện tích tự nhiên của huyện.

### **2.3.8. Khu du lịch**

Trên địa bàn huyện cần nghiên cứu phát triển loại đất này. Kết hợp hài hòa du lịch cộng đồng thôn, bản với Du lịch sinh thái rừng già của huyện, thu hút khách du lịch trong nước và quốc tế.

### **2.3.9. Khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp**

Ổn định các cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp trên địa bàn thành các khu vực đảm bảo phát triển bền vững đi đôi với bảo vệ môi trường sinh thái cũng như không làm ảnh hưởng đến đời sống của nhân. Trong đó tăng cường công tác quản lý Nhà nước về đất đai cũng như đáp ứng nhu cầu đất đai khi các cơ sở sản xuất kinh doanh có nhu cầu để cho phát triển bền vững và đảm bảo môi trường sinh thái trong các khu dân cư trên địa bàn. Khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp đến năm 2020 là 789,97 ha, chiếm 0,50% diện tích tự nhiên của huyện.

## **III. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG**

### **3.1. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và chi phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư**

Phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Mường Nhé được xây dựng phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của huyện, là cơ sở pháp lý quan trọng trong việc giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất.

Thực hiện phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất sẽ góp phần nâng cao giá trị đất đai, khai thác hợp lý ưu thế của từng loại đất, ở từng khu vực; mang lại hiệu quả cho người sử dụng đất và xã hội, đồng thời tạo ra giá trị mới về đất đai đối với từng khu vực. Kết quả của phương án tạo ra giá trị gia tăng đối với kinh tế thông qua việc chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất phục vụ cho tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ phát triển và xây dựng cơ sở hạ tầng.

Theo phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đã chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang các loại đất phi nông nghiệp đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020 góp phần nâng cao giá trị sử dụng đất và mang lại nguồn thu đáng kể cho ngân sách nhà nước.

### **3.2. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến khả năng bảo đảm an ninh lương thực quốc gia**

Nguồn lương thực của huyện Mường Nhé chủ yếu là thóc và ngô; để tăng cường tính chủ động trong việc đảm bảo an toàn lương thực, phương án quy hoạch của tỉnh đã xác định diện tích đất trồng lúa đến năm 2020 là 14.529,80 ha, trong đó đất chuyên lúa là 484,23 ha; đất trồng cây hàng năm khác là 1.912,10 ha.

Với diện tích đất trồng lúa theo quy hoạch, việc tăng cường đầu tư nâng cấp cải tạo cũng như xây mới hệ thống mương tưới, xây dựng các hồ, đập để chủ động trong việc giữ nước, chủ động nước tưới; có biện pháp để bảo vệ diện tích đất trồng lúa đã quy hoạch, diện tích đất trồng lúa nước cần được bảo vệ nghiêm ngặt trên địa bàn từng xã, từng khu vực cụ thể có đống móc, biển bảo vệ cho từng khu vực; khuyến khích nhân dân tiếp tục trồng và bảo vệ diện tích đất trồng lúa nước. Đồng thời thực hiện các biện pháp để cải tạo đất, thâm canh tăng vụ, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật về giống, kỹ thuật canh tác để và tăng năng suất, sản lượng lương thực. Đến năm 2020 bình quân lương thực đầu người đạt 450 kg/người/năm, cơ bản đáp ứng được yêu cầu về an ninh lương thực trên địa bàn huyện.

### **3.3. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đối với việc giải quyết quỹ đất ở, mức độ ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân phải di dời chỗ ở, số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển mục đích sử dụng đất**

Phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đã xác định diện tích đất ở tại đô thị là 24,65 ha và đất ở tại nông thôn là 779,99 ha, để bố trí tái định cư cho các hộ bị giải tỏa, thu hồi đất khi thực hiện các dự án xây dựng công trình công cộng (giao thông, thủy lợi, thủy điện,...); bố trí đất cho các hộ phát sinh trong việc tăng dân số tự nhiên, cơ học, giãn dân và thực hiện các dự án sắp xếp, ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội đảm bảo quốc phòng - an ninh theo Đề án 79. Bên cạnh đó, đối với các hộ gia đình bị thu hồi đất sẽ được hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm. Kinh phí hỗ trợ lấy từ nguồn đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm và được tính trong tổng kinh phí của dự án đầu tư, hoặc phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư được duyệt.

Tuy nhiên, thực hiện phương án điều chỉnh quy hoạch, đất đai bị thu hồi làm cho một bộ phận người dân phải di chuyển nơi ở, mất đất sản xuất... Việc thay đổi nơi sống, những vấn đề tác động không nhỏ đến đời sống người dân. Mặc dù đã được đền bù, hỗ trợ, tái định cư; Tuy nhiên, tập tục, tập quán và quan hệ thôn bản, dòng họ... là những vấn đề có bề dày lịch sử, của dân tộc. Hậu quả có thể sẽ lâu dài vì sinh kế bị ảnh hưởng và nhiều nơi các tệ nạn xã hội cũng có điều kiện gia tăng một khi số tiền đền bù của các dự án không được bố trí cho tái sản xuất một cách hợp lý.

### **3.4. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến quá trình đô thị hóa và phát triển hạ tầng**

Trên cơ sở quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Điện Biên và của huyện Mường Nhé, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, đã tính toán quỹ đất để đầu tư, phát triển hạ tầng - kỹ thuật khu đô thị trung tâm huyện cũng như quy hoạch Nông thôn mới của 11 xã, ... đồng thời chủ động kiểm soát chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất, phân bổ đất đai cho các ngành, lĩnh vực theo quy hoạch, qua đó đáp ứng nhu cầu về đất đai cho quá trình đô thị hóa và phát triển hạ tầng kỹ thuật - hạ tầng xã hội trên địa bàn huyện.

Phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đã tính toán bố trí diện tích đất khu đô thị trung tâm huyện là 80,00 ha; đồng thời phân bổ đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã là 1.623,99 ha. Bên cạnh đó, quá trình đô thị hóa sẽ thu hút một lượng lao động dịch chuyển từ nông thôn ra khu trung tâm và diện tích đất ở đô thị là 24,65 ha; đất giao thông toàn huyện là 955,99 ha; đất công trình năng lượng là 295,94 ha; đất sinh hoạt cộng đồng là 8,41 ha; đất khu vui chơi, giải trí công cộng là 4,06 ha; đất xây dựng cơ sở văn hóa là 5,48 ha; đất cơ sở y tế là 7,23 ha; đất cơ sở giáo dục - đào tạo là 58,11 ha; đất cơ sở thể dục - thể thao là 5,44 ha.

### **3.5. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đối với việc tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, bảo tồn văn hoá các dân tộc**

Trên địa bàn huyện Mường Nhé không có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh thì chưa được xác định, việc bảo tồn văn hoá các dân tộc luôn được quan tâm bảo vệ. Mỗi dân tộc trên địa bàn có những phong tục, tập quán khác nhau được duy trì và bảo tồn cho các thế hệ có sự tiếp thu sáng tạo, hiện đại hóa, loại bỏ những hủ tục không phù hợp với hiện tại và phát triển trong tương lai và phát huy nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc, khơi dậy tinh thần yêu nước và lòng tự hào dân tộc của thế hệ trẻ.

Bên cạnh đó, trong thời gian tới cần bố trí một quỹ đất hợp lý để xây dựng nhà văn hóa của các xã và các nhà sinh hoạt cộng đồng cho các thôn, bản để phục vụ các hoạt động văn hóa lamg cho đời sống tinh thần của nhân dân ngày một tốt hơn.

### **3.6. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến khả năng khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên; yêu cầu bảo tồn, phát triển diện tích rừng và tỷ lệ che phủ**

Phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đã khai thác khá diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho sản xuất nông nghiệp, trồng mới và khoanh nuôi tái sinh rừng phòng hộ, rừng sản xuất tùy theo mức độ thích hợp; chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất lâm nghiệp theo quy hoạch 3 loại rừng

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Mường Nhé - tỉnh Điện Biên  
trên địa bàn từ: đất trồng lúa nương; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác; đất trồng cây lâu năm. Đồng thời bảo vệ nghiêm ngặt diện tích đất rừng đặc dụng đến năm 2020 là 44.993,44 ha; phát triển diện tích đất rừng phòng hộ 42.065,27 ha; đất rừng sản xuất là 38.739,03 ha. Đến năm 2020 đảm bảo độ che phủ rừng của toàn huyện đạt trên 51,5%.

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất xác định đến năm 2020, diện tích đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản là 1,82 ha để khai thác mỏ Đồng ở xã Nậm Kè, còn lại đất khai thác vật liệu xây dựng 41,63 ha (vật liệu xây dựng thông thường). Diện tích quy hoạch để cho hoạt động khoáng sản chủ yếu phục vụ cho nhu cầu thiết yếu tại địa phương đáp ứng nhu cầu về vật liệu xây dựng trên địa bàn. Việc quy hoạch được thực hiện trên nguyên tắc khai thác tiết kiệm, hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Đối với việc nguồn tài nguyên nước đến năm 2020 đã tính toán xây dựng theo kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 và nguồn kinh phí khác của các chương trình Mục tiêu quốc gia để xây dựng hệ thống hồ, đập nhằm cung cấp nguồn nước sạch cho sinh hoạt của nhân dân, cũng như nguồn nước tưới phục vụ cho sản xuất.



### **PHẦN III GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

#### **I. XÁC ĐỊNH CÁC GIẢI PHÁP BẢO VỆ, CẢI TẠO ĐẤT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

- Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 là cơ sở cho việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, đấu giá quyền sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất. Phát huy hiệu quả trong sử dụng đất, tránh tình trạng chùng chéo trong quy hoạch sử dụng đất, hạn chế sử dụng đất sai mục đích, làm căn cứ để thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn thành phố.

- Thực hiện các biện pháp trồng rừng theo hình thức nông - lâm kết hợp trên đất dốc, hạn chế việc cày xới bề mặt đất trong mùa mưa và khai thác trắng đối với rừng sản xuất, để chống xói mòn, rửa trôi, sạt lở đất.

- Sử dụng phân hoá học, thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất nông - lâm nghiệp một cách hợp lý, sử dụng các loại phân hữu cơ làm giàu cho đất, chống ô nhiễm môi trường đất.

- Sử dụng đất khai thác khoáng sản và làm nguyên vật liệu xây dựng phải có phương án bảo vệ môi trường. Sau khi kết thúc khai thác phải có kế hoạch phục hồi hiện trạng bề mặt sử dụng đất ban đầu, hoặc trồng rừng để bảo vệ môi trường sinh thái.

- Xây dựng và thực hiện theo quy hoạch chi tiết được phê duyệt đảm bảo đồng bộ và thống nhất, khai thác hiệu quả diện tích đất đai và cả không gian trong quá trình sử dụng đất như: Xây nhà cao tầng, kết hợp giao thông với hệ thống cấp thoát nước, chuyển dẫn năng lượng truyền thông, để đảm bảo mỹ quan đô thị với khả năng phục đời sống của nhân dân một cách tốt nhất ....

- Phát triển nông nghiệp nông thôn gắn với phát triển hạ tầng kỹ thuật: Giao thông, thuỷ lợi, cơ sở chế biến, thị trường tiêu thụ, đưa chất lượng nông sản hàng đầu để phục vụ nhu cầu của nhân dân...

- Khuyến khích việc nhập khẩu công nghệ và thiết bị xử lý chất thải, phát triển các cơ sở dịch vụ xử lý chất thải. Có chính sách xử phạt thích đáng với những hành vi gây tổn hại đến đất đai và môi trường.

- Bằng biện pháp giao đất cụ thể đến các đối tượng trực tiếp sử dụng đất, phát triển cơ sở hạ tầng (nhất là giao thông), tạo vốn, nhân lực, vật tư để đẩy mạnh trồng rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng trên đất đồi núi trọc, tăng độ che phủ của rừng.

- Tăng cường công tác kiểm tra, xây dựng lực lượng kiểm lâm và phương tiện làm việc, giao đất, giao rừng cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân. Nhằm bảo vệ diện tích rừng phòng hộ đầu nguồn và đất rừng sản xuất hiện có.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục mọi người dân có ý thức trong việc sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả và bảo vệ môi trường.

## **II. XÁC ĐỊNH CÁC GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT**

- Sau khi phương án điều chỉnh quy hoạch được phê duyệt, tổ chức công bố công khai toàn bộ tài liệu của phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến tất cả các đơn vị hành chính, các tổ chức, cá nhân và toàn thể nhân dân.

- Quy hoạch, kế hoạch của các ngành, lĩnh vực, trên địa bàn phải đảm bảo theo điều chỉnh quy hoạch của huyện Mường Nhé đến năm 2020 đã được UBND tỉnh phê duyệt. Việc xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phải thống nhất chặt chẽ từ điều chỉnh quy hoạch của tỉnh đến các xã.

- Tổ chức cắm mốc, xác định ranh giới các quy hoạch chi tiết và các dự án, công trình trọng điểm, rà soát điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch ngành. Đảm bảo thực hiện quy hoạch theo đúng thời gian đã được phê duyệt.

- Xác định ranh giới và công khai diện tích đất trồng lúa, rừng phòng hộ cần bảo vệ nghiêm ngặt. Điều tiết phân bổ nguồn lực, trước hết là nguồn ngân sách Nhà nước bảo đảm lợi ích giữa các phường, xã tăng cường đầu tư hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, xây dựng các cơ sở bảo quản, chế biến, có chính sách, biện pháp phù hợp để giảm chi phí sản xuất, tăng thu nhập, để người nông dân yên tâm sản xuất.

- Tăng cường đầu tư cho công tác điều tra cơ bản về đất đai, xây dựng cơ sở dữ liệu, hoàn thiện hệ thống thông tin về đất đai.

- Thường xuyên thanh tra, kiểm tra, giám sát thường xuyên việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa sang các loại đất khác, đặc biệt là chuyển sang đất phi nông nghiệp.

- Tổ chức quản lý, giám sát chặt chẽ việc sử dụng đất cho mục đích sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp phải thực hiện theo kế hoạch, đảm bảo tiết kiệm và có hiệu quả.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý kịp thời các vi phạm pháp luật, đảm bảo cho việc sử dụng đất theo điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm đã được phê duyệt.

- Hàng năm Ủy ban nhân dân huyện xây dựng kế hoạch sử dụng đất hàng năm gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện các công trình, dự án trong năm đảm bảo đúng tiến độ, thời gian quy định.

## **KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

### **I. KẾT LUẬN:**

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Mường Nhé thể hiện chiến lược sử dụng đất của huyện và là nội dung cụ thể hóa Nghị quyết số 78/NQ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Điện Biên. Có ý nghĩa quan trọng để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội là công cụ quan trọng để UBND huyện thực hiện quản lý đất Nhà nước về đất đai theo quy định của Luật đất đai năm 2013 và thực hiện theo các chỉ tiêu phân bổ của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất tỉnh Điện Biên. Là căn cứ để thực hiện việc: giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đáp ứng nhu cầu đất đai để thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Đồng thời thực hiện phân bổ đất đai cho các ngành, lĩnh vực và các thành phần kinh tế phát triển theo quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020 của huyện, của tỉnh Điện Biên, nhằm thực hiện các mục tiêu sau:

- Khai thác hiệu quả tài nguyên đất đai, để xây dựng huyện Mường Nhé là huyện có nền kinh tế thoát khỏi huyện đặc biệt khó khăn.

- Phát triển sản xuất nông nghiệp của huyện trên cơ sở ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ để tăng năng suất, chất lượng sản phẩm nông sản phục vụ đời sống nhân dân trên địa bàn.

- Đối với những hộ dân bị thu hồi đất nông nghiệp, phải di chuyển chỗ ở, chuyển đổi nghề nghiệp, được bố trí tái định cư và ưu tiên đào tạo nghề, chuyển đổi việc làm và ưu tiên tuyển dụng lao động vào các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn...

### **II. KIẾN NGHỊ:**

Phương án Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Mường Nhé, đáp ứng cơ bản các chỉ tiêu phân khai của Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 tỉnh Điện Biên. Ủy ban nhân dân huyện đã hoàn thiện dự án theo ý kiến của Hội đồng thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tỉnh Điện Biên và ý kiến của các Thành viên Ủy ban nhân dân huyện Mường Nhé; được Hội đồng nhân dân huyện Mường Nhé thông qua trước khi trình UBND tỉnh Điện Biên phê duyệt./.